



Hì họa của Christoph NIEMANN,
The New York Times Book Review

mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

thời sự & những vấn đề

- | | |
|--|-----------------|
| 1 Chủ chiến, nhưng cuộc chiến nào ? Nguyễn Quang | |
| 4 Tin / Thời sự | |
| 11 Lại thư ngỏ 2001 | Trần Độ |
| 13 Cuộc hẹn trong sa mạc | Đỗ Tuyết Khanh |
| 16 Dioxin và bệnh tật | Nguyễn Văn Tuấn |

văn hóa & khoa học & nghệ thuật

- | | |
|---------------------------------------|--------------|
| 21 Rồi thì người ở một mình | Tô Hoài |
| 22 Nghệ thuật Stephen King | Văn Ngọc |
| 24 Đoàn Chuẩn (-2001) | Đặng Tiến |
| 26 Mỹ Châu (truyện ngắn) | Lê Minh Hà |
| 28 Bất hạnh của tài hoa (truyện ngắn) | Đặng Thư Cửu |
| 31 Tiếng Việt (thơ) | Lưu Quang Vũ |
| 32 Kẻ đạo văn (truyện ngắn) | Hoà Vang |

Bin Laden và Afghanistan

Tán thành cuộc chiến nào ?

NGUYỄN QUANG

Hai tháng sau cuộc thảm sát 11.9, liên minh chống khủng bố (hay nói cho đúng, thành phần Mĩ của liên minh) gần như đã đạt được những mục tiêu của cuộc chiến tranh ở Afghanistan : lật đổ chế độ taliban và phá vỡ mạng lưới Al-Qaida. Chính ở thời điểm hành động quân sự gần đạt mục đích mà ta cần đặt ra những câu hỏi cơ bản về nguyên uỷ và diễn tiến của cuộc chiến tranh này.

1/ Trước hết, trên chiến trường, mọi việc dường như đã sáng tỏ (trong chừng mực có thể dùng hai chữ sáng tỏ để nói tới cuộc út tim vĩ đại ở Afghanistan !) : sau khi cái chốt Mazar-i-Sharif bị nhổ đi, quân Taliban đã bỏ mặc trận địa cho Liên minh miền bắc để rút về Kandahar, cứ điểm lịch sử của họ. Kandahar có hai thuận lợi : nó nằm ở trung tâm vùng dân cư của tộc người Pashtun đông dân nhất ở Afghanistan (đối nghịch với các tộc Uzbek, Tadjik và Hazara), lại tựa lưng vào Pakistan có thể dùng làm hậu cứ (như Pakistan đã từng giữ vai trò chiến lược này trong các cuộc xung đột trước đây). Với cục diện mới này, cuộc chiến tranh có nguy cơ trở thành chiến tranh sắc tộc và phá vỡ sự ổn định ở Pakistan đang phải đương đầu với những khó khăn kinh tế và phân liệt xã hội. Kịch bản bi thảm này dường như ít có khả năng diễn ra hơn kịch bản các thủ lĩnh quân sự Pashtun bỏ rơi lực lượng Taliban (điều này đã xảy ra tại Jalalabad ở đông-bắc Kandahar) để đứng về phe chiến thắng, nhằm xí phần lãnh thổ với Liên minh miền Bắc.

2/ Như thế sẽ hình thành trên thực tế một tấm "thổ cẩm" Afghan, mỗi sắc tộc hùng cứ một phương, khiến cho người ta không thể không lo ngại cho tương lai đất nước này. Có cần nhắc lại rằng trong thời gian 1992-1996, sau khi chiến thắng chính quyền thân Liên Xô, các thủ lãnh bộ tộc Afghan (kể cả tư lệnh Massoud đã quá cố) đã không biết chia sẻ quyền lực ở Kabul, dẫn tới nội chiến giữa các sắc tộc (50 000 người chết) và dọn đường cho các lực lượng Taliban ? Người ta hiểu tại sao người Mĩ đã do dự, tại sao sau khi cơ sở hạ tầng quân sự và cơ cấu chỉ huy (khá thô sơ) của Taliban bị các cuộc oanh kích phá tan, chiến dịch không quân của Mĩ có vẻ như đậm đà tại chỗ, tại sao Mĩ chân chừ không mở đường cho Liên minh miền Bắc tiến xuống Kabul. Chẳng ai có thể tin cậy được Liên minh ô hợp này, dưới sự cầm đầu của những thủ lĩnh mà sự tàn bạo (như tướng Dostom) và sự cuồng tín (Abdul Rassoul Sayyaf) chẳng thua gì bọn Taliban, và ưu tiên của Mĩ là làm sao thúc

(xem tiếp trang 10)

Sinh hoạt nghệ thuật

VINH PHẠM và P.ETCHEVERRY

Vinh Phạm (*violon*) và Pierre Etcheverry (*piano*) sẽ hoà tấu những tác phẩm của Dornel, Leclair, Debussy và Fauré tối **thứ sáu 7.12 (20g30)** tại Cathédrale SAINTE-CROIX des ARMENIENS, 7ter, rue Charlot, Paris 3e (métros Filles du Calvaire et St Paul). 70F.

Quatuor à cordes ELOVINH

Ban tứ tấu dây ELOVINH (Vinh Phạm *violon*, Elodie Valat *violon*, Zũng Phạm *alto*, Minh Quyên Phạm *violoncelle*) sẽ trình tấu những tác phẩm của Haydn, Mozart và Kreisler tại Musée CARNAVALET, 23 rue de Sévigné, Paris 3, (Métro Saint-Paul) chiều thứ bảy 8.12, 15 giờ. Giữ vé trước (80F) tại FNAC France Billet (06 10 16 24 02), hay tại chỗ một giờ trước buổi trình diễn.

ĐÀO DROSTE

Nữ nghệ sĩ tạo hình Đào Droste triển lãm họa phẩm, điêu khắc và bố trí (*installation*) tại Đức :

Open mindedness / Visages animés disposés dans un espace
tại REUTLINGEN từ 13.10.2001 đến 3.2.2002 (Städtisches Kunstmuseum Spendhaus / Städtische Galerie)

Dao Droste. Im Zeichen des Tao
Atelier & Galerie Dao, EPPELHEIM (17.11.-15.12.2001)

NGUYỄN LÊ

Chương trình lưu diễn tháng 12.2001 và 1-2.2002 :

Tuần đầu tháng 12 : tại Ultramarine (đảo Martinique).
10 và 1.12 : Duc des Lombards (Paris) với Zanzibar trio (Nguyễn Lê, Art Lande, P. McCandless).
15.12 : Foix (Pháp) Nguyễn Lê Trio (RGF, KZ)
7-20.1.2002 : thu đĩa CD mới tại Paris
27.1 : khách mời của ban nhạc Jazz tại Caen (Pháp)
29.1 đến 10.2 : lưu diễn tại bờ biển miền tây Hoa Kỳ cùng với Art Lande, P. McCandless, D. Johnson, J. Allouche.

ĐĂNG THÁI SƠN

độc tấu dương cầm những nhạc phẩm của Debussy, Liszt, Chopin, Mompou, Scriabine tại Musikhochschule FRANK-FURT (Đức) ngày 23.2.2002 [Hội Văn hoá Đức-Việt tổ chức]

Bạn đọc & Diễn đàn

Lợi dụng EURO để tăng giá ?

☒ Tôi xin gửi kèm đây ngân phiếu 250 FF, tức là 38,5 Euro, chứ không phải 40 Euro như quý báo đã in. In nhầm, hay lợi dụng việc chuyển từ đồng Franc sang Euro để tăng giá ?

N.V.X. (Paris, Pháp)

☒ Giá báo ngoài châu Âu là 330 F, tính theo hối suất hiện thời là 45 USD, chứ không thể là 60 USD.

T.M. (Cornell, Hoa Kỳ)

☒ Như chúng tôi đã thông báo trong mấy số chót, giá báo tại Pháp trong năm 2001 là 250 F (tức là 38,11 E), nhưng sang năm 2002 sẽ là 40 Euro (tức là 262,38 F). Nói cách khác, khi “vo tròn” giá báo, chúng tôi đã... “chín (ruồi) bỏ làm mười”, tăng giá báo lên gần 5% : trong 10 năm qua, giá báo không thay đổi trong khi vật giá đã lên cao. *Diễn Đàn* là tờ báo sống hoàn toàn bằng tiền mua báo dài hạn của bạn đọc, không có quảng cáo thương mại, không có tài trợ của bất kỳ chính quyền hay tổ chức nào. Mong rằng quyết định tăng giá này được bạn đọc thông cảm.

Nhân tiện, cũng xin lưu ý bạn đọc là ngân phiếu bằng FF kể từ ngày 1.1.2002 sẽ không được ngân hàng chấp nhận. Vì vậy, xin bạn đọc vui lòng, ngay từ bây giờ, thanh toán bằng Euro. Trước ngày 31.12.01, vẫn theo giá cũ 38,11 Euro. Nhưng bạn đọc hoàn toàn có thể “vo tròn” thành 40 Euro, ban quản lý xin cảm ơn trước.

Về giá báo ở ngoài châu Âu, từ mấy số gần đây, chúng tôi đã quy định là 60 USD. Đầu những năm 90, chúng tôi định là 330 FF hay 60 USD, căn cứ vào hối suất giữa USD/FF thời đó. Từ đó, đồng FF đã sụt giá so với đồng USD, nhưng lại có một thực tại chua chát khác là mỗi ngân phiếu bằng USD gửi về báo DĐ đều “được” bưu điện tính 80 FF phụ phí ! Vì thế, chúng tôi buộc phải giữ giá báo (ngoài châu Âu) là 60 USD.

Ôi tiếng Việt

☒ Tôi nhớ cách đây không lâu, trên báo *Diễn Đàn* có tác giả đã than là trên báo chí Việt Nam, người ta đã bất chấp từ pháp tiếng Việt, hết siêu người mẫu (top model) đến nữ nhà văn, nữ nhà báo... Vừa qua, tôi về Sài Gòn, đi qua nhà thờ Tân Định, thấy trên tháp chuông, có biểu ngữ lớn Đại năm thánh 2000 (chắc đã treo từ năm 1999 để chuẩn bị năm thánh). Tôi quá !

N.T.B. (Créteil, Pháp)

Nhắn tin : ông Nguyễn Hữu Thành (Paris)

Khi số báo này lên khuôn, chúng tôi nhận được thư ông góp ý về văn bản chữ Hán bài thơ *Trà giang nguyệt* của Cao Bá Quát và bản dịch của Hữu Vinh (đăng trên *Diễn Đàn* số trước). Chúng tôi chuyển thư ông cho dịch giả và trong một số sau, sẽ đăng thư của ông và trả lời của dịch giả. Trong khi chờ đợi, xin thành thực cảm ơn sự quan tâm của ông đối với văn học nước nhà và sự gắn bó của ông đối với tờ báo.

Tin buồn

Chúng tôi được tin

Ông Phạm Tư Cường

đã từ trần ngày 9.11.2001 tại Thành phố Hồ Chí Minh, thọ 65 tuổi. Lễ an táng đã cử hành ngày 12.11.2001.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng anh Phạm Tư Mạnh, chị Phạm Tư Thanh Thiện, anh Nguyễn Ngọc Giao và toàn thể tang quyến.

SÁCH MỚI SÁCH MỚI SÁCH MỚI

Mạc Ngôn, *Báu vật của đời*, Trần Đình Hiến dịch từ nguyên tác Hán Văn *Phong nhũ phi độn*, Nhà xuất bản Văn Nghệ TP Hồ Chí Minh, 2001, 860 trang.

Nghe đồn về cuốn sách này, nên tôi đã vội đi tìm trên trang nhà của báo Tia Sáng

<http://www.tiasang.de/truyencam/bvod>

và hấp tấp viết bài giới thiệu trên số trước. Phần giới thiệu về tác giả không có gì sai lầm. Phần giới thiệu tác phẩm xin bạn đọc coi như... không có, vì lúc đó báo Tia Sáng mới đưa lên mạng 5 phần đầu của... chương 1, mà toàn văn cuốn tiểu thuyết của Mạc Ngôn có tới 7 chương dài cộng thêm một chương “viết thêm”. Nay đã được đọc bản in, chỉ xin nói ngắn : đây là bản dịch hay của một cuốn tiểu thuyết lớn. Hiện bán chạy ở trong nước. Rất mong sẽ có người viết giới thiệu đầy đủ và bạn đọc có thể tìm mua được.

Hoàng Phủ Ngọc Tường, *Trong mắt tôi*, tiểu luận, Nhà xuất bản Hà Nội, 2001, 190 trang.

Ai đã mê bút kí của Hoàng Phủ phải tìm đọc tập tiểu luận này. 12 bài viết về nhiều đề tài, từ Nguyễn Trãi, Nguyễn Huệ tới Điem Phùng Thị, Lâm Triết, qua những sắc thái đặc biệt của món ăn Huế. Càng đọc càng cầu mong anh sớm bình phục để mang lại cho đời những áng văn hay.

Bùi Phụng, *Từ điển Việt-Anh*, Nhà xuất bản Thế Giới, Hà Nội, 2001, 2302 trang.

So với xuất bản lần đầu (1978), ấn bản này phong phú hơn nhiều. Trong lời nói đầu, tác giả khẳng định đây là “cuốn từ điển lớn nhất về số từ (khoảng 320 000 đơn vị), đầy đủ nhất về những nét nghĩa, thiết thực nhất cho người tra cứu từ trước đến nay được in ở Việt Nam”. Khó nói cuốn từ điển này “đầy đủ nhất về những nét nghĩa”, song chắc chắn đây là cuốn từ điển song ngữ Việt - ngoại ngữ có số lượng từ ngữ lớn nhất. Chỉ một điều đó cũng đủ làm cho nó trở thành công cụ cần thiết cho sự biên dịch hoặc tra cứu. Nhất là trong tình hình chất lượng các cuốn từ điển xuất bản cho đến nay còn quá kém.

Kiến Văn

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm: Nguyễn Quang Đỗ

Tổng biên tập: Hà Dương Tường

Ban chủ biên: Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,

Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc

Ban liên lạc, kỹ thuật, quản lý:

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê,

Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa,

Thoai Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,

Thành Thanh, Vũ Thành, Nguyễn Thắng, Hàn Thuỷ,

Đặng Tiến, Nam Trần, Hoài Văn, Kiến Văn,

Hải Văn, Hoà Văn

Giá biểu

quảng cáo và rao vặt

Rao vặt: từ 1 đến 3 dòng : 10 E, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 2 E (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo: 1/8 trang : 35 E, 1/4 trang : 60 E, 1/2 trang : 100 E trang, 1 trang : 200 E (giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %).

Đăng liên tiếp nhiều số báo: lần thứ hai : bớt 10 %, từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %.

Chứng từ đăng tải: sau khi báo ra, tòa soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 5 E (tiền số báo + cước phí bưu điện).

Phiếu mua báo DIỄN ĐÀN

Họ và tên.....

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ tháng.... (số....).

Kèm theo đây là ngân phiếu FF

Giá mua 1 năm báo (11 số) :

Pháp (kể cả các tỉnh & lãnh thổ DOM TOM) : 40 Euro ;
Châu Âu ngoài Pháp : 45 Euro ; Các nước ngoài châu Âu : 60 USD).

Ngân phiếu xin đề tên DIENDAN FORUM và gửi về : DIEN-DAN FORUM, B.P50, 92340 BOURG-LA-REINE (France).

Bạn đọc ở Pháp có thể chuyển thẳng vào CCP 4.416.14 W Paris

Bạn đọc ở Châu Âu thuộc khối Liên hiệp kinh tế UE có thể ra bưu điện chuyển thẳng số tiền tương đương với 45 Eu vào trương mục CCP số 30041 00001 0441614 W 020 76 của Diễn Đàn. Như vậy tránh được cho chúng tôi hơn 80 FF lệ phí các loại mỗi lần nhận được Eurocheque hoặc Money Order.

Bạn đọc ở Hoa Kỳ xin ký séc 60 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về tòa soạn (xem trên).

Bạn đọc ở Canada và Úc xin gửi money order 60 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về tòa soạn (xem trên).

Bạn đọc ở Ba Lan, giá đặc biệt : 15 USD/năm, thư từ liên lạc, gia hạn cũng như chuyển ngân xin liên lạc thẳng với tòa soạn ở Pháp, trong khi chờ đợi thông báo về đại diện mới.

Bạn đọc ở Thụy Sĩ có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal Diendan, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về tòa soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở Đức có thể gửi séc 45 Eu cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung) DIENDAN-FORUM (Bank : SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto : N° 380 48 94 76 : blz 752 500 00).

CHÚ Ý : Bạn đọc gia hạn báo trước tháng 12.2001 có thể thanh toán bằng đồng FF với giá cũ (250 FF). Sang năm 2002, nhất thiết phải thanh toán bằng Euro với giá mới.

TIN TỨC TIN TỨC

Cơn bão số 8 (Lingling) tàn phá miền trung.

Tại miền trung, cơn bão số 8 (tên quốc tế : Lingling) đã làm thiệt mạng hơn 20 người, làm hàng chục người bị thương và gây cảnh không nhà cửa cho 13 000 người, tuy nhiên hậu quả cơn bão ở Việt Nam tương đối nhỏ hơn so với tác hại của nó ở Phi Luật Tân tuần qua với hàng trăm người thiệt mạng.

Trong ngày 12.11, cơn bão đã gây lở đất, gió mạnh đến cấp 12 trên hệ Beaufort (133 cây số / giờ) và mưa to ở bảy tỉnh từ Quảng Trị đến Khánh Hòa . Sau đó cơn bão yếu dần trở thành vùng áp thấp nhiệt đới và tan khi đến Campuchia và nam Lào.

Uỷ ban phòng chống bão lụt miền Trung cho biết có 20 người chết, 15 ở tỉnh Phú Yên, 2 ở Bình Định, 2 ở Quảng Ngãi và một ở Thừa Thiên — Huế . Theo báo cáo có 83 người bị thương.

Về vật chất, 2636 căn nhà bị phá huỷ làm cho hơn 13 000 người rời vào cảnh không nhà cửa, 12400 ngôi nhà khác bị hư hỏng, và 491 thuyền đánh cá bị hư hoặc đắm, hàng ngàn cây to bị tróc rễ, gió đã làm ngã một cột truyền tin cao 92 thước ở Quy Nhơn.

Những người nghèo nhà ở gần bờ biển chịu thiệt hại nặng nhất, ở Quy Nhơn hàng trăm hộ bị quét sạch vào sáng ngày 13.11.

Theo những cơ quan hữu trách thì nguy hiểm coi như đã qua, mực nước các sông ngòi đang xuống, ở Quảng Nam khoảng 9000 người được di tản đã quay về nhà.

Năm nay Lingling là cơn bão đầu tiên đánh vào miền trung, tháng trước một hiện tượng áp thấp nhiệt đới đã gây mưa lũ ngập tám tỉnh miền trung, làm 44 người thiệt mạng.

Ở Phi Luật Tân tuần qua Lingling đã tàn phá dữ dội làm thiệt mạng 270 người trong đó 226 người bị chết đuối hoặc bị chôn dưới những thác bùn. (Reuters 13.11.2001)

Hiệp định thương mại Việt - Mỹ, những trực trặc vì con cá da trơn

Một tháng sau khi đã yên tâm về việc hai viện quốc hội Mỹ chuẩn y hiệp định thương mại song phương Việt - Mỹ, chính quyền VN đã đưa việc chuẩn y hiệp định vào chương trình nghị sự của kỳ họp quốc hội cuối năm này.

Nhưng, trước đó, quan hệ thương mại giữa hai nước đã gặp một khó khăn không biết có sẽ được giải quyết nhờ hiệp định hay không. Câu chuyện xoay quanh mấy con cá da trơn...

Ngày 4.10.2001, Hạ viện Mỹ đã thông qua dự luật HR 2964 không cho phép bất cứ loài cá nào không thuộc họ cá nheo Mỹ Ictaluridae (họ cá được nuôi phổ biến tại Mỹ) được

mang tên thương mại là cá "catfish". Tiếp theo đó, ngày 25.10, Thượng viện Mỹ lại thông qua dự luật HR 2330 về phân bổ ngân sách tài chính cho khu vực nông nghiệp năm 2002, trong đó có điều khoản sửa đổi số SA 2000 với nội dung "Không cho phép Cục quản lý thực phẩm và dược phẩm (FDA) sử dụng bất kỳ khoản ngân sách nào vào việc cho phép nhập khẩu cá hoặc sản phẩm cá có tên "catfish", trừ các sản phẩm cá thuộc họ Ictaluridae."

Những người hữu trách của hiệp hội Chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam đã lên tiếng phản kháng các đạo luật có tính chất bảo vệ sản xuất nội địa (protectionist) này của Mỹ, vạch rõ chúng bắt nguồn từ sự bức túc của các chủ trại nuôi cá nheo Mỹ do việc giá cá nheo Mỹ bị giám khoảng 10 % trong thời gian gần đây.

Hiệp hội này cũng khẳng định rằng các doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu cá tra và cá ba sa của Việt Nam hoàn toàn không muốn hai loài cá da trơn này của Việt Nam bị nhầm là cá nheo nuôi của Mỹ, và "trên tất cả các bao bì của sản phẩm thủy sản xuất khẩu đều ghi rõ dòng chữ tiếng Anh Sản phẩm của Việt Nam hoặc Sản xuất tại Việt Nam, và thực hiện việc ghi đầy đủ cả tên khoa học lẫn tên thương mại theo đúng quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của Mỹ là Cục quản lý thực phẩm và dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) đối với các sản phẩm xuất khẩu sang thị trường Mỹ."

Đồng thời, theo ông Trương Đình Hòe, trưởng văn phòng Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản TP HCM, "Chúng tôi một mặt đang đấu tranh để giữ tên catfish cho cá ba sa Việt Nam, mặt khác cũng đang chuẩn bị khuếch trương tên mới của loại cá này (basa hay basa catfish thay vì chỉ là catfish)". Liệu nhượng bộ này có đủ để giải quyết cuộc tranh chấp ?

Loài cá nheo Mỹ được thương mại dưới tên catfish chủ yếu được nuôi ở các trang trại ở các tiểu bang Mississippi, Arkansas và Louisana, mang lại một nguồn thu nhập ước tính khoảng 500 triệu đôla/năm. Cá tra và cá ba sa của VN bắt đầu nhập thị trường Mỹ từ năm 1995, và hiện mới chiếm khoảng 2 % sản lượng cá nheo tiêu thụ mỗi năm tại Mỹ. (Reuters 24.10, Nhân Dân điện tử 6.11.2001)

Tín dụng và giải ngân

Ngày 6-11, tại Hà Nội, đại diện Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Thế giới (WB) ký hai hiệp định tín dụng trị giá 213 triệu USD cho các dự án giảm nghèo tại 979 xã ở miền bắc và miền trung Việt Nam. Đó là, dự án Phát triển hạ tầng cơ sở nông thôn với tài trợ IDA trị giá 103 triệu USD thực hiện trong sáu năm, cung cấp tài chính cho các công trình hạ tầng cơ sở quy mô nhỏ ở 540 xã thuộc 13 tỉnh miền bắc và miền trung. Dự án giảm nghèo khu vực miền núi phía bắc với tài trợ IDA 110 triệu USD sẽ hỗ trợ khoảng một triệu người nghèo nông thôn, trong đó 85 % là người dân tộc thiểu số.

Dự án có sự đóng góp tài trợ của cơ quan phát triển quốc tế Anh (DFID), chính phủ Nhật Bản và Đan Mạch đã có những trợ giúp quan trọng trong xây dựng dự án.

Ngày 21-11, ban giám đốc Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) đã giải ngân 52 triệu USD viện trợ cho Việt Nam trong chương trình cải cách các doanh nghiệp nhà nước.

Đánh giá về nền kinh tế Việt Nam, phó giám đốc điều hành IMF ra tuyên bố nêu rõ : Hoạt động kinh tế ở Việt Nam tiếp tục có những dấu hiệu tích cực bất chấp những điều kiện môi trường bên ngoài yếu kém đi. Tuyên bố cho rằng việc nhanh chóng thúc đẩy cải cách các doanh nghiệp nhà nước và việc tôn trọng các chính sách vĩ mô lành mạnh và kiên quyết thực hiện chương trình cải cách sẽ tiếp tục mang lại tiến bộ trong tăng trưởng kinh tế và xóa đói, giảm nghèo ở Việt Nam.

Đợt giải ngân lần này nâng tổng số tiền IMF cho Việt Nam vay theo chương trình hiện nay lên khoảng 105 triệu USD.

Lãi suất gửi đô-la giảm mạnh, dân di rút tiền

Trước tình hình nghiêm trọng của nền kinh tế, ngày 6/11/2001, Dự trữ Liên bang Mỹ (US Federal Reserve Board - USFRB) đã cắt giảm lãi suất từ 2,5 xuống 2 %. Đây là lần thứ 10 trong năm, và lần thứ ba sau sự kiện ngày 11.9, USFRB đã hạ lãi suất trên vốn cho vay ngắn hạn, và các ngân hàng thương mại Việt Nam cũng đã phải thích nghi, giảm lãi suất các ngân khoản tiết kiệm bằng Mỹ Kim.

Lãi suất huy động ngoại tệ của các ngân hàng thương mại tại TP HCM hiện ở mức thấp nhất từ trước đến nay : 1,9 %/năm. Trong khi đó, nhiều ngân hàng thông báo, họ sẽ tiếp tục hạ lãi suất gửi USD và không thể dự đoán mức "đáy" là bao nhiêu.

Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam vừa đưa ra mức trần lãi suất mới : 3 tháng 1,55 %, 6 tháng 1,58 %, 9 tháng 1,63 %, 12 tháng 1,9 %, 24 tháng 2,5 %, 36 tháng 2,75 % và 5 năm là 3,5 %. Tình hình này đã thúc đẩy nhiều người tới các ngân hàng rút tiền tiền gửi bằng đô-la, chuyển sang hình thức đầu tư khác như mua bất động sản, cổ phiếu, trái phiếu...

Theo báo điện tử VnExpress ngày 22.11, tại Ngân hàng Ngoại thương TP HCM, bình quân mỗi ngày lượng tiền gửi tiết kiệm bằng USD giảm 400.000-500.000 USD. Tính từ sau sự kiện 11.9, người dân đã rút ra khỏi ngân hàng này khoảng 26 triệu USD.

Ông Bùi Văn Phát, chuyên viên ngân hàng thương mại Cổ phần Đệ nhất, kiến nghị : “Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nên hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với ngoại tệ (hiện là 15% vốn huy động) để các ngân hàng thương mại có thể giảm chi phí giữ lãi suất gửi USD ở mức mà người gửi có thể chấp nhận được”.

Vẫn theo VnExpress, ông Nguyễn Ngọc Lân, phó vụ trưởng vụ Quản lý ngoại hối, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, cho biết, do nhu cầu rút USD của dân tăng cao nên các ngân hàng thương mại, thậm chí một số ngân hàng nước ngoài như ANZ, Chinfon, Mishubishi, Tokyo... đã phải mua USD tiền mặt từ nước ngoài về để chi trả cho dân. Ông Lân cho rằng đó là hiện tượng bình thường.

Giới kinh doanh nước ngoài yêu cầu Việt Nam giải quyết nạn phạm pháp

Một nhóm doanh nhân nước ngoài cho biết rằng hôm thứ sáu 16.11.2001, họ đã gặp các nhà chức trách Thành phố Hồ Chí Minh để nói lên mối quan tâm đối với sự gia tăng những tội ác mà nạn nhân là người nước ngoài. Ngày 28.10, một du

khách Anh, bà Judy Forester đã chết sau khi bị một tên cướp đâm xe gắn máy giật bόp lέ trên đường Đồng Khởi.

Theo ông Ken Atkinson, chủ tịch nhóm Doanh nhân người Anh ở TP HCM, những nhà kinh doanh người nước ngoài đều cảm thấy tình hình tội phạm gia tăng ở một số khu vực trong thành phố, mặc dù họ ít tới công an khai báo, vì những khó khăn do bất đồng ngôn ngữ. Bản thân ông và bà vợ của ông tổng lãnh sự Anh ở TP là những nạn nhân trực tiếp của bọn cướp giật trên đường phố. Toà lãnh sự Mỹ cũng đã khuyến cáo công dân của họ nên rất thận trọng đối với nạn cướp giật này, đặc biệt coi chừng túi xách tay, điện thoại cầm tay và nữ trang.

Theo ông Atkinson, nhà chức trách TPHCM đã trả lời một cách tích cực những nhận xét và đề nghị của nhóm doanh nhân. Một đường dây điện thoại đặc biệt sẽ được lập để tiếp nhận những khai báo của du khách nước ngoài. Ủy ban nhân dân TPHCM sẽ cho thành lập một đội công an chuyên trách về du lịch và cho cảnh sát vũ trang canh gác khu vực các lảnh sự quán.

Tình hình thiếu an ninh mâu thuẫn với hình ảnh mà nhà cầm quyền đang muốn đưa ra : Việt Nam một điểm đến an toàn cho du khách sau biến cố ngày 11.9 tại Mỹ. (Reuters 16.11.2001)

Tai nạn giao thông tiếp tục gia tăng

Năm 2000, bình quân mỗi ngày có 21 người thiệt mạng trong 20 000 vụ tai nạn giao thông ở Việt Nam. Trong 6 tháng đầu năm 2001, số người thiệt mạng vì tai nạn giao thông đã lên tới 4 179, bình quân mỗi ngày 27 người chết. Tới tháng 8.2001, con số đó đã lên tới 29. Và tới tháng 10.2001, là 30 người. Với đà này, người ta có thể sẽ có khoảng hơn 10 000 người thiệt mạng do tai nạn giao thông trong năm 2001...

Hai phần ba số nạn nhân tai nạn giao thông là do tai nạn xe gắn máy, tuy nhiên trong nước hiện vẫn út đọng hơn 2 triệu mũ bảo hiểm không có người mua. Tại Việt Nam, khoảng 8 triệu người có xe gắn máy, phần lớn chạy xe không đội mũ bảo hiểm. Đầu năm nay chính quyền đã ra chỉ thị bắt buộc những người đi xe gắn máy phải đội mũ bảo hiểm khi ra khỏi thành phố, tuy nhiên chẳng ai chịu chấp hành.

Mặt khác, theo một bản báo cáo của Liên hiệp Đường sắt Việt Nam được công bố ngày 13.11, năm năm qua đã xảy ra 1 619 tai nạn giao thông đường sắt, làm chết 702 người, bị thương 984 người, làm hỏng 64 đầu máy, 80 toa xe, 89 ô-tô và 199 xe máy, trong đó có 1 314 vụ tai nạn xảy ra ở đường ngang. (Lao Động 13.11, Reuters 16.11.2001).

Tiến tới một giá dịch vụ cho người trong và ngoài nước

Theo ban Vật giá Chính phủ, lộ trình điều chỉnh giá vé máy bay để tiến tới hòa đồng giá cho người Việt Nam và người nước ngoài đã được thủ tướng đồng ý về nguyên tắc. Theo đó, từ ngày 1.1.2002, giá vé máy bay tuyến Hà Nội - TP Hồ Chí Minh và ngược lại đối với người nước ngoài giảm từ 1,9 triệu đồng hiện nay xuống còn 1,8 triệu đồng ; đồng thời giá vé đối với công dân Việt Nam và người gốc Việt Nam mang hộ chiếu nước ngoài tăng từ 1 triệu đồng lên 1,2 triệu đồng. Cũng theo lộ trình này, đến giữa năm 2002 giá vé máy bay tuyến Hà Nội

- TP Hồ Chí Minh và ngược lại tương ứng đối với người nước ngoài và người Việt Nam là 1,65 triệu đồng và 1,35 triệu đồng ; đến cuối năm 2003 thì giá vé máy bay áp dụng chung cho cả hai đối tượng trên là 1,5 triệu đồng.

Liên hiệp Đường sắt Việt Nam cũng cho biết, từ 0 giờ ngày 1.1.2002 sẽ thực hiện chính sách một giá đối với mọi hành khách là người Việt Nam, Việt kiều hay người nước ngoài. Giá vé này áp dụng trên tất cả các tuyến tàu khách. Bảo hiểm hành khách và suất ăn trên tàu (nếu có) đối với người nước ngoài được qui định giống như người Việt Nam.

Tuy nhiên, việc áp dụng chính sách một giá không phải là không bị kháng cự từ những cán bộ nhà nước. Ông Nguyễn Việt Chúc, trưởng ty văn hoá thông tin Hà Nội, đã lên tiếng đòi chính phủ xem lại quyết định đồng nhất giá vé vào cửa các viện bảo tàng. Theo ông, lượng khách người trong nước đã giảm đi đáng kể vì việc tăng giá vé này từ 1000đ lên 2000đ, trong khi số khách nước ngoài chẳng tăng thêm gì so với trước, khi họ phải trả vé 12 000đ. (Lao Động 10.11, TTXVN 9.11, AFP 16.11.2001)

Mua nhà tại Việt Nam

Theo nghị định số 81/2001 của chính phủ, ban hành ngày 5.11, kể từ ngày 20.11 bốn đối tượng người Việt Nam ở nước

"Còn lâu mới thành người"

- Hơn một tháng nay nước mình trở thành đất nước bình yên, an toàn nhất thế giới, khách du lịch chuyển hướng sang ta rồi, bác Sứ ạ. - Có thể, nhưng mất khách đã đăng ký vào VN vì thế giới ùng oàng còn nhiều hơn. Tuy nhiên, vấn đề du lịch ở ta còn lầm chuyên đến ta không chịu nổi nữa là nước khác. Ông cứ ra Bờ Hồ giữa rốn thủ đô mà xem du khách bị ép mua kẹo caosu và sú-vơ-nia (dóm) thế nào. Thật ngượng chín người vì "kỹ thuật đeo bám" của "dân bản xứ" làm du khách phát khiếp. - Cứ gì Tây, bác xuống bến xe, vào phố ẩm thực còn bị chặn đầu kéo vào hàng họ, bắt đi xe họ, không theo nó chửi đều, toàn chửi tiếng ta, nghe rõ cả nghĩa đen nghĩa bóng, khổ hơn Tây không biết tiếng Việt nhiều. - Tôi thấy xấu hổ nhất là du khách Tây vào ta lại mặc áo phông có hàng chữ "Tôi không mua kẹo caosu - không đánh giày". Thật chẳng khác gì họ "sà - lù" vào mặt mình. Mà cái thằng nào nghĩ ra món này nó ma-kết-tinh giỏi đấy ! - Xấu hổ hơn cả là đi xem hát. Giữa lúc ca sĩ đang gân cổ, nhảm tịt mắt để trút hết tâm sức vào lời ca nốt nhạc thì có mấy vị khán giả nhảy tót lên tặng hoa. Thật là khóc dở mếu dở. Có cô gái còn kiêng chán "mì" vào má anh ca sĩ đang vút cao nốt "phá" làm anh ta bị nhột, hụt hơi, hát gãy. Thật chẳng còn ra thứ văn hoá gì. Có lẽ trên hành tinh này chỉ có ở ta mới có một số người thường thức văn nghệ kiểu "chợ phiên" như vậy. Mà lại toàn xảy ra ở Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh, trung tâm văn hoá lớn, có bộ, ngành, sở nọ sở kia chỉ đạo đây mình. - Ông có biết Azit Nêxin viết thiêng truyện hài với chủ đề "chúng ta còn lâu mới thành người" không ? Hình như ông Thủ Nhĩ Kỳ này ám chỉ một số người ở ta vừa nói trên đấy. Lão nhà văn này là "thâm nho" lắm !

Lý Sinh Sư (Lao Động 12.11.2001)

ngoài được phép mua nhà ở Việt Nam. Nói gọn là :

1/ Những người về nước đầu tư lâu dài tại Việt Nam ;

2/ Người được nhà nước coi là "có công đóng góp với đất nước" bao gồm "người được bầu vào ban chấp hành trung ương hội, là nòng cốt trong các phong trào, tổ chức của kiều bào có quan hệ với trong nước...";

3/ Nhà văn hóa, nhà khoa học và chuyên gia về nước hoạt động thường xuyên ;

4/ Người đã được phép về sinh sống ổn định tại Việt Nam.

Điều kiện để được mua nhà là phải về thường trú hoặc tạm trú tại Việt Nam và có hộ chiếu hợp lệ của Việt Nam hoặc hộ chiếu, giấy tờ hợp lệ của nước ngoài cấp.

Về quyền lợi, theo nghị định, khi có giấy chủ quyền nhà, Việt kiều được sử dụng để ở cho bản thân và các thành viên trong gia đình; được bán, tặng cho các tổ chức, cá nhân trong nước hoặc các đối tượng Việt kiều thuộc diện được mua nhà; được thế chấp và thừa kế.

✉ *Bước sang thế kỷ 21, thật thảm hại (nhưng không đáng ngạc nhiên) khi chính quyền vẫn bám vào chủ nghĩa thành phần để hoạch định chính sách của mình. Người ta cũng không ngạc nhiên khi đọc trong nghị định, những người thuộc đối tượng 3 "phải là những người có học hàm, học vị...". Cái nết đánh chết không chữa. Sự tôn thờ bằng cấp lên tới mức được ghi vào văn bản chính thức như thế thì trách chi nạn mua bán bằng giả đang tràn lan ở mọi cấp, mọi địa phương trong nước ? Nhưng bạn đọc ngoài nước chắc chú ý hơn tới cái hộ phận thuộc đối tượng 2 được ghi lại trên đây. Các tổ chức Việt kiều "có quan hệ với trong nước" phải xuống cấp thảm hại tới mức nào để nhà nước thấy cần phải công khai hỗ trợ bằng một biện pháp mua người như thế ?*

Cấm chẩn đoán giới tính thai nhi ?

Ngày 13.11, Uỷ ban quốc gia Dân số - Kế hoạch hóa gia đình đã công bố một dự thảo Pháp lệnh dân số, chuẩn bị trình Quốc hội phê duyệt. Văn bản này nghiêm cấm chẩn đoán giới tính thai nhi, phổ biến phương pháp tạo giới tính thai nhi, nạo hút thai vì lý do lựa chọn giới tính, nhân bản vô tính người (clonage), mang thai hộ nhiều lần vì mục đích thương mại...

Ông Đinh Công Thao, một quan chức trong uỷ ban, tổ trưởng tổ chuyên trách biên tập Pháp lệnh dân số đã bảo vệ dự luật bằng cách viện dẫn kinh nghiệm Trung Quốc. Theo ông, "Trung Quốc hiện nay đã bị mất cân bằng về nam nữ do phổ biến rộng rãi việc chẩn đoán giới tính thai nhi. Vài năm trước, Trung Quốc có khoảng 70 triệu nam giới không có vợ, nhưng đến nay con số này đã lên tới 100 triệu."

Hiện tại, tỷ lệ cân bằng giới tính của Việt Nam là 106 nam/100 nữ. Ông Thao cho rằng "nếu áp dụng rộng rãi việc chẩn đoán giới tính thai nhi, ta sẽ rơi vào tình trạng mất cân bằng giới tính trong toàn xã hội. Ngoài ra, chẩn đoán giới tính còn dẫn đến tình trạng nạo phá thai chỉ vì đứa bé trong bụng mẹ không mang giới tính mà cha mẹ mong muốn."

Ngoài ra, trong khung cảnh bệnh sida lan tràn, dự thảo cũng đề ra việc nghiêm cấm sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh, cung cấp các phương tiện tránh thai giả, kém chất lượng, quá

nhiên hạn sử dụng, chưa được phép lưu hành... (AFP 16.11, VnExpress 15 và 16.11.2001)

☒ Việt Nam giữ một kỷ lục chẳng đáng tự hào gì về tỉ lệ phá thai cao. Đây rõ ràng là một vấn đề xã hội nghiêm trọng và có nhiều nguyên nhân sâu xa, trong đó không thể quên tình hình kinh tế và những chính sách xã hội của nhà nước. Qui nó vào ý muốn “không có con gái” của một bộ phận dân chúng (mà chẳng ai có thể nói rõ bao nhiêu phần trăm), có khác gì đổ tội cho nạn nhân để tránh né việc phân tích những nguyên nhân ấy? Người ta có thể e rằng cảm đoán - một phản xạ có hưu của nhà cầm quyền! - sẽ chẳng giúp gì vào việc giải quyết vấn đề nêu ra.

Gạo Việt Nam chưa có nhãn hiệu

Lúa gạo Việt Nam dù đã khá quen thuộc với các nước nhập khẩu nhưng vẫn lép vế so với Thái Lan. Tiến sĩ Võ Tòng Xuân, vừa trở về từ hội nghị quốc tế năm 2001 về gạo châu Á tổ chức tại Malaysia, cho biết nhận xét của các nước về điểm yếu này.

- Chất lượng gạo Việt Nam được đánh giá như thế nào tại hội nghị?

- Các nước than phiền nhất là gạo Việt Nam không có nhãn hiệu, chỉ có một tên gọi chung chung là gạo hạt dài Việt Nam. Trong khi đó, theo thông lệ, hàng hoá chất lượng cao phải có nhãn hiệu, đó là sự đảm bảo bắt buộc trong thương mại. Nhiều bạn hàng cho rằng chất lượng gạo Việt Nam không đồng đều khiến họ chưa yên tâm.

- Vì sao có tình trạng đó?

- Thực tế, quan hệ công - nông trong lĩnh vực chế biến gạo xuất khẩu rất lỏng lẻo. Người nông dân hầu như tự xoay sở trên đồng ruộng. Các doanh nghiệp thực hiện mua bán đứt đoạn nhưng nông dân lại không quen với việc thực hiện các hợp đồng vì vậy họ phó thác sản phẩm vào tay tư thương. Xuất khẩu mặt hàng này luôn bị động, khi tàu mua gạo cập bến các doanh nghiệp mới vội vã thu gom từ nhiều nơi với đủ chủng loại.

Một nguyên nhân nữa là do nông dân không dứt khoát chọn giống chất lượng cao mà thích chọn giống dễ trồng có phẩm chất kém, trong khi nông dân Thái chỉ trồng giống lúa đặc sản ngon cơm dù năng suất thấp. Họ giữ đất màu mỡ nên chỉ trồng 1 vụ lúa/năm, còn nhiều nơi ở ta làm đến 3 vụ/năm. Tuy biết làm ra nhiều lúa thì bị rót giá nhưng Việt Nam vẫn tiếp tục đẩy mạnh sản xuất lương thực vì tăng sản lượng lúa để thực hiện hòn tăng lợi tức. (theo Tuổi Trẻ)

Di dời đàn voi dữ ở Tánh Linh

Từ khi có một đàn voi dữ về phá phách ở làng mạc ở gần rừng Tánh Linh (tỉnh Bình Thuận), làm chết ít nhất 11 người và tan hoang nhiều hoa màu, nhà cửa, chính quyền địa phương đã quyết định tìm cách di dời chúng lên khu Yok Đôn, “nơi ở lý tưởng của loài voi”, theo ông Ngô Tiến Dũng (giám đốc Vườn quốc gia Yok Đôn).

Với sự hỗ trợ của một đoàn chuyên gia nước ngoài (8 người Malaysia, một Đức và một Ấn Độ), sau thời gian chuẩn bị (để tránh tình trạng như đợt di dời voi năm 1993, sau một thời gian cả 6 con voi lần lượt đều bị chết), việc săn bắt voi đã

tiến hành từ ngày 5.11. Thế nhưng, hai con voi đầu bị trúng thuốc mê, một con bị bắt, và một sống chạy mất, thì cả hai đã chết trong hai ngày sau, khiến đợt săn bắt phải tạm đình chỉ và chỉ bắt đầu trở lại ngày 18.11.

Về cái chết của hai con voi, ông Nguyễn Bá Thụ, cục trưởng Kiểm lâm Việt Nam và là Trưởng ban chỉ đạo săn bắt, di dời voi, nêu các nguyên nhân khách quan liên quan tới địa hình phức tạp, độ dốc cao, cây rừng ít và tập tính của đàn voi ở núi Xã Zú khác voi ở nhiều vùng. Một khác, theo ông, đoàn săn bắt voi nôn nóng, muốn thành công sớm, phương án bảo vệ voi sau khi bắt được chưa tốt... Về cái chết của con voi thứ nhất, ông Thụ cho biết, voi đã chạy khoảng 1 km lên núi có độ dốc 47° rồi gục chết chứ không ngã xuống vực. Con thứ hai chết khi bị xích ở độ dốc 37° chưa kết luận nguyên nhân, nhưng do sơ suất trong bảo vệ voi.

Theo kế hoạch, đợt hai chỉ bắt thí điểm một con, không bắn gây mê tại địa hình phức tạp, xa chân núi để voi không kịp chạy lên núi, khắc phục tình trạng người đến xem và chụp ảnh nơi voi bị giữ tạm thời.

Người ta chưa được biết kết quả của đợt bắt voi này ra sao.

Theo điều tra của Viện khoa học lâm nghiệp mới đây, Vườn quốc gia Yok Đôn là nơi sinh sống của 80 đến 100 con voi rừng. Theo điều tra của tổ chức bảo vệ động vật hoang dã thế giới năm 1999, Việt Nam chỉ còn khoảng 111 con voi rừng. (theo các báo trong nước 5 - 19.1.2001)

Một Việt kiều Úc bị bắt với gần 1kg heroin

Theo tin từ cục Cảnh sát phòng chống tội phạm về ma túy (PCTPVMT), ngày 17-11 tại sân bay Tân Sơn Nhất một phụ nữ người Úc gốc Việt tên Lê Mỹ Linh, 42 tuổi, đã bị bắt với gần 1 kg heroin (881gr) trong hành lý, khi chuẩn bị đáp máy bay đi Sydney.

Theo lời khai ban đầu của bà Linh, bà đã nhận số heroin nói trên từ một người tên Út tại TP Hồ Chí Minh để chuyển cho một đối tượng người Úc với tiền công vận chuyển là 30.000 USD.

Đại tá Vũ Hùng Vương - cục trưởng cục PCTPVMT cho biết, có khả năng bà Linh là một mắt xích trong đường dây vận chuyển, mua bán ma túy quy mô xuyên quốc gia, liên quan đến “tam giác vàng ma túy” ở Đông - Nam Á mà cảnh sát Việt Nam và cảnh sát Úc đang phối hợp đánh phá.

Vụ án đang được cơ quan chức năng tiếp tục điều tra. Toà lãnh sự Úc tại Thành Phố Hồ Chí Minh cho biết đang theo dõi vụ việc. (Báo Thanh niên, Reuters 19.11.2001)

Liên hoan phim quốc tế Hà Nội

Liên hoan phim quốc tế Hà Nội lần thứ bảy sẽ khai mạc tại Trung tâm chiếu phim Quốc gia tối 16-11 với bộ phim *Cái giá của sữa* của New Zealand. Việt Nam tham gia liên hoan với phim *Mùa ổi* của đạo diễn Đặng Nhật Minh. 13 phim còn lại gồm: *Sân trượt băng* (Bỉ), *Những cô gái nông trại* (Anh), *Kẻ giết người xăm tay* (Thái-lan), *Hãy thả lũ ngựa ra* (Đan Mạch), *Tiệm bánh tình yêu* (Hàn Quốc), *Những người bạn của Yana* (Israel), *Cho thuê bạn* (Hà Lan), *Sumo làm, Sumo không làm* (Nhật Bản), *Ông chủ tịch hội phụ nữ* (Trung Quốc), *Trở lại*

miền đất thanh bình (Phân Lan), *Bên kia sự im lặng* (CHLB Đức), *Flamenco* (Tây Ban Nha), *Kẻ tài tử* (Pháp).

Trong số đó, đáng chú ý có phim *Những người bạn của Yana* (Israel) đã giành sáu giải thưởng quốc tế, phim *Đằng sau sự im lặng* (Đức) được đề cử dự giải Oscar, phim *Hãy thả lũ ngựa ra* là phim được ưa thích nhất của Đan Mạch năm 2000, phim *Ông chủ tịch hội phụ nữ* đoạt giải Trâm hoa của hội Điện ảnh Trung Quốc.

LH phim Quốc tế Hà Nội, kéo dài tới ngày 2.12, không trao giải thưởng, không bán vé (?). (Nhân Dân điện tử 9.11)

Khai trương thư viện điện tử trực tuyến lớn nhất Việt Nam

Một thư viện điện tử trực tuyến đã được khai trương ngày 19.11, địa chỉ truy cập là "<http://home.netnam.vn/elib>, đây là thư viện điện tử trực tuyến lớn nhất Việt Nam do Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia xây dựng.

Thư viện tập trung vào các lĩnh vực như khoa học tự nhiên tổng quát, sinh vật học, hóa học, máy tính, toán học, cơ học, vật lý... với khoảng 10 triệu tài liệu về khoa học tự nhiên, trong đó có khoảng 2 triệu nằm trong các cơ sở dữ liệu và 8 triệu còn lại là các bản sao của hơn 100 website chính và 1.500 website liên quan của các viện nghiên cứu, trường đại học và các trung tâm thông tin trên toàn cầu. (theo báo Tuổi trẻ)

Giặc IT (hackers) đánh phá các trạm web tại Việt Nam

Công ty quốc doanh dịch vụ Internet Vietnam Data Communication (VDC) ngày 20.11 cho biết có 156 trạm web tại Việt Nam bị bọn IT tặc trong nước đánh phá, đổi nội dung các trạm với bài bản của chúng. Các trạm bị tấn công sáng sớm hôm thứ hai 19.11 đã phải mất đến gần 10 giờ mới tu sửa được. Theo VDC, nhóm IT tặc này cũng là nhóm đã tấn công 60 trạm web Việt Nam hồi tháng 8.2000. VDC không cho thông tin về cách tấn công cũng như nội dung những bài bản bọn IT tặc hiển thị trên mạng.

Tuy nhiên tờ Tuổi Trẻ ra ngày 20.11 cho biết trong những trạm bị tấn công có những trạm của các cơ quan hàng đầu của chính phủ như uỷ ban An ninh quốc gia, Mặt trận Tổ quốc, phòng Thương mại và công nghệ Việt Nam và bộ Giáo dục và đào tạo.

Nhóm IT tặc này lấy tên là "revengeplanet" và tuyên bố thay thế những nội dung của các trạm với những nội dung khiêu khích, tuy nhiên không giải thích việc làm của mình.

Hiện nay có năm công ty quốc doanh cung cấp toàn bộ dịch vụ Internet tại Việt Nam. Tất cả các công ty dịch vụ này đều phải thông qua cửa VDC, và tất cả phải kiểm nội dung được đăng tải. (AP 20.11.2001)

Liên hoan nhạc Jazz châu Âu lần thứ nhất tại VN

Lần đầu tiên một liên hoan nhạc Jazz châu Âu có tầm cỡ được tổ chức tại VN với sự bảo trợ của Liên minh châu Âu, phái đoàn Uỷ ban châu Âu tại Hà Nội và Bộ Văn hoá-thể thao VN. Liên hoan sẽ diễn ra từ 24.11 đến 7.12.2001 tại nhà hát

Tuổi Trẻ Hà Nội, câu lạc bộ Jazz Quyền Văn Minh, Nhà hát lớn Hà Nội và khách sạn Horizon. Tham gia liên hoan có nữ nghệ sĩ Claire Martin và dàn tứ tấu nhạc Jazz của Anh ; dàn tam tấu Houben (Bỉ) ; dàn ngũ tấu Quyền Văn Minh, dàn nhạc Jazz chuyên nghiệp nổi tiếng nhất của VN ; tay trống Daniel Humair (Pháp) cùng dàn tam tấu của ông ; dàn ngũ tấu Voeten/Bernay (đa quốc tịch : Hà Lan - Pháp - Việt), ban nhạc Sông Hồng và tam tấu của nghệ sĩ Đan Mạch gốc Việt Chris Minh Doky. Mỗi ban nhạc sẽ diễn tấu hai buổi tại một trong bốn địa điểm trên. Đêm 28.11 sẽ có một chương trình lớn chủ đề *Đêm nhạc VN* do dàn ngũ tấu Quyền Văn Minh, dàn ngũ tấu Voeten/Bernay và ban nhạc Sông Hồng biểu diễn với các bản nhạc Jazz theo phong cách Việt của nghệ sĩ Quyền Văn Minh. (Tuổi Trẻ, 13.11.01)

Phát hiện một quần thể cò nhạn lớn ở Tây Ninh

Trong đợt nghiên cứu nhiều ngày vừa qua, đoàn cán bộ nghiên cứu của viện Sinh thái và tài nguyên sinh vật, chương trình Birdlife quốc tế tại Việt Nam và sở Khoa học, công nghệ và môi trường Tây Ninh đã phát hiện tại khu vực rừng đặc dụng Lò Gò - Xa Mát 152 loài chim và 35 loài thú hoang dã. Trong đó có 12 loài thú và 10 loài chim quý hiếm có tên trong sách đỏ Việt Nam và thế giới như: chồn dơi, sóc bay, culi nhỏ, khỉ đuôi lợn, voọc vá chân đen, voọc đen má trắng, mèo núi, gấu chó, sếu đầu đỏ, cò nhạn (còn gọi là cò ốc - *Anastomus oscitans* - Asian openbill), gà lôi hồng tía, hồng hoàng, diều xám... Theo các chuyên gia của Birdlife, 120 con cò nhạn định cư ở đây là một trong những quần thể lớn được ghi nhận trên thế giới. (Báo Tuổi trẻ)

Hoà nhạc "Bầu trời xanh" 2001

"Bầu trời xanh", chương trình do Sony tài trợ, đã có năm lần hợp tác với Dàn nhạc giao hưởng quốc gia VN (VNSO), với những đóng góp tích cực cho sự phục hưng và lớn mạnh của VNSO ở những lúc khó khăn nhất (1994), đã làm được những chuyến xuyên Việt, năm 1994 với nhạc sĩ Đặng Thái Sơn (piano), và các nhạc sĩ Yanelia Lojos (harpe), Dara Kuhn (piano) ; năm 1995 với nhạc sĩ Frank Fernandez (piano) và những đêm hòa nhạc lớn tại Hà Nội (năm 1999 Bùi Công Duy đã biểu diễn với VNSO trong khuôn khổ chương trình hòa nhạc " Bầu trời xanh "). Từ lần thứ sáu này, đêm diễn 17.11.2001 tại phòng hòa nhạc Nhạc viện TP.HCM, nhạc trưởng Nhật Bản Yoshikazu Fukumura muốn " bắt đầu một chương trình dài hạn nhằm nâng cấp chất lượng các dàn nhạc phía Nam ", cụ thể trong lần này : chỉ huy Fukumura, dàn nhạc giao hưởng Nhạc viện TP.HCM, soliste người Nhật, Ryota Lomatsu (dàn Bandoneon). Dàn nhạc phía Nam còn thiếu một số bộ, như bộ gõ, bộ hơi, nên chương trình đêm 17.11 chủ yếu dành cho dàn nhạc dây. (Tuổi Trẻ, 13.11.2001)

"nhà nghiên cứu tin học và toán ứng dụng có triển vọng nhất ở châu Âu năm 2001"

Nguyễn P. Quang, 26 tuổi, đặc nhiệm nghiên cứu viên (attaché de recherche) tại Trung tâm quốc gia nghiên cứu khoa học Pháp (CNRS), vừa được tổ chức ERCIM, trao tặng giải thưởng Cor Baayen 2001 dành cho "nhà nghiên cứu có triển vọng nhất trong lĩnh vực tin học và toán ứng dụng".

ERCIM (European Research Consortium for Informatics and Mathematics) là tổ chức liên kết các viện nghiên cứu đầu đàn của 14 nước châu Âu về tin học và toán học. Giải Cor Baayen, được lập ra từ năm 1995 để vinh danh chủ tịch đầu tiên của ERCIM. Các viện nghiên cứu thuộc ERCIM được quyên dâng cử tối đa là hai người trong nước mình vào danh sách người dự giải mỗi năm. Viện quốc gia nghiên cứu tin học (INRIA), đại diện Pháp trong ERCIM, đã đề cử Nguyễn vào giải Cor Baayen 2001.

Làm việc tại trường Cao đẳng sư phạm Paris, Nguyễn P. Quang đã bảo vệ luận án tiến sĩ toán năm 1999 về giải mã học (cryptanalysis) trong đó anh chứng minh được tính không thoả đáng của nhiều sơ đồ mã hoá nổi tiếng đang được sử dụng từ nhiều năm nay. Nguyễn hiện được coi như một chuyên gia quốc tế hàng đầu về các phương pháp giải mã sử dụng lý thuyết số.

Người đoạt giải Cor Baayen được ERCIM trao tặng một ngân phiếu 5 000 Euros và một bằng chứng nhận.

Tin Ngắn

* Ngày 30.10.2001, Bảo tàng lịch sử Việt Nam tại TP. HCM đã khai mạc triển lãm bộ sưu tập “Cổ vật thời Lý Trần”, với 293 hiện vật, gồm có : đồ gốm, gốm tráng men (men trắng, men ngọc, men nâu, men lam, và men gốm hoa nâu), đồ đá, đồ gỗ, và đồ đồng. Ngoài ra, còn có một số di vật lịch sử như cọc gỗ do quân nhà Trần cắm dưới lòng sông Bạch Đằng trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên (thế kỷ 13). Triển lãm sẽ còn mở cho tới tháng 4.2002.

* Đến nay cả nước có **16 861 thư viện** công cộng (trong đó có 558 thư viện huyện - trên tổng số 615 đơn vị hành chính cấp huyện) với 12 683 341 bản sách và 1 729 cán bộ thư viện chuyên trách, với khoảng 15 triệu lượt bạn đọc mỗi năm.

* Theo tổng cục Bưu điện, từ ngày 1-12-2001 **mức cước các cuộc gọi điện thoại VN-quốc tế**, tự động hay đăng ký qua tổng đài quốc tế, sẽ **giảm từ 15 đến 25%** so với mức cước quy định trước đây. Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam được phép chủ động quy định việc giảm cước cho các đối tượng khách hàng lớn, khách hàng đặc biệt, với mức giảm tối đa không quá 15%.

* "Năm nay, sản lượng đường sẽ dư thừa gần 250.000 tấn. Muốn giá trong nước không tụt xuống mức quá thấp thì cần xuất khẩu đường. Tuy nhiên, đây chỉ là giấc mơ với ngành mía đường Việt Nam". Theo ông Lê Văn Tam, chủ tịch Hiệp hội Mía đường, **chi phí để sản xuất 1 kg đường của các nhà máy Việt Nam cao hơn 88% so với Thái Lan và 122% so với Brazil**.

* UNDP - VN sẽ cung cấp hai hình thức **viện trợ cho công tác nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực nối mạng Internet**, tuỳ theo tầm cỡ dự án : loại lớn với kinh phí tối đa 30 000 USD, thời gian thực hiện không quá 24 tháng, loại nhỏ kinh phí tối đa 9 000 USD thời gian thực hiện không quá 12 tháng.

* Từ ngày 6-11-2001, **mức sinh hoạt phí hàng tháng dành cho lưu học sinh (LHS)** được cử đi đào tạo ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước được áp định như sau : ở Mỹ,

Canada, Anh, Nhật Bản là 780 USD ; Tây, Bắc Âu 630 USD ; Úc, Tân Tây Lan 500 USD ; Nga, Đông Âu, Thái Lan 250 USD, Trung Quốc 300 USD. Tiền sinh hoạt phí được cấp 6 tháng/lần tính từ thời điểm LHS nhập học.

* Từ năm 1995 đến nay trên địa bàn huyện Quế Sơn, Quảng Nam, có 16 người **chết**, 12 người **bị thương nặng, tàn phế vĩnh viễn vì cưa bom**. Ngày 20.11, tại xã Quế Phong, hai anh Phạm Phước và Trần Văn Hồng cưa một quả bom napalm. Nó phát nổ làm chết tại chỗ 5 người gồm anh Hồng, Phước và 3 người nữa. 2 người khác cũng bị thương nặng. Công an Quế Sơn đến khám nghiệm hiện trường, phát hiện trong vườn nhà anh Phước còn đến 24 quả bom napalm.

* Theo bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trong thời kỳ 1996-2000, bình quân mỗi năm Việt Nam sản xuất 32,3 triệu tấn lương thực quy thóc, với mức tăng 1,3 triệu tấn/năm (5,4%/năm - gấp ba lần tốc độ tăng dân số). Riêng **năm 2000**, **sản lượng lương thực đạt 34,5 triệu tấn**, bình quân đầu người đạt 450 kg so với 370 kg năm 1995.

* Đêm 4.11, tại cầu Quán Hàu trên quốc lộ 1A thuộc địa phận huyện Quảng Ninh, lực lượng kiểm lâm Quảng Bình đã phát hiện, **bắt giữ** một xe tải của cục Quản lý xe máy bộ Quốc phòng, chạy trong chiều nam-bắc, trên xe chở 2 308kg **động vật hoang dã** gồm rắn, kỳ nhông, rùa đá, kỳ đà.

* Sáng ngày 21/11, Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro (VSP) đã khai thác **tấn dầu thô thứ 100 triệu**. Sau 20 năm thành lập, VSP đã đào tạo một lực lượng công nhân dầu khí có khả năng thay thế các chuyên gia nước ngoài. Từ 20 % người VN ban đầu, nay VSP đã có 5 000 trong tổng số 6 000 lao động là người VN, tỷ lệ trên 83 %.

* **Hàng Không Việt Nam (HKVN)** cho biết đang dự tính **tạo thêm bốn chiếc máy bay Airbus A340**. Một người trách nhiệm của hãng cho Reuters hay Airbus đang thương lượng với HKVN tại Hà Nội. Theo kế hoạch cho đến nay thì HKVN đang chuẩn bị ký hợp đồng để mua năm máy bay Airbus A321 và bốn Boeing 777 vào tháng hai tới.

* Theo tờ Tuổi Trẻ ra ngày 20.11, tối 16.11, **188 người** nghiện ở **một trại phục hồi** tại xã Phùng Hiệp tỉnh Cần Thơ, **đã phá cửa ủi thoát ra ngoài**. Tờ báo cho biết cảnh sát và bộ phận an ninh của trại đã bắt lại được 150 người ngay trong đêm đó, hai người khác tự ra đầu thú sau khi di lạc trong đêm, số còn lại không có tin tức.

* Cuốn hồi ký của bà quả phụ Trần Kiếm Qua, vợ của tướng Nguyễn Sơn, tựa là **Hoàng Hà nhớ, Hồng Hà thương** vừa được nhà xuất bản Văn Học phát hành. Bà Trần Kiếm Qua, tức Ngọc Anh, là người Trung Hoa. Bà đã sát cánh cùng tướng Nguyễn Sơn trên chiến hào chống phát xít Nhật, trong cuộc chiến tranh kháng Nhật ở Trung Quốc.

* Ngày 18.11, bảo tàng Tổng hợp Kon Tum cho biết, trong một cuộc giám định bộ sưu tập công cụ đá của một người dân Kon tum, các chuyên viên của bảo tàng đã **phát hiện ra bộ biểu tượng sinh thực khí** hoàn chỉnh mà hôi khai quật Lung Leng, họ từng thất bại khi cố ý tìm kiếm. Linga màu xám, hơi sáng, hình trụ, dài 7,2 cm, rộng 1,8 cm, nặng 0,04 kg. Yoni nặng 0,19 kg màu xám đen, toàn thân 13cm, rộng 6,3cm ; rãnh trước dài 10,2cm, rộng 2cm, sâu 2cm ; rãnh sau mờ và nồng.

Cuộc chiến nào... ? (tiếp theo trang 1)

đầy các bộ tộc Pashtun thành lập ra cho được một thứ Liên minh miền Nam. Song các lãnh tụ Pashtun ở trong nước thì khoanh tay chờ thời, các lãnh tụ lưu vong trở về thì bất cập, kế hoạch này không thành, Mĩ mới tăng cường oanh kích chiến tuyến Taliban, và Liên minh miền Bắc mới chọc thủng phòng tuyến đối phương. Khi Liên minh tiến vào Kabul (thực ra Mĩ muốn Kabul là “thành phố mở cửa”), các nhà lãnh đạo Hoa Kì tỏ ra hờ hững, nhưng sự phẫn khởi ngoài mặt này không che đậy được nỗi lo ngại tình trạng hỗn chiến giữa các sắc tộc sẽ trở lại. Còn Liên Hiệp Quốc, bị bất ngờ, với vã tung ra dự án hội nghị “liên Afghan” (chứ không phải hội nghị quốc tế) nhằm thành lập một chính phủ chuyển tiếp để thay thế chính quyền Taliban [tin giờ chót : hội nghị này sẽ họp ở Bonn].

3/ Điều đáng quan ngại là những đau khổ của nhân dân Afghan – cũng như nhân dân Việt Nam trước đây – sẽ còn kéo dài ngày nào còn tiếp diễn cái mà để quốc Anh đã gọi là “cuộc chơi lớn”, tức là những sự can thiệp, những ma nôp đủ loại của các cường quốc gần xa nhằm thực hiện ý đồ “thâm nhập chiến lược” hay thiết lập “vùng ảnh hưởng” tại đất nước then chốt này của Trung Á. Trong số những cường quốc ở gần, có thể kể Pakistan (và cố nhiên Ấn Độ), Iran, Nga. Ở xa cố nhiên có Hoa Kì, với trò chơi hai (thậm chí ba) mặt : dùng kháng chiến Afghan để chống Liên Xô, rồi khi đạt được mục tiêu thì bỏ mặc Afghanistan cho bọn quân phiệt thao túng, đưa đất nước này vào tình trạng hỗn loạn sắc tộc ; gần đây hơn nữa (cho đến ngày 11.9), trong bối cảnh chiến lược dầu mỏ, một mặt Hoa Kì thương lượng với Taliban việc dẫn độ Usama Bin Laden, mặt khác hâm phanh cuộc điều tra chống khủng bố mỗi khi các đường dây khủng bố dẫn tới gần những vương triều vùng Vịnh⁽¹⁾. Cuộc tiến công Trung tâm Thương mại Thế giới và Lầu năm góc đã đảo lộn ván bài, nhưng mùi vị dầu lửa và màu sắc những đồng đô la dầu mỏ vẫn còn y nguyên, cho nên, trong điều kiện ấy, đúng như vậy, “cuộc chiến tranh này không phải của chúng tôi”.

4/ Trong điều kiện ấy... Nói tới chiến tranh, thận trọng về ngôn ngữ đến đâu cũng không thừa. Ngay khi Mĩ can thiệp quân sự, ở các nước phương Tây đã diễn ra những cuộc tuần hành đòi hòa bình và nở rộ những kiến nghị phản đối của trí thức : “Cuộc chiến tranh này không phải của chúng tôi”. Song để tránh mọi lẩn lores, thiết tưởng cần xác định ý nghĩa của công thức này. Trước tiên, hãy bỏ qua, miễn bàn những khẩu hiệu đại loại “Chiến tranh là ngu xuẩn” hoặc là ngây thơ hoặc là coi thiên hạ là ngây thơ. Còn logic chống Mĩ theo tam đoạn luận : chính sách Mĩ đã để ra bọn khủng bố (phù thuỷ CIA đã dấy âm binh Bin Laden), ít nhất cũng đã khuyến khích nạn khủng bố, vậy thì Mĩ tất phải gặt hái những gì chính Mĩ đã gieo trồng⁽²⁾, ở phần trên, chúng tôi đã thừa nhận đúng như vậy, với điều kiện phải nêu thêm một câu hỏi phụ : rồi sao nữa ? Phải chăng tội lỗi của Mĩ đã biến bọn khủng bố thành đại diện của công lí ? Nếu chỉ nhìn tập trung vào khía cạnh Afghan của tình hình, người ta sẽ nhầm cuộc chiến. Vẫn biết Taliban đã từng là tay chân của Hoa Kì, điều đó không làm thay đổi sự thật này : chúng là một bọn phát xít. Ta hãy thử nghĩ một chút xem : cho dù tất cả những vấn đề mà nước Mĩ bị biến thành “ác quy” gây ra (Afghanistan, Palestin, Irak) đều được giải quyết di chăng nữa, thì mục tiêu mà bọn khủng bố theo chủ nghĩa toàn thống đeo đuổi vẫn còn nguyên vẹn đó. Bởi vì chủ nghĩa toàn thống khủng bố không chống Mĩ, cũng chẳng chống phương Tây : nó chống

hiện đại. Những kẻ chủ trương Jihad (thánh chiến) muốn mọi người tin vào một cuộc tử chiến giữa kẻ giàu và kẻ nghèo, giữa kẻ bóc lột và kẻ bị bóc lột, giữa một phương Tây tội lỗi và một Thế giới thứ ba trong trắng. Nhưng cuộc đối đầu thực sự là giữa những người tin ở những giá trị phổ quát (cũng là tiền đề của hiện đại) và những người, nhân danh truyền thống và tôn giáo, không những coi các giá trị đó là phạm thiêng (*sacrilège*), mà còn muốn tiêu diệt chúng. Nói cụ thể, chỉ cần nêu một trong những giá trị phổ quát ấy, một giá trị cơ bản, mà ai đó đã diễn tả như sau : “*Mọi thứ đều thuộc về Thượng đế, trừ một thứ thôi : quyền tự do của chúng ta*”. Đó là một giá trị cơ bản, vì, để nói cho gọn, từ đó mới để ra tư duy phê phán, cũng từ đó mới nảy sinh các định chế dân chủ mà mục đích, nói một cách giản lược, là bảo vệ sự thể hiện của tư duy phê phán. Trong ý nghĩa đó, cuộc chiến tranh này đáng là của chúng ta lầm chứ !Những tượng Phật khổng lồ ở Bamiyan không lên tiếng được nữa, nhưng cứ hỏi những người phụ nữ Kabul đang bị giam mình trong bộ áo chùm *burqa* mà xem !

Câu hỏi duy nhất mà lẽ ra những người trong phong trào hoà bình phải đặt ra là câu hỏi này : nền dân chủ có thể làm chiến tranh, dù là chiến tranh tự vệ chính đáng, mà không phủ định những nguyên tắc của mình, mà không đánh mất chính mình ? Bắt nguồn từ triết lí các quyền con người (đối nghịch, may thay, với xu thế sâu thẳm của một thế kỉ 20 man dã), quan tâm mới của xu hướng dân chủ dẫn tới quan điểm này : thường dân (như ở Irak, Serbia, Afghanistan) không phải là đồng loã, mà là nạn nhân của các chính quyền độc tài. Cho nên, ngày nay, người ta không còn có thể chấp nhận những cuộc tàn sát như ở Dresden hay Hiroshima, cho dù chúng diễn ra trong khuôn khổ cuộc chiến tranh chính nghĩa chống nazi. Còn ở Kabul hay Kandahar, liệu các cuộc oanh tạc có làm cho con chồn tinh mọc thêm những cái đầu mới hay chăng ? Nghĩa là tăng thêm số người tuẫn đạo và phần tử khủng bố ? Phải thú nhận thành thực là câu hỏi đó, người viết bài này không biết trả lời ra sao. Càng phân vân lúng túng hơn nữa vì hắn nhớ lại hồi chiến tranh vùng Vịnh, những người chủ trương không can thiệp, một mặt muốn tái lập pháp lí quốc tế (Irak phải rút khỏi Koweit), mặt khác chống lại việc dùng biện pháp quân sự và chủ trương cấm vận để buộc Saddam Hussein phải lùi bước. Thế mà mười năm đã trôi qua, sau một cuộc can thiệp quân sự (“không toàn diện”) và sau mười năm cấm vận đã gây không biết bao nhiêu đau thương cho dân chúng, Saddam vẫn còn đó, và họ lại đòi bỏ cấm vận (và đòi hỏi đó rất chính đáng)...

Còn hậu quả của cuộc chiến tranh hiện nay đối với các xã hội dân chủ, chỉ cần liệt kê các biện pháp triệt tiêu tự do đã được ban hành nhân danh cuộc đấu tranh chống khủng bố (chẳng hạn ở Anh, quê hương của *habeas corpus*, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, có dự luật cho phép an trại hành chính những người ngoại quốc bị tình nghi, bắt cầm cáo trạng và không hạn định về thời gian giam giữ) cũng đủ cho thấy là Bin Laden đã thắng điểm. Muốn ngăn chặn y thắng điểm, muốn ngăn chặn chồn tinh mọc thêm đầu, thì thắng lợi quân sự không đủ, mà phải thực hiện một cương lĩnh to lớn : giảm bớt bất công, chọn công lí thay vì “realpolitik”, chọn dân chủ thay vì những liên minh nhơ nhuốc, hoà hợp tính phổ quát của các nguyên tắc với sự đa dạng của các nền văn hoá. Cương lĩnh của thế kỉ 21.

Nguyễn Quang

(1) Xem A. Rashid, *L’Ombre des Talibans* (nxb Autrement), và J.-C. Brissard & G. Dasqué, *Ben Laden, la vérité interdite* (nxb Denoel).

(2) Xem bài *Nạn khủng bố chiến lược*, năm 01 (ĐĐ số 111).

TRẦN ĐỘ

Lại thư ngỏ 2001

Chúng tôi trích đăng dưới đây lá thư ngỏ đề ngày 7.11.2001 của tướng Trần Độ. Thư này nhằm trả lời loạt bài đăng trên các báo Nhân Dân, Quân đội Nhân dân, Công an Nhân dân trong hai tháng 9 và 10 vừa qua. Để tiện đoán là các báo đó sẽ không đăng lá thư này, đó cũng là lí do tại sao nó đã được phổ biến trên mạng internet.

Mùa thu năm nay (2001) lại có một sự việc diễn ra giống hệt mùa hè năm 1998 : Các cơ quan “ công tác tư tưởng ” rộ lên một đợt phê phán các “ quan điểm sai lầm ” và vạch trần các “ âm mưu ”. Tôi đã được thấy 5 bài trên báo Nhân dân và báo Quân đội Nhân dân. Tôi đọc được 3 bài mà tôi chú ý còn những bài khác thì không cần đọc cũng “ biết rồi ”, kể cả những bài chắc sẽ xuất hiện trên Tạp chí Cộng sản và Tạp chí Công tác tư tưởng... Đợt phê phán này chưa rầm rộ bằng năm 1998 (năm đó tôi được thấy hơn 30 bài trên các báo trong vài tháng) và tôi đã có “ một bức thư ngỏ gửi các báo ”... Nhưng không báo nào công bố (không dám công bố hay là theo một chính sách là không chấp nhận ý kiến tranh luận). Hình như những người phê phán cũng không tin tưởng lắm vào các lý lẽ của mình.

Năm nay, tôi định không quan tâm vì tôi thấy “ trò chơi ” đã cũ và nhảm chán rồi. Tôi biết chắc là số người ngán ngẩm và chê riêu sự phê phán năm nay nhiều hơn năm trước.

Nhưng vì sự phê phán nhằm vào và đụng đến nhiều người mà tôi quen biết và kính trọng (cả những người lớn tuổi và những người ít tuổi (ít hơn cả tuổi các con tôi)). Và sự phê phán có mấy điểm hô hô cố ý một cách quá ngu xuẩn. Tôi không thể không lên tiếng. Nhưng vì nó quá cũ, nên tôi chỉ nói vài điểm cần nói, còn thì tôi đã nói trong thư ngỏ năm 1998 (...). Những điểm hô hô chủ yếu nằm trong 2 bài báo mà tôi gọi tắt là bài : “ Thực chất ” (1) và bài “ Chiêu bài ” (2), thêm bài nữa, tôi gọi là bài : “ Phủ định ” (3).

Lý sự chủ yếu của đợt phê phán này tóm tắt là :

Những người “ kêu gọi dân chủ ” và “ tìm đường phát triển đất nước là chỉ giương những chiêu bài để làm việc thực chất là đi theo con đường tư bản chủ nghĩa ”... “ Đó là những con người bất mãn bị những lực lượng thù địch lợi dụng để chống Đảng và chống CNXH ”...

Nghe thong thiết ghê chưa ???!!!

Tôi buộc phải nói vài ý kiến.

1. Về cái gọi là “ **bất mãn** ”

Sự phê phán cho rằng : những người đòi dân chủ là những người bất mãn. Vậy họ bất mãn với ai và bất mãn cái gì ? Nếu họ bất mãn và tôi chắc họ cũng bất mãn thật, đó là họ bất mãn với tình trạng không dân chủ, và bất mãn với tình trạng chậm chạp và tụt hậu của đất nước. Nhưng những người phê phán

tức là những nhà tư tưởng thì suy bụng ta ra bụng người, cho rằng có sự bất mãn về quyền lợi và địa vị. Vì những người trăn trở với con đường phát triển và dân chủ đều là những công thần lớn nhỏ. Nhưng tôi cũng suy bụng ta ra bụng người hiểu rằng các công thần đều đã được đền công xứng đáng và đều đã bằng lòng. Thực ra sau thắng lợi ít lâu tôi gặp bạn bè cũ, cũng nghe được nhiều tiếng nói phàn nàn về đời sống và những so sánh công lao hưởng thụ của những người này và những người khác, những thiệt thòi và những may mắn. Nhưng càng về sau, (nhất là thời gian gần đây) tôi gặp lại bạn bè, thăm hỏi thì ai nấy đều có cuộc sống ổn định và tương đối đầy đủ. Đó là vì hai yếu tố :

a/ Các chính sách đền ơn đáp nghĩa được đi vào nề nếp.

b/ Ai nấy con cái đều đã trưởng thành, có công ăn việc làm, có thu nhập ổn định có thể bù đắp cho bố mẹ. Trước đây khi con cái còn bé nhỏ, hoàn cảnh nheo nhóc nuôi nấng tốn kém, đời sống kinh tế không bằng bây giờ.

Nhưng không vì thế mà bằng lòng được với trạng thái mất dân chủ và tình trạng tụt hậu chậm chạp của đất nước. Còn những thanh niên, trung niên thì họ chưa có lý do gì để bất mãn. Tôi cho rằng không thể không tin vào sự trăn trở, đầy trách nhiệm của họ. Đó là điều rất rõ ràng.

Có những người phê phán lại cho rằng : Các công thần không biết điều, đã được hưởng các chế độ đãi ngộ còn không biết cảm ơn chế độ XHCN, không biết cảm ơn Đảng và Nhà nước. Sao lại có những suy nghĩ thấp kém đến như vậy ? Những công thần đã cảm ơn Cách mạng bằng cả những năm tháng thanh xuân, những xương máu của chính mình và những tính mạng của những người thân. Nay là lúc Cách mạng có dịp đền ơn họ. Người phê phán dám cả gan tự cho mình có quyền ban phát ân huệ cho các lão thành. Như có một anh chàng công an (lại công an !) dám tuyên bố : “ Tôi đã nhân đạo lắm với ông X (một người đòi dân chủ) rồi, tôi không bắt ông ấy lại còn để nguyên cho ông ấy được hưởng các tiêu chuẩn đã có ”. Thật là láo xược !

Cũng anh công an này, khi có người hỏi anh giữ tôi dựa theo luật nào ? Điều mấy của Bộ luật hình sự, hay Hiến pháp thì anh ta tự chỉ vào mõm và tuyên bố : “ Luật là ở mõm tao đây ” và “ mõm tao là luật ”... Thật là nhục nhã cho công an XHCN.

Đó là một sự hỗn láo thô bỉ của người “ chuyên chính vô học ”... Không biết đó là con sâu làm rầu nồi canh hay chính nồi canh đã làm rầu các con sâu. Và nồi canh ấy còn tự nhận là dân chủ được hay không ???

2. Về cái gọi là “ **phủ nhận** ”

Những người phê phán lớn tiếng rằng : Các người đòi dân chủ phủ nhận thắng lợi của Cách mạng, rồi suy diễn. Phủ nhận thắng lợi, tức là phủ nhận CNXH, phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng, phủ nhận Đảng và như vậy là “ có âm mưu thực chất là đi con đường tư bản chủ nghĩa ”, là “ liên lạc với nước ngoài ”, là “ phản bội tổ quốc ”.

Ghê chưa ??? Khủng khiếp chưa ???

Tôi chỉ xin hỏi lại vài câu với ông phê phán ấy :

Ông hãy chỉ rõ : Ai đã phủ nhận ? Và phủ nhận cái gì ? Tôi biết là ông không nói được đâu, ông chỉ quy chụp rất hồ đồ và (xin lỗi) rất ngu xuẩn !

Cách mạng Việt Nam thắng lợi, cả thế giới công nhận và mỗi người Việt Nam đều tự hào. Các người đòi dân chủ cũng là người Việt Nam và hơn nữa là những người đã có ít nhiều làm nên thắng lợi đó. Họ phủ nhận thắng lợi là phủ nhận chính bản thân họ à ? Họ chỉ có phần nào về sự nói thắng lợi quá nhiều, quá dài, quá lâu, quá nhiều lần và cứ làm như có thắng lợi đó rồi thì bây giờ làm cái gì cũng “thắng lợi vẻ vang” cả. Cứ nói đến thắng lợi, dùng cái thắng lợi đã qua để che lấp những thất bại ngày nay và che lấp những tình trạng mất dân chủ, tình trạng lạc hậu và tụt hậu thê thảm của đất nước.

Những người đòi dân chủ yêu cầu : đừng dùng những thắng lợi đã qua để che lấp thất bại ngày nay.

Còn ngày nay có cái gì cần phủ nhận hay không ??? Có phải Đảng và Nhà nước hiện nay ở các nghị quyết và chính sách đều tỏ ra quan tâm đến vấn đề dân chủ chống tham nhũng, tình hình tụt hậu và lạc hậu ?

Đảng và Nhà nước nói nhiều, vậy thì những người đòi dân chủ cũng bàn về những vấn đề ấy. Bàn những vấn đề ấy mà người này nói thì là “giương chiêu bài”, Nhà nước nói lại là thực chất à ?

Vậy tôi thử hỏi :

a/ Từ khi có chữ dân chủ thêm vào khẩu hiệu chiến lược mà Đảng đang nêu cao : “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh” thì Nhà nước ta đã làm được gì cho nền dân chủ nước nhà khác hơn ?

b/ Từ khi (từ lâu lắm rồi) Đảng và Nhà nước (Chính phủ, Quốc hội) và Tổng bí thư lớn tiếng kêu gọi đấu tranh chống tham nhũng. Thế mà có người hăng hái hưởng ứng tích cực hành động để chống tham nhũng thì bị coi là phạm tội “an ninh quốc gia” bị bắt bớ, bị mòi gọi thẩm vấn, bị đem ra đấu tố ở tổ dân phố để hạ nhục.

* Vậy thì ai phủ nhận ai ?

* Cái gì phủ nhận cái gì ?

* Ai là “giương chiêu bài” (tức là nói một đằng làm một néo) ?

* Ai là thực chất ?

Hãy trả lời thẳng vào các câu hỏi cụ thể của tôi xem. Đừng quen dùng “lưỡi gỗ” và “nói lấy được” mà nhắc lại những điều cổ lỗ sĩ ?

Về vấn đề phủ nhận, các người phê phán “vạch trần” rằng những người đòi dân chủ, chỉ giương chiêu bài dân chủ, còn thực chất là đi theo con đường tư bản chủ nghĩa ?

Thế thì phải hỏi các ông mấy câu thế này :

1. Các ông cho đi theo con đường tư bản chủ nghĩa (TBCN) là theo con đường phản động, phản XHCN. Vậy thì các ông nói TBCN nào ? Các ông có thấy Mác phân tích và phê phán CNTB của thế kỷ 18, 19 nữa, mà nay là thế kỷ 21 rồi. Bây giờ nhiều người đã nhìn nhận hiện trạng thế giới là đang đi vào hậu TBCN, cũng là từ tình trạng tiền TBCN phải tiến thẳng đến hậu TBCN mà phải tiến thẳng tiến nhanh. Tình thế bắt buộc nước ta phải như thế chứ cũng chẳng cần “học thuyết” và “sáng tạo” nào cả. Từ tiền TBCN nghèo đói và lạc hậu mà đòi tiến thẳng lên CNXH là một chế độ kinh tế chính trị cao hơn TBCN chỉ là một ảo tưởng. Đang nghèo khổ lạc hậu mà định hướng XHCN lại càng là ảo tưởng ! Phải tìm cách cho đất nước phát triển và phát triển nhanh. Tình thế ta

bắt buộc phải tiến nhanh, nếu tiến chậm thì chỉ đi vào con đường chết.

Có nhà phê phán trong một bài dài đưa ra các dữ liệu để bác bỏ ý kiến của các “tài liệu dân chủ”. Trong đó ông trích một đoạn của tài liệu có nói đến hơn một trăm nước – và hơn một trăm nước – rồi ché tác giả là dữ liệu hồ đồ và dốt nát. Thực ra tác giả muốn đưa ra dữ liệu : Có hàng trăm nước không cần XHCN cũng độc lập được, để bác bỏ học thuyết là phải gắn độc lập với CNXH mới độc lập được. Cũng có hàng trăm nước tìm đường phát triển cho quốc gia mình nhưng không tìm con đường XHCN, hàng trăm nước nọ có thể trùng hợp nhiều với hàng trăm nước kia. Thế nhưng người phê phán lại làm phép tính cộng 100 nước + 100 nước = 200 nước, rồi ché tác giả là dốt địa dư, không biết thế giới chỉ có 174 nước. Cứ “nói lấy được” như thế thì có nhiều người dốt thực mà không biết là mình dốt và ai mới là người dốt ?

[...] Tôi biết các ông chỉ cần cái vỏ Mác-Lênin và XHCN, còn đất nước lạc hậu hay phát triển, chậm hay nhanh cũng mặc kệ. Có phải như thế là cách mạng hơn “những người trăn trở” không ? Các ông hãy trả lời đi !!!

2. Các ông gào thét lên là chúng tôi phủ nhận XHCN. Vậy thử hỏi, ta đã có cái XHCN nào để phủ nhận. Ta đặt tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa thì trên thực tế là ta đã phủ nhận CNXH rồi, không phải chờ đến chúng tôi. Vì chúng ta đang trưng bày một bức tranh là một xã hội lạc hậu, kém phát triển, kém dân chủ, đầy tệ nạn xã hội, đầy nhiễu nhương lừa dối, đầy đau khổ, tội lỗi, đầy áp bức bất công, thế mà là XHCN à ? Đây là những điều mà các nhà lãnh đạo nói nhiều chứ không phải những người dân chủ.

Thực ra XHCN hiện thực đã tự phủ nhận cách đây hơn chục năm rồi và đã tự phủ nhận ở phần quan trọng của địa cầu nơi đã sản sinh ra cả lý thuyết và hiện thực của nó. Việc gì phải chờ đến chúng tôi phủ nhận ! Các ông có lý sự mà sao cứ lờ đi những sự thật hiển nhiên của thế giới và nhân loại. Vậy thì các ông hãy vạch đâu gốc của mình ra mà nói, khỏi tốn giấy mực của Nhà nước và tốn thì giờ của người xem báo.

Thôi, lần này tôi viết đến đây thôi, chỉ để trả lời hai điểm về chiêu bài và thực chất, bằng hai điểm bất mãn và phủ nhận (...)

Cho tổ chức một (hoặc những) cuộc tranh luận công khai trên các cuộc hội thảo, trên phát thanh và truyền hình, trên báo chí. Đồng thời các báo tôn trọng các bài viết có ý kiến khác mà gửi đến đăng báo, hãy cứ tử tế như thế xem. Và triết bảo cái lối cũ “nói vắng mặt” bịt miệng đối phương và nói lấy được. Lần này tôi yêu cầu các báo thử và nhất là yêu cầu lãnh đạo bất đèn xanh cho các báo thử đăng cái thư ngỏ này cho độc giả phê phán xem.

Như thế tôi cảm ơn lắm lắm !

Hà Nội những ngày lập đông ngày 07/11/2001.

Trần Độ

(1) Tức là bài *Đâu là thực chất con đường dân chủ và hạt giống tự do* (Báo Quân đội Nhân dân ngày 20/10/2001).

(2) Bài *Mưu đồ gì đằng sau chiêu bài đi tìm con đường phát triển cho đất nước*.

(3) Bài *Đi tìm hay phủ định con đường phát triển*

Cuộc hẹn trong sa mạc

Đỗ Tuyết Khanh

Theo quy định, các bộ trưởng thương mại của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) phải họp ít nhất là hai năm một lần để tổng kết hoạt động và tình hình hệ thống thương mại thế giới, và đề ra chương trình làm việc cho các năm sau. Đây cũng là dịp để các bộ trưởng phát động các vòng thương lượng đa phương. Tất cả những mục tiêu ấy đều đã không đạt được ở hội nghị Seattle (Hoa Kỳ), tháng 12-1999. Và trở thành những vấn đề mấu chốt cho hội nghị tháng 11 năm nay tại Doha, thủ đô nước Qatar.

Sau Seattle đến Davos, rồi Washington, Bangkok, Genève, và Gênes, v.v. Hễ chỗ nào có họp quốc tế, nhất là khi có các lãnh tụ thế giới đến tham dự, là có biểu tình phản đối, ít nhiều bạo động. Biến thành cả một kịch bản nhảm chán. Bên chống đối thì luôn luôn khẳng định tính chất đấu tranh hoà bình nhưng chẳng bao giờ ngăn được hoặc tỏ ra tích cực ngăn chặn những hành động đập phá vô trách nhiệm, bên cảnh sát thì phản ứng vụng về, hay tệ hơn nữa, thô bạo như ở Gênes. Và khi WTO quyết định nhận lời mời của Qatar tổ chức buổi họp cấp bộ trưởng ở Doha, các phong trào chống đối tố cáo ngay là WTO muốn đến họp ở một xứ độc tài chuyên chế, để tránh tai mắt (và tay chân ném đá) của xã hội công dân. Cũng đúng nhưng thật ra thì sau Seattle, chẳng nước nào muốn tổ chức hội nghị, chỉ có Qatar là xung phong, và ngay từ đầu năm 2000. Yếu tố an ninh dĩ nhiên đóng vai trò quyết định, nhìn từ quan điểm của WTO cũng có lý : ai làm gì mà chẳng muốn được yên thân làm cho xong. Cũng như đi ăn cỗ mà bị hàng xóm kéo sang chửi bới, khách thì nuốt không trôi và chủ nhà sau đó còn phải thu dọn bát đĩa bể, sửa mái dựng cột, thì còn ai muốn đến và ai muốn mời ? Mà cỗ thì vẫn phải làm !

Nhưng cuộc đời có lắm oái oăm. Cách đây hai năm, thậm chí chỉ vài tháng thôi, có ai ngờ được cái xứ tí hon này, lâu nay yên ổn thế, bây giờ lại nằm ngay giữa lòng một vùng chiến tranh sôi sục và hòn thế nữa, một vùng bỗng nhiên kết tụ bao nhiêu sự hãi trước một sự đe doạ tâm lý khổng lồ như chưa từng có ? Sau cái sốc của ngày 11 tháng 9, thế giới lo sợ phản ứng của Mỹ, vùng Trung Đông hòn bao giờ hết là một quả bom chưa nổ, nguy cơ thế chiến chưa bao giờ hiện hữu như thế. Ngoài các thảm họa của chiến tranh, còn có nguy cơ của kỳ thị và thành kiến, làm căng thẳng hơn nữa sự chung sống vốn đã khó khăn giữa các thành phần văn hoá và tôn giáo khác nhau trong các nước như Pháp và Anh. Thùa nước đực thả câu, những nhóm cực đoan ở phương Tây cũng như trong các nước theo Hồi giáo thi nhau đổ dầu vào lửa, các thuyết của Huntington bỗng nhiên được đưa ra như chân lí hay lời tiên tri, và các lời kêu gọi hoà bình, hãy khoan dung chấp nhận nhau, xoá bỏ hận thù bằng xoá bỏ bất công áp bức, ở đâu cũng đều yếu ớt như tiếng kêu trong sa mạc.

Trong bối cảnh ấy, làm sao WTO có thể vẫn điềm nhiên giữ cái hẹn trong sa mạc của mình. Ngay sau thảm kịch 11.9,

tôi giở bản đồ ra xem và lắc đầu. Làm sao các phái đoàn Mỹ và Tây Âu có thể thoải mái kéo đến đây ? Báo chí đầy rẫy các bài phân tích về chiến thuật, đăng cả một bản đồ chi chít những hình vẽ súng ống, tàu bè để so sánh các lực lượng đóng quân trong vùng. Ở khu văn phòng chúng tôi, có người dán cái bản đồ ấy lên tấm bảng thông báo trên tường, khoanh tròn chữ Doha bé tí lọt thỏm giữa trán địa và thêm một câu châm biếm : "A nice place for a picnic !" (Chỗ đi chơi hết ý !).

Đến khi Mỹ bắt đầu thả bom Afghanistan thì tôi tin chắc hội nghị của WTO sẽ phải hoãn hoặc dời đi chỗ khác, hoặc dời ngày sang năm sau nếu vẫn làm ở Doha. Báo chí đưa tin nào là ông Pascal Lamy của Liên Hiệp Châu Âu tuyên bố là nếu không họp ở Doha thì cũng chẳng sao cho việc phát động vòng thương lượng, ông Robert Zoellick, đại diện thương mại của Mỹ, tỏ ý lo ngại về an toàn của các phái đoàn, v.v... Càng gần đến ngày họp, các bản tin càng nói nước này quan tâm, nước kia lo âu. Các phái đoàn thăm dò nhau, tìm giải pháp thay thế. Singapore miễn cưỡng đồng ý đón nhận hội nghị với điều kiện phải thu nhỏ lại. Genève, tuy bắt buộc phải đứng ra tổ chức nếu được yêu cầu vì là nơi đặt trụ sở, phản Trần là không thể nào chuẩn bị kịp. Qatar thì vẫn cương quyết phải họp ở Doha, đúng ngày giờ, không thay đổi chi hết. Và làm dữ : không đi Doha là không tin Qatar có khả năng bảo đảm an ninh cho mọi người, là khinh thị, xúc phạm đến cả vùng Á Rập đấy. Đúng vào lúc Mỹ và các nước Tây phương lại rất cần đến các đồng minh này. Gay thật.

Trạng thái lưỡng nan này kéo dài cho đến ngay cả sau khi WTO chính thức tuyên bố vẫn sẽ họp ở Doha đúng ngày qui định. Nhân viên WTO tiến hành các chuẩn bị trong hoang mang. Vì tôi đã đi Seattle năm 1999 nên, theo nguyên tắc của cơ quan WTO, tôi được ở nhà (Genève). Nhưng bà sếp tôi vẫn hỏi ý tất cả xem ai muốn đi ai muốn ở nhà. Đến ngày đi danh sách mới ấn định. Tôi và Marie, cô bạn cùng đi Seattle, cuộc một chai champagne với R., trong nhóm đi Doha, là hội nghị sẽ phải hoãn. Cho đến hai ba ngày trước hôm họ lên đường, chai rượu vẫn chưa ngã ngũ sẽ thuộc về ai. Không khí càng bất an khi biết phái đoàn Mỹ giảm xuống chỉ còn vài chục thay vì mấy trăm người như mọi khi, mỗi người tham dự đều được phát mặt nạ, thuốc chống bệnh than, v.v... Trực thăng Mỹ sẽ túc trực ngày đêm, sẵn sàng bốc đi đưa ra sơ tán ở các chiến hạm đậu ngoài khơi nếu có bão động. Phái đoàn Nhật và Úc sẽ đến với đầy đủ thuốc men, mặt nạ và bác sĩ y tá. Toàn là những tin phấn khởi cả. Đã thế, ông trợ tá xã hội lại sốt sáng gửi email cho tất cả mọi người, thông báo mở một đường dây hotline (trực tuyến) để động viên gia đình các nhân viên đi Doha, khi nào bồn chồn lo lắng quá thì cứ kêu đến tôi mà tâm sự nhé, bất kể ngày đêm.

Thế mà số nhân viên đi Doha cũng hâu như đú cỏ, chỉ có vài người giờ phút chót quyết định ở lại Genève sau khi ông Moore, Tổng Giám đốc, cho biết là sẽ thông cảm nếu ai không muốn đi, trong hoàn cảnh đặc biệt hiện nay. Như thế không phải là kiên trung và có tinh thần phục vụ cao độ thì là gì. Trong nhiều câu tiếu lâm truyền tụng nhau, chúng tôi khoái nhất câu này : " What do we hope to get out of Doha ? We hope to get ourselves out of Doha ! " (Chúng ta mong đem được gì từ Doha về ? Đem được long thê của chúng ta về !).

Hội nghị chính thức khai mạc chiều thứ sáu 9.11 và kéo dài đến tối thứ ba 13.11. Ngày giờ hơi lạ như thế là vì ngày thứ sáu là ngày nghỉ cuối tuần trong các nước Á Rập và thứ bảy là ngày đầu tuần của họ. Chiều thứ tư, sau khi tốp cuối cùng đã lên đường, chúng tôi giật mình nghe tin xảy ra một vụ tấn

công ở Doha. Một ông không quân Qatari đột nhập căn cứ quân sự của Mỹ gần Doha, nổ súng lia lịa và bị bắn chết. Bản tin đầu cho biết có một số quân nhân Mỹ bị thương, bản tin sau lại nói không ai sao cả, chỉ có ông “cảm tử quân” này chết, và nói rõ hơn là ông ta mắc bệnh tâm thần và đây là một hành động cá nhân, không nằm trong một mưu đồ tập thể nào. Ai cũng mong là “chỉ” có thể nhưng tất nhiên không khỏi lo âu. Hôm sau hội nghị khai mạc đúng giờ và chúng tôi bắt đầu làm việc theo chương trình.

Như thường lệ, trong các buổi họp và hội nghị, bộ phận ngôn ngữ và in ấn phải túc trực để phục vụ, bảo đảm các tài liệu được phát hành kịp thời. Tôi chưa thấy tổ chức nào cung cấp phái đoàn như WTO. Mỗi bài phát biểu đọc xong là nội 24 tiếng đồng hồ sau đã được dịch ra hai thứ tiếng kia, cả ba bản được in và phát ngay tại hội trường. Với 142 thành viên thêm một số quan sát viên tham dự, số diễn văn dự trù là khoảng 160 bài trong ba ngày đầu, ngoài những tài liệu khác. Các phái đoàn ngồi đuối nhau phát biểu, mỗi người được 5 phút. Chúng tôi cũng liên tiếp dịch hết ông này đến bà kia, may là đại đa số biết tự giác và kỷ luật, mỗi bài trung bình chỉ hai, ba trang. Những ngày sau mới là đi vào chuyện mẩn ăn thật sự, họp riêng từng tổ trên các đề tài và thương thuyết ráo riết. Bản dự thảo tuyên ngôn của các bộ trưởng, là văn kiện chính thức của hội nghị, được đưa ra mổ xẻ, sửa chỗ này, thêm bớt chỗ kia tuỳ theo đòi hỏi của từng phái đoàn. Những đoạn nằm trong ngoặc kép là chưa đi đến thoả thuận, còn tranh cãi, đã được viết đi viết lại nhiều lần. Chúng tôi thuộc lòng mấy chục trang thứ văn chương kỳ quặc này, nhất là những đoạn đặc biệt gay go, sõi là “thủ phạm” bắt tội chúng tôi phải làm qua đêm.

Doha sớm hơn Genève hai tiếng, giờ làm việc chính thức của hội nghị là 9 giờ sáng đến 12 giờ đêm. Như thế ở Genève phải bảo đảm có mặt từ 7 giờ sáng đến 10 giờ đêm, chia thành ba ê-kíp. Marie và tôi cùng làm chung ê-kíp đêm, từ một giờ trưa đến 10 giờ đêm. Nhưng chỉ có hôm đầu là được lịch sự đúng giờ, càng về sau càng kéo đến khuya, cho đến khi chẳng còn phân biệt ngày và đêm, lần nào cũng thế. È-kíp đêm bao giờ cũng nhiều việc nhất, buổi chiều là lúc các tài liệu đua nhau đến. Ngoài chúng tôi là nhân viên thường trực, bao giờ cũng có các thông dịch viên tự do, đến làm ngắn hạn. Đội ngũ ngắn hạn này dĩ nhiên đông đảo nhất trong lúc hội nghị, tuy họ chỉ làm ban ngày và cực chẳng đã tụi tôi mới phải bảo họ ở lại thêm. Càng về khuya thì số người ở lại trực càng giới hạn vào những người thân nhất, phải “đứng mũi chịu sào”. Tuỳ theo tình hình, chúng tôi cho “bọn trẻ” lần lượt về, cho đến lúc chỉ còn có mấy mống chúng tôi, đi tối đi lui trong các hành lang vắng vẻ.

Năm nay cũng có biểu tình nhưng không khí chống đối trầm hơn nhiều. Sau ngày 11.9, các phong trào chống đối toàn cầu hoá lộ rõ sự khác biệt về những mục tiêu và triết lý của họ. Nhóm thì chuyển sang chống chiến tranh, nhóm thì nghĩ rằng lúc này nên để các chính quyền tập trung bảo đảm an ninh cho dân chúng thay vì phải huy động lực lượng để “xử lí” các vụ biểu tình. Nhóm khác thì tiếp tục chống toàn cầu hoá tới cùng, thậm chí gắn liền với chiến tranh ở Afghanistan! Ở Doha cũng có một vài nhóm đến biểu tình tượng trưng, nhưng đại đa số sự chống đối là ở Âu Châu, và tải ra cùng lúc trong nhiều thành phố. Do đó ở Genève, cuộc biểu tình trưa ngày thứ bảy 10.11 rốt cuộc chưa đến 5 000 người tham dự, thay vì 30 000 như các nhóm tổ chức loan báo. May mắn cùng làm mà chỉ có thể là ít, nhưng cho đến hôm ấy chưa ai biết sẽ ra sao, nên chúng tôi vẫn phải tuân theo

các biện pháp an ninh, đến làm việc trước 10 giờ sáng và không được ra ngoài cho đến khi cảnh sát cho phép. Theo chương trình của họ, đoàn biểu tình sẽ tụ tập dưới phố, họp mít tinh rồi kéo lên khu các tổ chức quốc tế nhưng không đến trước cửa WTO được vì cảnh sát sẽ cấm đường trước đó vài trăm thước, và quay cả khu phố lại. Khu công viên bao quanh WTO cũng được ngăn ra bằng hai, ba lớp hàng rào và dây thép gai từ mặt đường cho tới hồ, bãi đậu xe ngổn ngang toàn xe cam-nhông nhà binh. Mất hết cả vẻ đẹp thơ mộng mọi khi. Nhưng thật ra Genève, và cả nước Thụy Sĩ, không còn là ốc đảo thanh bình trong một thế giới biến loạn. Đã từ cả chục năm nay cả khuôn viên Liên Hiệp Quốc bị rào kín lại, trông thật xấu xí, và sau ngày 11.9 thì khu nhà của phái đoàn ngoại giao Mỹ biến thành một lô cốt kiên cố, lính Mỹ cầm súng đứng gác mặt hàm hàm, làm tôi nhớ lại thời chiến tranh Việt Nam. Mỗi lần đi qua tôi đều nghĩ rằng ai mà vô phúc bị bể bánh hay hư xe đúng chỗ này là chắc sẽ bị lính Mỹ xông ra tóm lấy ngay.

Mãi đến chiều tối, nhìn đường phố cấm xe qua lại nên vắng tanh, tôi đang tự hỏi hay là không có biểu tình thì bỗng nghe lao xao, “ họ ” đã đến. Tôi lên lâu chót nhìn ra ngoài nhưng không thấy gì, chỉ thấy xa xa lố nhố mấy bóng đèn giữa các rặng cây và nghe vài tiếng cocktail Molotov kêu bụp bụp. Sau 8 giờ tối, bỗng thấy xe buýt chạy, và dần dần xe cộ chạy lại cả hai bên đường, chúng tôi biết là đường phố đã được giải toả, như thế là đám biểu tình đã giải tán hay ít ra đã kéo sang khu phố khác. Thế là yên rồi. Hôm sau cũng yên, năm nay như thế là khoẻ lắm.

Hội nghị tiến hành theo chương trình, công việc đi vào nhịp điệu quen thuộc, lúc dồn dập lúc thưa hơn. Chúng tôi bắt đầu ăn uống lung tung, chẳng ra bữa, gấp gáp ăn nhanh. Ai cũng có một ít bánh trái, pho mai, xúc xích để đầy tủ lạnh, những thứ “lương khô” quen thuộc của mùa hội họp. Trung tâm sinh hoạt của bộ phận chúng tôi là văn phòng hai bà thư ký, nơi mọi người đến nhận và giao lại bài, hỏi tin tức, hay chỉ tụ tập tán dóc vài phút, ôn ào như cái chợ. Điện thoại reo không ngừng, máy fax liên tục nhả trang, người hỏi người đáp bằng hai, ba thứ tiếng chen lẫn nhau. đồ ăn thức uống để la liệt, bên cạnh những chồng tài liệu. Chúng tôi hay đến đây ăn kèm bánh, uống ly rượu, mỗi người đóng góp một món, biến căn phòng thành nhà ăn tập thể. Trưa thứ hai 12.11, không khí bỗng sôi động lên hơn nữa khi có người chạy đến báo: “*Lại một chiếc máy bay rơi ở thành phố New York!*”. Chúng tôi kinh hoàng, lạy trời đừng lại là khùng bố! Thực là khổ cho dân ở đây quá. Phản ứng của ai cũng thế, chấn động và thương cảm. Khi các bản tin lân lân xác định đây là tai nạn, sự lo lắng dịu xuống để nỗi xót xa cho các nạn nhân xâm chiếm tâm trí. Cuộc đời thật mong manh, tai họa có thể đến bất cứ lúc nào, so với sự sống chết, những cái giằng co, mặc cả này hẳn là phù phiếm. Nhưng vẫn phải chăm chút từng câu chữ, làm tối đa theo các yêu cầu, vì sống ngày nào là phải trọng vẹn ngày ấy, trọng vẹn với lương tâm nghề nghiệp cũng như với bản thân và người thân.

Ngày hôm sau, ở Doha, hội nghị dành một phút mặc niệm cho các nạn nhân tai nạn máy bay rồi lại tiếp tục công việc. Trong thời gian chuẩn bị, nước nào cũng tuyên bố hội nghị nhất định phải thành công, tránh lập lại những sai lầm và thất bại ở Seattle. Phái đoàn nào cũng khẳng định mình đầy thiện chí và sẵn sàng uyển chuyển nhưng cũng báo trước là không thể nhượng bộ trên điểm này điểm kia vì lý do này nọ. Ai cũng hoan hô tinh thần cởi mở để đến kết quả nhưng vẫn thấy để

người khác cởi mở thì thích hơn. Và tất cả mọi người đều nếm vững các kỹ thuật thuyết phục nhau : giải bày phải trái, dỗ dành khuyên nhủ, nạt nộ, răn đe, giận dỗi hay đấm ngực kêu khổ. Căng hơn nữa thì như Pháp rồi Ấn Độ hăm doạ bỏ bàn họp đi về, nhưng chỉ hăm thoi. Vẫn biết thế nhưng ai cũng gờm, biết đâu “ hấn ” lại làm thật, thì tiêu tùng. Đây là một kiểu kết hợp chơi bài nói dối với lối yêu sách của trẻ con mà báo chí vẫn quen gọi là *brinkmanship* tức là đưa nhau đến bờ vực thảm, miệng nói cứng mà lòng thì thầm mong anh kia chóng mặt trước mình. ăn thua là ở chỗ đoán được ai lì hơn ai.

Chung quy cũng chỉ vì bản chất của WTO là một hiệp hội nhà buôn. Mà buôn bán là mặc cả để đi đến một cuộc trao đổi có lợi cho mọi bên, và cái lợi ấy được chia chác tương đối quân bình. Cho và đòi, thả cái này để bắt cái kia. Kết quả cuối cùng là làm sao để tất cả 142 anh tham dự ra về hài lòng và yên trí là không bị mắc lốm. Đã đi ăn cỗ thì phải được ăn, được nói, được gói mang về. (Vì thế chẳng mà WTO vẫn quen gọi kết quả tổng thể của các vòng thương lượng hay hội nghị là “ package ”, nào là *Uruguay Round package* rồi *Singapore package*!). Ai cũng mong cái gói của mình thật to, nếu không thì cũng phải có vài miếng thật ngon lành. Mỗi phái đoàn đến bàn họp với nhiều mục tiêu từ thấp đến cao, từ cái tối thiểu phải đạt hay giữ được, đến cái tối đa hi vọng với tới. Anh nào cũng phải đại diện cho nhiều quyền lợi cục bộ khác nhau trong cùng một nước, từ nông dân đến ngân hàng hay nhà máy thép. Vì thế nên không đúng lắm đâu nếu nói rằng WTO chỉ là nơi xung đột Nam-Bắc, là chỗ các nước giàu nghèo đụng độ nhau. Vì ai cũng phải bảo vệ nhiều quyền lợi khác nhau của nhiều thành phần nội bộ của mình, nên hoá ra lại chia sẻ mục tiêu với nước này cho lĩnh vực này và có cùng mục tiêu với nước khác cho lĩnh vực khác. Cũng vẫn một anh bạn hàng ấy, mà lúc thì cùng phe với ta lúc thì là đối thủ, tuỳ theo là bàn về nông nghiệp hay về dịch vụ tài chính. Cho nên, sự phân chia Nam-Bắc dĩ nhiên vẫn còn đó (nếu không thì các nhóm chống toàn cầu hoá còn gì để mà chống !), nhưng vì yếu tố đặc biệt trên, vẫn có những liên minh giữa nước nghèo này và cường quốc kia, mỗi nước liên minh với nhiều nhóm khác nhau, và trong nội bộ mỗi nhóm đều có những sự nhượng bộ riêng để đạt mục tiêu chung. Ở WTO, các nước nhỏ hay nghèo có cách ấy để chung sức với nhau hay dựa vào các nước mạnh hơn để giành được quyền lợi. Thực tế bao giờ cũng phức tạp hơn các câu khẩu hiệu giản đơn.

Vậy thì ngoài “ long thể ”, mỗi nhà ngoại giao đi Doha đã đem về được gì ? So với Seattle, hội nghị Doha quả là thành công toàn diện. Ngoài việc đón nhận hai thành viên cõi bự là Trung Quốc và Đài Loan, hân hoan gia nhập sau khi đã khổ công thương thuyết suốt 15 năm, các bộ trưởng đã thông qua bản tuyên ngôn án định chương trình làm việc cho hai năm tới, và nhất là phát động vòng thương lượng đa phương. Cái gói Doha to và đầy, và có đủ miếng nhỏ miếng lớn cho mọi người. Mỹ và Liên Hiệp Châu Âu hài lòng vì phát động được vòng thương lượng, dẫu Mỹ phải lui bước về luật antidumping (*chống phá giá*) và LH Châu Âu phải nhượng bộ về nông nghiệp. Brasil và các nước Phi Châu hả hê vì hội nghị thông qua bản tuyên ngôn riêng về sở hữu trí tuệ, cho phép các nước bị nạn Sida (AIDS) qua mặt các tổng công ty dược phẩm để tự bào chế thuốc mà không phải trả tiền bản quyền phát minh. Các nước thế giới thứ ba nói chung bị ép phải đồng ý bàn về môi trường, đầu tư và cạnh tranh, nhưng giành được một số thoả nhượng cho nông nghiệp và nhất là những cam kết tăng cường giúp đỡ kĩ thuật và ưu đãi các nước nghèo nhất. Vân vân và vân vân.

Trong những câu chúc mừng khen ngợi nhau sau khi hội nghị Doha bế mạc, có vài ý được lập đi lập lại ở nhiều người : “ *Chúng ta đã rửa được vết nhơ của Seattle* ” (ông Zoellick). “ *Vòng thương lượng sắp đến là liều thuốc bổ đưa nền kinh tế thế giới ra khỏi cơn suy yếu hiện nay* ” (ông Moore và nhiều phái đoàn). “ *Kể từ nay việc bảo vệ sức khoẻ người dân được đặt cao hơn quyền lợi thương mại*. Đây là thắng lợi lớn cho tất cả các nước nghèo ” (ông Murasoli Maran, bộ trưởng Ấn Độ, và bà đại diện tổ chức *Y sĩ không biên giới* / Médecins sans frontières). Khi thắng lợi của người này lại là nhượng bộ của người khác thì chắc chắn không phải ai cũng đồng ý với những lời nói lạc quan kể trên. Thời gian sẽ phân định đúng sai nhưng trước mắt có thể nhận xét một điều : trong tình hình căng thẳng của thế giới hiện nay, việc 144 nước đến với nhau, ngồi cùng bàn để giải tỏa những ấm úc và nói lên mong muốn của mình, tìm cách giải quyết ổn thoả cho mọi bên và hẹn nhau còn nói chuyện nữa trong nhiều năm, là một điều phấn khởi. Thương lượng là đối thoại, là hợp tác, bao giờ cũng đáng cỗ vũ hơn ném bom, tàn phá. Còn kết quả của nó, có tốt đẹp như các lời hứa hẹn hay chỉ làm lụn bại thêm các nước nghèo, còn tuỳ thuộc vào sự sáng suốt, khôn khéo và quyết tâm bền bỉ của những tác nhân. Một điều rõ ràng là từ nay các tác nhân ấy không chỉ là các đại diện chính quyền. Các đại diện xã hội công dân có vai trò và chỗ đứng trong đó. Bản tuyên ngôn về sở hữu trí tuệ và thuốc men sẽ không bao giờ có nếu không có vụ kiện lịch sử ở Nam Phi đánh dấu sự thất bại nặng nề của các đại công ty dược phẩm. đấy là công lớn của tổ chức Médecins sans frontières (MSF), đã đấu tranh rất lâu cho quyền được có thuốc. Ngoài MSF, nhiều tổ chức khác có mặt tại Doha cũng đã tỏ ra nấm vững những hồ sơ họ quan tâm, đến nỗi đóng vai trò cố vấn cho vài phái đoàn Phi châu. Phái đoàn Ấn Độ đến với cùng nhiều ký giả am hiểu các vấn đề khiến cho nhiều nhà ngoại giao Tây phương phải nể trọng. Không có gì ngẫu nhiên, những gì đạt được cho thế giới thứ ba, dẫu còn rất khiêm tốn, là kết quả của một quá trình trưởng thành của các nước nghèo, đã bắt đầu trước Seattle và còn phải đi xa hơn nữa sau Doha. Seattle thất bại vì sự kháng cự của các nước nghèo, nhưng lúc ấy còn tản漫 và vô tổ chức. Thế giới thứ ba đến Doha với tư thế vững vàng và đoàn kết hơn, và một cơ sở lí luận thật sự.

Sự hiện diện kể từ nay của Trung Quốc và Đài Loan chắc chắn sẽ làm đảo lộn thế quân bình giữa các nước thành viên WTO, vốn phức tạp và luôn luôn đòi hỏi phải được điều chỉnh lại một cách tinh vi. Tư thế tích cực và tự tin mới của các nước nghèo là một yếu tố khác cho phép nghĩ rằng vòng thương lượng sắp đến sẽ bắt buộc không thể như các vòng trước, phải để ý đến các nước bé cõi thấp miệng hơn (*the small guys*, như ông Moore hay nói). Nhưng con đường còn dài và nhiều chông gai, còn cần đến nhiều tích cực và thiện chí, và những đóng góp về lí luận và sức ép của các tổ chức phi chính phủ. Sau ngày 11.9, thế giới đã thay đổi đối với rất nhiều người. Có lạc quan lắm không nếu mong rằng cái sốc của thảm kịch không thể quên ấy đã làm cho một số người thay đổi suy nghĩ và cách nhìn để tìm ra những câu trả lời mới cho những vấn đề rất cũ nhưng chính vì thế trở thành các ngòi nổ. Phải chi có một bản năng sinh tồn cho cả loài người như ở mỗi sinh vật, để nếu thế giới có nguy cơ đi đến bờ vực thảm, những người có quyền hành trên trái đất cũng biết chóng mặt kịp thời và dừng chân lại. đấy là điều tôi thầm ước cho mọi chúng ta.

20.11.2001

Đỗ Tuyết Khanh

CÂU CHUYỆN DIOXIN VÀ BỆNH TẬT THỰC HAY GIẢ ?

Nguyễn Văn Tuấn

Dioxin trong chiến tranh Việt Nam

Chất màu da cam (thường được đê cập đến là Agent Orange, hay AO) [1] là một loại thuốc diệt cỏ, gồm có hai thành phần chính : 2,4-dichlorophenoxyacetic và 2,3,7,8-Tetrachlorodibenzo-p-dioxin (tức dioxin). Trong thập niên 1940, chất màu da cam được phát triển để diệt cỏ dại. Tuy nhiên, hóa chất này còn tỏ ra rất hữu hiệu trong việc tiêu diệt các loại cây có lá rộng và vụ mùa. Khả năng diệt cỏ và cây xanh của AO đã thu hút sự chú ý của giới quân sự Mỹ, và họ đã thử nghiệm thành công ở Fort Detrick (bang Maryland), Căn cứ không quân Eglin (bang Florida), và Camp Drum (bang New York), trước khi đem sang dùng ở Thái Lan vào đầu thập niên 1960.

Tuy nhiên, AO chỉ được dùng một cách qui mô trong thời chiến tranh Việt Nam, với mục đích chính là khai quang đồng cỏ, làm cho đối phương (quân đội cộng sản) không có chỗ lẩn tránh. Ngày 20 tháng 11 năm 1961, Tổng thống Kennedy phê chuẩn cho quân đội Mỹ tiến hành chiến dịch Operation Ranch Hand để khai quang đồng cỏ Việt Nam [2]. Quyết định này được Tổng thống Ngô Đình Diệm ủng hộ một cách nồng nhiệt [3], vì ông ta cho rằng ông biết cộng sản đang ở đâu. Tuy nhiên, trong nội bộ Mỹ, có sự phản đối từ các nhân vật cao cấp từ Bộ Ngoại giao như Roger Hilsman và W. Averell Harriman, vì họ cho rằng không có cách gì để biết được là đồng lúa của cộng sản sẽ bị tiêu hủy hay không. Nhưng chiến dịch vẫn được thi hành.

Kể từ năm 1962, Lực lượng Không quân Mỹ đã bắt đầu dùng chất độc màu da cam ở các vùng đất thuộc miền Nam và Trung Việt Nam. Năm 1969, trong một báo cáo khoa học cho Viện Y học (Mỹ), dựa vào các thí nghiệm trên chuột, một số nhà khoa học Mỹ đã kết luận rằng chất màu da cam có thể gây ra dị thai (birth defect). Năm 1970, chính phủ Mỹ ra lệnh ngưng dùng chất màu da cam trong chiến tranh, nhưng trên thực tế, các thuốc khai quang khác vẫn được tiếp tục xịt cho đến năm 1971 mới chấm dứt. Trong thời gian mười năm (tính từ 1962 đến 1971), trong chiến dịch Ranch Hand, quân đội Mỹ đã rải xuống Việt Nam khoảng 19 triệu gallons (tức khoảng 71.9 triệu lít) thuốc khai quang, trong đó có 11 triệu gallons (hay 41.6 triệu lít) AO [4]. Với 11 triệu gallons AO, người ta đoán rằng có chứa khoảng 368 pounds (tức 167 kg) dioxin [5]. Phần lớn (90%) AO được rải xuống Việt Nam bằng máy bay loại C-123, và phần còn lại (10%) bằng trực thăng, xe vận tải, và đi bộ. Tổng diện tích mà quân đội Mỹ đã rải là 1.5 triệu hectares, tức gần 10% diện tích của miền nam Việt Nam, trong đó có nhiều vùng bị rải hơn 4 lần. Theo báo cáo chính thức của chiến dịch Ranch Hand, kết quả là quân đội

Mỹ đã phá hủy khoảng 14% diện tích rừng nam Việt Nam, kể cả 50% các vườn xoài [6].

Dioxin và cựu chiến binh Mỹ

Sau khi cuộc chiến Việt Nam kết thúc, hai thành phần được công nhận là chịu ít nhiều ảnh hưởng của dioxin : đồng bào Việt Nam sống trong các vùng bị rải AO, và quân nhân Mỹ, những người trực tiếp rải hóa chất này. Sau năm 1975, một số cựu chiến binh Mỹ và thân nhân của họ bắt đầu phàn nàn tình trạng suy đồi sức khỏe của họ, đặc biệt là ung thư, và tình trạng khuyết tật trong con cái của họ. Những cựu chiến binh nghi ngờ rằng dioxin là thủ phạm của những bệnh tật này. Họ vận động với chính phủ, và một số thượng nghị sĩ cũng khẳng định rằng AO, hay dioxin, là độc chất gây ra bệnh tật cho giới cựu chiến binh, và kêu gọi chính phủ phải bồi thường cho những thiệt hại này. Tiếp theo đó, bộ Cựu chiến binh (Department of Veterans Affairs) bắt đầu tiến hành thủ tục bồi thường cho những cựu chiến binh mắc bệnh "non-Hodgkins lymphoma" hay "soft tissue sarcoma."

Nhưng ý kiến dioxin là thủ phạm của những vấn đề sức khỏe trong giới cựu chiến binh bị một số nhà nghiên cứu y khoa thách thức. Các nhà nghiên cứu này trình bày dữ kiện cho thấy không có một sự liên đới nào giữa AO hay dioxin và ung thư. Nhận xét này phù hợp với một nghiên cứu ở Úc, mà trong đó các nhà nghiên cứu Úc không tìm thấy mối liên hệ nào giữa dioxin và các vấn đề sức khỏe trong cựu quân nhân Úc từng tham chiến ở Việt Nam.

Vấn đề trở nên phức tạp hơn khi một số nhà nghiên cứu khác trình bày dữ kiện cho thấy dioxin có thể gây ra ung thư, dị thai, và một loạt tác hại khác cho sức khỏe. Một cuộc tranh luận "nóng" giữa các nhà nghiên cứu xảy ra trên các tạp san y học. Các nhà nghiên cứu y học thường rất bình tĩnh, lạnh lùng, và ôn hòa trong lời văn chửi viết, nhưng trong cuộc tranh luận này, đã có lúc họ dùng đến những danh từ nặng cảm tính như "huyền thoại" (myth), "sai lầm" (wrong, mistake) ...

Để giải quyết tình trạng bất đồng ý kiến này, chính phủ Mỹ đã chi ra một ngân khoản rất lớn (140 triệu đô-la) để ủy nhiệm một số chuyên viên khoa học và bác sĩ tiến hành nghiên cứu ảnh hưởng của dioxin trong sức khỏe của cựu chiến binh Mỹ. Cuộc nghiên cứu này được lấy tên chiến dịch rải AO, tức là "The Ranch Hand Study" [7]. Trong nghiên cứu này, các nhà nghiên cứu theo dõi tình trạng sức khỏe của hai nhóm cựu chiến binh từng tham gia vào chiến dịch này trong thời chiến tranh : nhóm I gồm khoảng 1000 người từng trực tiếp rải AO xuống Việt Nam; và nhóm II có khoảng 1300 người không trực tiếp rải chất AO, nhưng có mặt trong nhà kho, bảo quản chất AO. Trong thời gian từ 1982, 1985, 1987, 1992, 1997, và 2002 (sắp tới), mỗi cựu chiến binh (nếu còn sống) được khám để thu thập số liệu liên quan đến độ tích tụ dioxin, và quá trình phát triển bệnh tật. Một loạt báo cáo khoa học đã được công bố trên các tạp san y khoa danh tiếng, và kết quả có thể được tóm tắt như sau :

(a) Tử vong. Nói chung, không có sự khác biệt đáng kể về tỷ lệ tử vong giữa hai nhóm. Tuy nhiên, nhóm rải AO (nhóm I) có tỷ lệ chết vì bệnh tim mạch cao hơn nhóm II.

(b) Bệnh tiểu đường. Các nhà nghiên cứu kết luận rằng dioxin có khả năng làm tăng sự nghiêm trọng của bệnh tiểu đường, làm giảm độ insulin và dung nạp glucose (glucose

tolerance). Tỷ lệ bị bệnh tiểu đường trong nhóm I cao hơn trong nhóm II khoảng 5%.

(c) Bệnh ung thư. Trong một bài báo đăng trên Tập san American Journal of Epidemiology, các nhà khoa học kết luận rằng không có mối quan hệ nào giữa dioxin và ung thư da, ung thư tiền liệt.

(d) Hệ thống miễn nhiễm. Kết quả nghiên cứu trong hai nhóm cựu chiến binh cho thấy không có mối liên hệ nào giữa dioxin và các chỉ số sinh hóa như lymphocytes, immunoglobulin, tế bào clonal B, v.v. Ngoài ra, các nhà nghiên cứu không tìm thấy ảnh hưởng của dioxin đến hồng huyết cầu hay bạch huyết cầu, hay haematocrit, haemoglobin, hay ESR.

(e) Dùng số liệu từ năm 1982 đến 1997, các nhà nghiên cứu ước lượng rằng tính trung bình, mức độ tồn tại trung bình của dioxin trong cơ thể là khoảng từ 7 đến 8.2 năm.

Nhưng những kết quả nghiên cứu trên đây bị giới cựu chiến binh chất vấn một cách mạnh mẽ. Sau khi điều tra về các phương pháp nghiên cứu và cách thức làm việc của các nhà khoa học dính dáng đến chương trình này, một số cựu chiến binh khám phá ra nhiều vấn đề nghiêm trọng. Chẳng hạn như có 2 báo cáo về tình trạng dị thai trong các cựu quân nhân bị nhiễm dioxin ở mức độ cao, nhưng không được công bố. Lại còn có một báo cáo về mối liên hệ giữa dị thai và dioxin bị thay đổi từ ngữ làm cho kết quả kém quan trọng. Phần lớn các nhà khoa học làm việc trong chương trình nghiên cứu này là quân nhân, họ chịu ảnh hưởng từ các cấp chỉ huy cao hơn trong việc phân tích số liệu, và điều này làm cho người ta có lí do để chất vấn tính trung thực của việc làm của họ.

Dioxin và người Việt Nam

Ở Việt Nam, sau một loạt trường hợp dị thai được ghi nhận ở các tỉnh miền Trung mà trong thời chiến tranh chịu ảnh hưởng chất AO, đã bắt đầu nghi ngờ tác hại của dioxin. Nhà cầm quyền Việt Nam đã cố công thu thập và trưng bày trong vài bệnh viện ở Sài Gòn nhiều trường hợp dị thai, và rải rác trên báo chí người ta tường trình các trường hợp cha mẹ bị nhiễm AO thường sinh con có tật hoặc bị bệnh. Việt Nam còn đưa ra một số số liệu thống kê để chứng minh AO gây ra dị thai. Tuy nhiên, hầu hết số liệu và nghiên cứu của Việt Nam đều bị giới khoa học thế giới đánh giá thấp, nếu không muốn nói là không được công nhận. Lý do đơn giản là tất cả các nghiên cứu của Việt Nam trong lĩnh vực này chưa đạt được tiêu chuẩn của một "nghiên cứu" nghiêm túc, tức là thiếu khoa học tính. Tuy nhiên, trong lĩnh vực này, Việt Nam có cơ hội tiến hành những nghiên cứu có chất lượng cao, và có tiềm năng công hiến nhiều dữ kiện quan trọng cho y học thế giới mà không nơi nào có được. Song, trong vài năm gần đây, phía Việt Nam tỏ ra miễn cưỡng trong việc hợp tác với người Mỹ trong việc nghiên cứu AO ở Việt Nam, vì chính phủ Việt Nam quan tâm đến một kết quả từ những nghiên cứu như thế sẽ chẳng mang lại lợi ích gì, nếu không muốn nói là có hại, cho nền kinh tế xuất khẩu nông sản của Việt Nam ! Nếu thế giới biết được những vùng như Ban Mê Thuột bị nhiễm dioxin thì kỹ nghệ sản xuất và xuất cảng cà phê của Việt Nam ắt hẳn phải gặp khó khăn.

Do đó, các tranh luận ở Mỹ và sự miễn cưỡng của Việt Nam trong vài năm qua đã biến vấn đề mang bản chất khoa

học này trở thành vấn đề chính trị và kinh tế. Cộng thêm vào đó là những ôn ào trong giới cựu chiến binh, và sự quan tâm của công chúng và đặc biệt là công nhân trong các cơ xưởng kỹ nghệ về tác hại của dioxin đến sức khỏe của họ, đã biến dạng AO thành một vấn đề đầy cảm tính. Hậu quả của một sự tranh luận cảm tính như thế là sự lẩn lộn. Công chúng, nhất là những người không hiểu nhiều về y học, hay không quen thuộc với các phương pháp nghiên cứu y khoa, cảm thấy bị động bởi các bản tin lúc thì cho rằng AO gây ra ung thư, lúc lại có tin cho rằng AO là một chất hoàn toàn vô hại ! Vậy sự thật ra sao ? Trong bài viết này, tôi sẽ cố gắng trình bày một cách ngắn gọn kết quả của những nghiên cứu liên quan đến ảnh hưởng của AO trong sức khỏe con người.

Mức độ nhiễm dioxin

Ước định mức độ nhiễm độc là một chìa khóa để xác định mối quan hệ giữa một căn bệnh và một độc chất. Mức độ này được đo lường bằng thời gian, và mức độ tích tụ (concentration levels) của dioxin trong máu của cá nhân bị nhiễm. Thời gian mà cá nhân bị ảnh hưởng bởi dioxin chỉ được đánh giá qua lời khai của "nạn nhân" và không có phương pháp nào để biết những lời khai này chính xác hay không. Mức độ dioxin trong con người có thể được xác định qua thử máu, da, hoặc sữa, bằng cách dùng phổ kế (spectrometry). Phổ kế đo độ dioxin trên mỗi nghìn tỉ particles, hay còn gọi là ppt (parts per trillion). Theo kinh nghiệm lâm sàng, một mức độ tích tụ dioxin từ 10 ppt hay cao hơn được xem là bất bình thường và có hại cho sức khỏe.

Tuy nhiên, trong cả hai chỉ số đo đạc này đều có một số hạn chế nhất định. Do đó, các đo lường được ứng dụng trong tất cả các nghiên cứu chỉ là tương đối, và trong nhiều trường hợp mức độ chính xác còn rất thấp, thấp đến độ không có ý nghĩa lâm sàng gì cả.

Dù số liệu chính xác về mức độ nhiễm dioxin vẫn còn trong thời gian hoà thiện, một số số liệu thống kê rút ra từ một loạt nghiên cứu gần đây cho thấy mức độ dioxin trong các cựu chiến binh Mỹ, tính trung bình, thấp hơn các công nhân trong các hãng xưởng kỹ nghệ. Tuy nhiên, các cựu chiến binh trong chiến dịch Ranch Hand có mức độ tích tụ dioxin cao hơn trung bình. Trong các cựu chiến binh trực tiếp tham gia rải chất AO xuống Việt Nam, mức độ tích tụ dioxin trung bình là 12.7 ppt (tối thiểu là 0, và tối đa là 617 ppt); trong nhóm không rải chất AO, mức độ dioxin trung bình chỉ 4.2 ppt (min : 0, max : 54.8).

Tuy nhiên, một nhóm nghiên cứu thuộc Trường Đại học Yale đã chất vấn sự chính xác của các con số trên đây. Dùng số liệu thu thập từ Việt Nam, nhóm này khẳng định rằng mức độ dioxin trong cựu chiến binh cao hơn trung bình trong dân số đáng kể. Ngoài ra, cũng có thể giải thích bằng một giả thiết rằng các cựu chiến binh Mỹ có mức độ tích tụ cao và họ đã qua đời (nên đã làm cho con số trung bình trong nhóm cựu chiến binh thấp hơn các công nhân).

Còn trong người Việt Nam thì thế nào ? Trong một nghiên cứu khoa học gần đây [8], Giáo sư Arnold Schecter thuộc Trường Đại học Texas (một người đã bỏ ra cả đời làm khoa học của ông để nghiên cứu tác hại của AO) đã đo lường độ tích tụ dioxin trong 100 cư dân ở Hà Nội (nơi không bị rải AO trong thời chiến tranh) và 100 cư dân ở Biên Hoà (từng bị rải

AO nhiều nhất). Giáo sư Schecter kết luận rằng mức độ tích tụ dioxin trong cư dân Biên Hòa cao hơn mức độ dioxin trong người Hà Nội đến 135 lần (Nguyên văn : "A comparison, pooled sample from 100 residents of Hanoi, where Agent Orange was not used, measured blood TCDD levels of 2 ppt. TCDD levels of UP TO 271 ppt, a 135-fold increase, were found in Bien Hoa residents.") Con số này được giới truyền thông quốc tế loan tải rộng rãi như là một báo động. Tuy nhiên, sau khi đọc kỹ bài báo khoa học này, tôi có lí do để cho rằng đây là một con số cường điệu, và giới truyền thông đã hiểu sai. Thực ra, Giáo sư Schecter đã so sánh mức độ tích tụ tối đa ở Biên Hòa (271 ppt) với mức độ trung bình ở Hà Nội (2 ppt), và đây là một việc làm không nghiêm túc, vì cách làm này cũng giống như lấy chiêu cao của một người Mỹ cao nhất nước Mỹ để so với chiêu cao trung bình của dân số Việt Nam !

Cách đây khoảng 6 năm, Giáo sư Schecter [9] và đồng nghiệp ở Việt Nam từng công bố một nghiên cứu mà trong đó họ đo độ tích tụ dioxin ở các tỉnh và thành phố như Quảng Ninh, Hà Nội, Thanh Hóa, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên, Đà Nẵng, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Đồng Nai, Biên Hòa, Sông Bé, Tây Ninh, Bến Tre, Sài Gòn, Hậu Giang, An Giang, Kiên Giang, v.v. Kết quả cho thấy mức độ tích tụ dioxin trong cư dân (khoảng 900 người) cư ngụ trong các vùng bị rải AO như sau :

Trong máu : 12.6 ppt (tối thiểu : 3.4, tối đa : 32 ppt)

Trong sữa : 7.5 ppt (tối thiểu : 1, tối đa : 17 ppt)

Trong mô mỡ : 14.7 ppt (tối thiểu : 2, tối đa : 103 ppt)

Trong nhóm cư dân không cư ngụ trong các vùng bị rải AO (khoảng 150 người), kết quả như sau :

Trong máu : 2.2 ppt (tối thiểu : 1, tối đa : 2.9 ppt)

Trong sữa : 1.9 ppt (tối thiểu : 1, tối đa : 2.1 ppt)

Trong mô mỡ : 0.6 ppt (tối thiểu : 1, tối đa : 1.4 ppt)

Bài báo này còn tính chỉ số trung bình cho mỗi tỉnh. Ở các tỉnh miền Bắc, mức độ tích tụ dioxin trung bình chỉ khoảng 2.2 ppt, miền Trung là 13.2 ppt, và miền Nam là 12.9 ppt. Tuy nhiên, mức độ không phải đồng đều như thế, có vài nơi cao hơn, và có nơi thấp hơn, trung bình. Ở miền Trung, các tỉnh như Đà Nẵng có mức độ tích tụ cao nhất (khoảng 19 ppt). Riêng ở miền Nam, các tỉnh sau đây có mức độ dioxin khá cao : Đồng Nai-Biên Hòa (28 ppt), Sông Bé (32), và huyện Trà Nóc (Hậu Giang) với mức độ tích tụ lên đến 33 ppt. Như vậy, dù Biên Hòa có mức độ tích tụ dioxin cao hơn các nơi khác trong nước, nhưng mức độ không quá bá đạo như 135 lần. Dựa vào số liệu của Giáo sư Schecter và theo sự ước đoán của người viết bài này, mức độ tích tụ dioxin ở Biên Hòa - Đồng Nai cao hơn Hà Nội khoảng 8,5 lần. Nhưng đó vẫn là một mức độ rất đáng quan tâm.

Dioxin thường tích tụ trong sữa. Do đó, một số nhà nghiên cứu đã căn cứ vào sữa để ước tính độ dioxin trong dân chúng. Theo báo cáo "The American People's Dioxin Report", độ dioxin trong sữa tìm thấy ở Đà Nẵng là cao nhất thế giới (34 nanogramme dioxine/kg cân nặng), kế đến là Nhật và Đức (27 ng/kg), Canada (26 ng/kg), Mỹ (20 ng/kg), Sài Gòn (19 ng/kg). Hà Nội (9 ng/kg), Thái Lan và Cambodia có độ dioxin trong sữa thấp nhất (3 ng/kg) [10].

Tác hại của dioxin trong thú vật

Kết quả nghiên cứu cơ bản (trong tế bào) trên động vật như

chuột cho thấy TCDD có khả năng gây nên một số ảnh hưởng đến giới tính, tuổi tác, và sự căng thẳng, kể cả gây ra ung thư, tổn hại đến hệ thống miễn nhiễm, gây ra tình trạng bất bình thường trong hệ thống tái sinh sản, tổn hại đến tế bào gan và hệ thống thần kinh, xương cân. Trong chuột, các nhà nghiên cứu ghi nhận rằng với một liều lượng thấp, dioxin vẫn có thể làm giảm khả năng sản xuất tinh trùng, và do đó có ảnh hưởng đến khả năng sinh sản trong chuột. Ngoài ra, khi thí nghiệm trong ống nghiệm, các nhà nghiên cứu còn cho thấy dioxin có ảnh hưởng đến sự điều tiết của serotonin, một hormone có nhiệm vụ truyền tín hiệu đến hệ thống thần kinh và điều khiển mức độ ăn uống. Sự ảnh hưởng này cũng phù hợp với một số nhận xét trước đây cho thấy khi chuột bị nhiễm dioxin, chúng cũng bị chứng biếng ăn và mất cân.

Trong vài năm gần đây, còn có một số nghiên cứu sự tương quan giữa dioxin và một số bệnh tật trên thú vật, chủ yếu là chuột. Khi chuột bị nhiễm dioxin ở một mức độ cao, gan của chúng trở nên lớn hơn, nhưng các nhà nghiên cứu không giải thích được hiện tượng này.

Tác hại của dioxin trong con người

Trong nghiên cứu y khoa, người ta phân biệt hai loại tương quan, mà tiếng Anh gọi là "association" và "linkage." Tuy theo cách dịch thông thường, hai danh từ này không khác nhau mấy, nhưng trong nghiên cứu y khoa, hai thuật ngữ này mang ý nghĩa rất khác nhau : association có thể hiểu là mối "liên hệ gián tiếp", và linkage là mối "liên hệ trực tiếp." Có thể lấy hai ví dụ sau để làm sáng tỏ hai quan niệm này : Nếu một yếu tố A ảnh hưởng đến yếu tố trung gian K, và K gây ra bệnh X, thì mối tương quan giữa A và X được xem là liên hệ gián tiếp; tuy nhiên nếu yếu tố A gây ra bệnh X mà không qua ảnh hưởng đến một yếu tố trung gian nào thì mối tương quan này được xem là liên hệ trực tiếp. Phân lớn những kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực dioxin và bệnh tật chỉ có thể xem là liên hệ gián tiếp, vì chưa ai có thể giải thích một cách chính xác cơ chế ảnh hưởng của dioxin ra sao. Thực ra, cũng cần nói thêm rằng đại đa số các vấn đề y khoa, kể cả mối liên hệ giữa ung thư và hút thuốc lá đều có thể cho là liên hệ gián tiếp.

Dù những tác hại của dioxin đã được chứng minh khá rõ ràng trong chuột, nhưng trong con người thì nói một cách chung, vấn đề không đơn giản chút nào. Mỗi trường thử nghiệm trong chuột được các nhà nghiên cứu kiểm soát theo những tiêu chuẩn định sẵn trong các phòng thí nghiệm, nên kết quả thường chính xác. Nhưng sự chính xác luôn tùy thuộc vào điều kiện của môi trường. Nhưng trong nghiên cứu trên dân số hay một cộng đồng thì nhà nghiên cứu không có sự lựa chọn môi trường; nhà nghiên cứu không có quyền và cũng không thể nào bắt buộc người tham gia nghiên cứu phải sống trong một môi trường cố định. Trong thực tế, không có một cá nhân nào giống một cá nhân nào. Do đó, mức độ chính xác của kết quả nghiên cứu trong con người thường không cao. Vì sự thiếu chính xác này, các nhà nghiên cứu độc lập thường lặp lại các cuộc điều nghiên trước đây của đồng nghiệp xem có đạt được cùng kết quả hay không. Nếu nhiều cuộc nghiên cứu độc lập cho cùng một kết quả, các nhà nghiên cứu có đủ bằng chứng để kết luận. Nếu kết quả của nhiều nghiên cứu không nhất quán thì mối liên hệ, dù là gián tiếp hay trực tiếp, phải được xem là còn trong vòng nghi vấn.

Trong hai mươi năm qua, ngoài cuộc khảo cứu trong các cựu quân nhân tham gia vào chiến dịch Ranch Hand, còn có một số nghiên cứu khác. Nhưng kết quả của các nghiên cứu này thường không nhất quán, và gây ra hoang mang, hiểu lầm trong công chúng. Quốc hội Mỹ đã ủy nhiệm cho Viện Y khoa (Institute of Medicine, trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Hoa Kỳ) duyệt xét và tóm tắt các kết quả nghiên cứu. Để làm việc này, Viện Y khoa thành lập một ủy ban khoa học (gọi là Committee to Review the Health Effects in Vietnam Veterans of Exposure to Herbicides) để xem xét, cân nhắc phương pháp và kết quả nghiên cứu và từ đó tổng kết thành một báo cáo cho chính phủ. Ủy ban này gồm có 11 nhà khoa học từ các trường đại học và viện nghiên cứu trên toàn nước Mỹ, do Giáo sư Irva Hertz-Pannier (thuộc Trường đại học North Carolina), một chuyên viên về y tế công cộng, chủ trì. Sau khi duyệt qua và cân nhắc hơn 50 nghiên cứu khác nhau có liên quan đến hóa chất dioxin và sức khỏe của cựu chiến binh được tiến hành trong vòng 20 năm qua, ủy ban đã soạn thảo thành một loạt sách, trong đó, có một cuốn tóm lược tác dụng của dioxin đến sức khoẻ [11]. Một vài nét chính của quyển sách này có thể tóm lược như sau :

(a) Cho đến nay, các nhà nghiên cứu đã có đầy đủ bằng chứng khoa học để kết luận rằng dioxin trực tiếp gây ra các bệnh sau đây : Soft-tissue sarcoma, Non-Hodgkin's lymphoma, bệnh Hodgkin [12], và bệnh ban clor (chloracne) [13]. Tháng 4 năm 2001, Viện Y khoa công bố một thông cáo báo chí mà trong đó các nhà nghiên cứu cảm thấy có đủ dữ kiện để có thể kết luận rằng con của các cựu quân nhân Mỹ bị nhiễm dioxin có tỷ lệ bị bệnh ung thư máu cao hơn trung bình.

(b) Tuy nhiên, mối liên hệ giữa AO và một số bệnh vẫn còn nằm trong vòng nghi vấn, vì kết quả của các nghiên cứu vẫn chưa nhất quán. Những bệnh này là : ung thư hệ thống hô hấp (phổi, thanh quản, khí quản), ung thư tuyến tiền liệt (prostate cancer), myeloma, một số bệnh thần kinh cấp tính, và bệnh nứt đốt sống (spina bifida).

(c) Ngoài ra, Viện Y khoa cảm thấy chưa có đầy đủ bằng chứng khoa học để kết luận về mối liên hệ giữa dioxin và các bệnh sau đây : ung thư gan, ung thư mũi, ung thư xương, ung thư vú, ung thư hệ thống tái sản sinh trong phụ nữ (tử cung, noãn xào), ung thư bọng, ung thư thận, ung thư bộ tinh hoàn, dị thai, sanh thai chết (Neonatal/infant death and stillbirths), trọng lượng hàn nhi thấp (Low birthweight), bất bình thường chỉ số tinh trùng và hiếm muộn, rối loạn hệ thống phổi hợp (coordination dysfunction), các triệu chứng thần kinh ngoại vi kinh niên, các bệnh thuộc hệ thống nội tiết và tiêu hóa (như tiểu đường, loét, thay đổi enzyme của gan, bất bình thường lipid), các chứng miễn nhiễm, bệnh tim, bệnh đường hô hấp, và ung thư da.

(d) Ngược lại, các nhà nghiên cứu thuộc Viện Y khoa cũng thêm rằng họ chưa có đầy đủ bằng chứng để loại bỏ mối liên hệ giữa dioxin và các bệnh sau đây : ung thư dạ dày, ung thư tuyến tụy, ung thư ruột, ung thư trực tràng, và ung thư não (brain tumors).

Trong một cuộc khảo cứu công phu ở , các nhà nghiên cứu thuộc Trường Đại học Milano-Bicocca (Ý) và Trung tâm Nghiên cứu Môi trường và Y tế (Mỹ) đã theo dõi tỷ lệ sinh sản suốt 25 năm liên tục trong vùng Seveso (Ý), nơi có một hăng sả

xuất thuỷ diệt có bị cháy, nổ tung, và thả ra môi trường chung quanh khoảng 30 kí lô dioxin vào năm 1977. Họ khám phá rằng những đàn ông bị nhiễm dioxin có xác suất sinh con trai thấp hơn những đàn ông không bị nhiễm dioxin (hay bị nhiễm nhưng ở mức độ thấp). Trong các người cha không sống trong vùng bị nhiễm hay sống trong vùng bị nhiễm nhưng có mức tích tụ dioxin trong máu dưới 16 ppt, tỷ lệ sinh con trai là khoảng 56%; và trong các người cha sống trong vùng bị nhiễm với mức tích tụ dioxin trong máu từ 16 ppt hay cao hơn, tỷ lệ sinh con trai chỉ 44% [14].

Vài nhận xét cá nhân

Trong y học, một khi một công thức thuốc được phát triển, người ta phải làm thử nghiệm về sự an toàn của thuốc trên thú vật như chuột cực kỳ kỵ càng trước khi đem ra dùng cho bệnh nhân. Ngay cả thử nghiệm trên chuột, các nhà khoa học phải được phép của hội đồng y đức trước khi để tiến hành nghiên cứu. Trong khi đó, quyết định dùng chất màu da cam chứa dioxin trong chiến tranh Việt Nam chỉ do một người quyết định (Tổng thống Kennedy) và nhận được sự ủng hộ của Tổng thống Ngô Đình Diệm. Người dân Việt Nam hoàn toàn không biết gì đến quyết định này. Vì thế, có thể nói rằng quyết định dùng AO ở Việt Nam là một việc làm tàn nhẫn và vô nhân đạo. Nó thể hiện một thái độ ngạo mạn của người Mỹ coi thường mạng sống con người Việt Nam và môi trường Việt Nam. Nó còn cho chúng ta thấy sự thiển cận (hay bất lực) của chính quyền miền nam Việt Nam lúc đó. Năm 1964, Liên đoàn Khoa học gia Mỹ (Federation of American Scientists) yêu cầu chính phủ Mỹ ngưng dùng AO ở Việt Nam, vì những tác hại của nó đến đồng lúa và con người [15]. Tháng 1 năm 1966, Giáo sư John Edsall thuộc Trường Đại học Harvard cũng công kích quyết định của Mỹ và cho đó là một hành động dã man, chỉ có hại cho người lính và thường dân [16].

Đến nay, chiến tranh đã chấm dứt hơn một phần tư thế kỷ, nhưng ảnh hưởng của AO và dioxin vẫn còn kéo dài. Trong vòng hai thập niên qua, đã có nhiều nghiên cứu về tác hại của dioxin trong sức khỏe, nhưng đại đa số các nghiên cứu này nhắm vào đối tượng cựu quân nhân Mỹ và các công nhân trong hăng sả Mỹ; chỉ có một số ít dữ kiện được thu thập từ đồng bào Việt Nam. Dù kết quả nghiên cứu có khi không nhất quán, nhưng chúng ta đã có đầy đủ bằng chứng khoa học để kết luận rằng trong các cựu quân nhân Mỹ, dioxin là một độc chất nguy hiểm, có khả năng gây ra ung thư tế bào và ung thư máu. Nhưng chúng ta chưa đầy đủ bằng chứng để kết luận rằng dioxin gây ra dị thai, một quan tâm lớn của công chúng. Thực vậy, trong một báo cáo khoa học mật được đệ trình lên Quốc hội Mỹ (nhưng đã bị tiết lộ ra ngoài báo chí gần đây), các nhà khoa học Mỹ đã khẳng định rằng dioxin là một độc chất nguy hiểm vào hàng số một do con người tạo ra và biết đến. (Tưởng cần nhắc lại là trước đây, EPA chỉ phân loại dioxin như là một chất "có thể gây ra ung thư".)

Với gần 72 triệu lít chất khai quang rải xuống Việt Nam, chúng ta át phải nghĩ rằng Việt Nam là môi trường lý tưởng để nghiên cứu về tác hại của AO và dioxin. Song, thực tế trái ngược : các dữ kiện từ Việt Nam về AO và dioxin chỉ bằng một phần nhỏ so với phía Mỹ. Điều này có thể hiểu được một phần nào vì, sau 1975, Việt Nam có hàng trăm vấn đề y tế cấp bách phải đối phó, thiếu ngân sách, và phương tiện nghiên cứu, nên

đã bỏ qua một cơ hội quan trọng để thu thập dữ kiện. Số liệu về AO và dioxin từ Việt Nam chỉ được phân tích gần đây, kể từ ngày Mỹ bỏ lệnh cấm vận Việt Nam. Qua các báo cáo khoa học được công bố trên các tạp san y học quốc tế gần đây, chúng ta có thể kết luận rằng dioxin vẫn còn tồn tại trong môi trường Việt Nam ở một mức độ có hại cho sức khỏe. Nghiên cứu gần đây do công ty Hatfield (Canada) thực hiện cho thấy mức độ tích tụ dioxin trong hải sản và mô động vật (gà, heo, bò) ở miền trung và nam Việt Nam vẫn còn cao. Điều này chứng tỏ rằng dioxin ở Việt Nam đã xâm nhập vào nguồn thực phẩm. Theo tiêu chuẩn ở các nước Tây phương, một tình trạng như thế có thể được xem là khủng hoảng y tế công cộng. Tuy nhiên, giới y tế Việt Nam vẫn chưa có kế hoạch nào cụ thể để giải quyết vấn đề !

Đã từ lâu, giới y học Tây phương và Việt Nam đã ghi nhận tỷ lệ dị thai ở miền trung Việt Nam cao hơn trung bình, nhưng ý kiến về nguyên nhân thì khác nhau. Phía Việt Nam tin rằng AO và dioxin là nguyên nhân, nhưng phương pháp nghiên cứu và cách xử lý số liệu của họ không được chấp nhận là nghiêm túc và khoa học. Do đó, mối liên hệ giữa dị thai và dioxin ở Việt Nam vẫn còn nằm trong vòng nghi vấn, vì bằng chứng chưa đầy đủ. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là dioxin không phải là nguyên nhân gây ra dị thai. Tất nhiên, bằng chứng chưa đầy đủ không có nghĩa rằng không có bằng chứng ("the absence of evidence does not mean that the evidence is absent.") Thực vậy, một nhóm nghiên cứu thuộc Trường Đại học Texas vừa được chính phủ Mỹ cấp một ngân sách \$874,000 để nghiên cứu về mối liên hệ quan trọng này.

Trái lại với nhiều dư luận báo chí, chính phủ Việt Nam chưa bao giờ chính thức đòi chính phủ Mỹ bồi thường những thiệt hại mà chiến dịch Ranch Hand gây ra. Nhưng chính phủ Mỹ đã và đang bồi thường một số cựu chiến binh Mỹ từng tham gia vào chiến dịch này. Chính phủ Mỹ cũng chưa có viện trợ hay kế hoạch nào để làm sạch, tẩy xóa dioxin trong môi trường Việt Nam. Thái độ này đã được giới khoa bảng Mỹ chất vấn, và chính phủ Mỹ giải thích rằng họ cần phải có bằng chứng khoa học trước khi thảo luận vấn đề bồi thường. Suy cho cùng, đây cũng không hẳn là một thoái thác của Mỹ, mà họ hành động một cách duy lí. (Chỉ đáng trách là phía Việt Nam đã không thừa cơ hội để thu thập dữ kiện một cách khoa học làm bằng chứng.) Để tỏ thiện chí của mình, gần đây, chính phủ Mỹ đã thỏa thuận và cung cấp một ngân sách cho các nhà khoa học Mỹ cùng hợp tác với các nhà khoa học Việt Nam để nghiên cứu tác hại của AO và dioxin ở Việt Nam. Hi vọng trong tương lai, kết quả của nghiên cứu này sẽ làm cho vấn đề sáng tỏ hơn và tránh mọi suy luận theo cảm tính.

Nguyễn Văn Tuấn

Chú thích :

1. Tên gọi "Agent Orange" xuất phát từ những thùng phuy có khoanh màu cam. Do đó, người ta quen gọi là "Agent Orange." Thực ra, trong thời chiến tranh Việt Nam, Mỹ đã dùng đến 15 hóa chất khác nhau để khai quang. Các hóa chất khác cũng từng được nhận diện bằng màu như thế, chẳng hạn như "Agent White," "Agent Blue," "Agent Purple," "Agent Pink," và "Agent Green." Trong thời gian 1962-1964, Agent Purple (2,4,-D and 2,4,5,-T), Agent Green (2,4,5-T), và Agent Pink (2,4,5-T) được dùng; trong thời gian 1965-1970, Agent Orange (2,4,-D và 2,4,5-T) là chất được dùng chính.
2. Theo tài liệu NSAM 115, subject : Defoliant Operations in Vietnam, Nov. 30, 1961. Trích từ "Ranch Hand : Herbicides in Southeast Asia 1961-1971" của Tiến sĩ William A. Buckingham, Jnr.
3. Theo tài liệu Record, 4th SECDEF Conference, HQ CINCPAC, March 21, 1962. Trích từ "Ranch Hand : Herbicides in Southeast Asia 1961-1971" của Tiến sĩ William A. Buckingham, Jnr.
4. Xem bài xã luận "New IOM Report links Agent Orange exposure to risk of birth defect in Vietnam Vets' children," do Tiến sĩ Joan Stephenson viết trong Tạp san Journal of the American Medical Association (JAMA), số 275, ra ngày 10 tháng Tư 1996, trang 1066-1067.
5. Xem bài xã luận "Agent Orange : exposure and policy," do Tiến sĩ Michael Gough viết trong Tạp san American Journal of Public Health, năm 1991; số 81 : trang 289-290.
6. Theo báo cáo của Công ty Tư vấn Hatfield (Canada), #201-1571 Bellevue Avenue, West Vancouver, BC V7V 1A6, Canada.
7. Xem các bài báo sau đây : "Exposure to Agent Orange and occurrence of soft-tissue sarcomas or non-Hodgkin lymphomas : an ongoing study in Vietnam," Tạp san Environmental Health Perspective 1998 Apr;106 Suppl 2:671-8; "Serum dioxin, insulin, fasting glucose, and sex hormone-binding globulin in veterans of Ranch Hand," Tạp san Journal of Clinical Endocrinology and Metabolism 1999 May;84(5) :1540-3; "Vietnam veterans' risks for fathering babies with birth defects," Tạp san JAMA 1984 Aug 17;252(7) :903-12.
8. "Recent dioxin contamination from Agent Orange in residents of a southern Vietnam city," Tạp san Journal of Occupational Environmental Medicine 2001; May; 43(5) :435-43.
9. "Agent Orange and the Vietnamese : the persistence of elevated dioxin levels in human tissues," Tạp san American Journal of Public Health 1995 Apr;85(4) :516-522.
10. Trích trong bài báo "Exposure assessment : Measurement of dioxins and related compounds in human tissues," của A. Schecter, in trong sách "Dioxins and Health," Arnold Schecter, editor, pp. 449-486. New York : Plenum Press, năm 1994.
11. Xin xem "Veterans and Agent Orange : Update 2000" do Committee to Review the Health Effects in Vietnam Veterans of Exposure to Herbicides (Third Biennial Update) soạn thảo, và Institute of Medicine xuất bản năm 2001.
12. Bệnh non-Hodgkin's lymphoma là một bệnh mà các tế bào ung thư được tìm trong hệ thống bạch huyết.
13. Ban clor là một bệnh ngoài da giống như trứng cá (viêm nang lỏng). Bệnh Hodgkin là một bệnh ác tính của các mô máu trắng, thường có đặc điểm là một hay nhiều nhóm hạch máu trắng lớn thấy ở cổ, nách, háng và ngực hay bụng, có thể gồm cả lá lách, và tủy xương.
14. Bài báo nghiên cứu của Giáo sư Paolo Mocarelli và đồng nghiệp có tên là "Paternal concentration of dixin and sex ratio of offspring", công bố trên tạp chí y khoa Lancet, số 355, ra ngày 27 tháng 5, 2000, trang 1858-1863.
15. "FAS Statement on Biological and Chemical Warfare," Bulletin of the Atomic Scientists (Oct. 1964), pp. 46-47.
16. Có thể xem "Scientists Protest Viet Crop Destruction," Tạp san Science, Jan. 21, 1966, p. 309; và bài báo "5000 Scientists Ask Ban on Gas in Vietnam," Washington Post, Feb. 15, 1967, p. A-1.

"RỒI THÌ NGƯỜI Ở MỘT MÌNH"

Tô Hoài

Dạo trước, tôi đã báo động vùng Đồng Tháp Mười bây giờ người ta bẫy chim bằng cát-xét, tiếng chim đã được thu băng, mở cát-xét ra chim kêu chim hót líu lo. Đàn chim bay qua ngõ chim gọi đàn, sà xuống bờ nước, hàng trăm hàng chục con mòng két, con cu gáy, con ngói lao xuống, đậu cả vào lưới.

Mỗi ngày cả ngàn con chim hóa ra chả chim, sáo chim trong các quán nhậu bên khen rạch, ven đường, các lái chim còn tái chim lên Sài Gòn - Chợ Lớn bán vào các nhà hàng sang trọng.

Bây giờ cái cạm chim có tiếng chim hót ấy đã ra đến Hà Nội. Cái đầu dê trong một số báo mới vừa đây: có xâu chim về chợ chim ở đường Hoàng Hoa Thám. Thoạt đầu tôi lấy làm lạ con chim sâu, chim chích thì nuôi sao được mà người ta cũng đem bán. Đọc bài mới biết xâu chim đây là cái dây, cái lạt, sợi dây thép buộc con chim, chọc cổ con chim lại thành một xâu đem đi bán.

Tôi vẫn băn khoăn nỗi ở ngoài này đâu còn nhiều chim như ở các cánh đồng và vườn, rừng phía nam. Ở Hà Nội này, đêm chỉ còn nghe con chim lợn kêu rùng rợn mà người ta bảo chim lợn bay qua đâu mà kêu là ở đấy sắp có người chết. Còn muôn trùng thấy con cò bay, con diều hâu liệu "Xây giếng cho tròn" thì phải tìm đến lưng chừng núi Tam Đảo, núi Ba Vì may ra mới trông thấy được. Thế mà bây giờ có người đem cả xâu chim đi bán?

Chủ nhật, tôi đến đường Hoàng Hoa Thám có những cửa hàng chuyên bán chim và cây cảnh, hai bên đường bóng cây mát rọi, nhan nhản những chim là chim, không phải chim trên cây mà chim trong lồng nan tre, nan nhôm những con sáo, con khướu, con họa mi... cả trăm thứ chim.

Nhưng chưa thấy xâu chim nào ở đâu. Hồi thăm mới biết người bán xâu chim ở tận cuối đường đằng kia. Dạo trước, người ta xách xâu chim đi bán rong, nhưng rồi những hàng chim lồng thấy người cứ vác chim chết lợn lờ qua đám ra sốt ruột. Biết đâu những con chim sống trong lồng thấy những con chim bị xâu, bị trói, nhỡ cái nó biết sợ, biết chạnh lòng, nó cắn lưỡi chết, nó nhịn ăn chết thì sao. Thế là người ta đuổi bọn bán chim không được lướn phướn đến mà phải đứng một chỗ.

Những người xách xâu chim túm tụm lại một chỗ. Năm trước, tôi thường trông thấy mỗi chiều chủ nhật có ông đi xe máy vai đeo súng săn phóng xe máy từ các vùng đầm nước ở Suối Hai, ở Đại Lải về, buộc đằng trước xe những xâu chim bán được, nào con le, con mòng, nào vịt trời.

Đấy là những ông đi chơi săn chim và "cải thiện" đôi chút. Nhưng bây giờ trông những người đi bán xâu chim thì thiểu não, vất vả nhiều. Chiếc xe đạp méo mó và tất cả người như vùi trong bùn bôi lén. Họ vắt lên ghi đông xe những xâu chim chết, thôi thì chào mào, sáo đá, cả con Choi Choi bé tíẹo.

Trông thấy mà thương tâm. Thế này thì chung quanh thành phố người ta triệt hết các giống chim đến nơi.

Tôi hỏi bắng quo:

- Không bán diều hâu à?

Người bán chim lật xâu chim lên, có con diều hâu mình vẫn nâu, mỏ khoằm nằm chết rũ ở dưới.

Tôi lại hỏi:

- Diều hâu bay cao thế, sao bẫy được?
- Mở băng diều hâu kêu ra, xuống ngay chứ!
- Thu được băng tiếng diều hâu.

- Ông ơi! Cụ giờ trên thiên đình mà nói cũng thu được tiếng cả cụ giờ. Nào ông mua đi, diều hâu nướng lên thơm chảng kém gà gô đâu. Cháu lên Lương Sơn chiêu, có chục con diều hâu cũng hết băng, chim rừng mà.

- Diều hâu này bẫy được tận đâu?
- Tân chân Tam Đảo đây.

Tam Đảo và Ba Vì, những vùng rừng quốc gia, nghe uy nghiêm lắm, thế mà người ta đương phá đến kiệt cùng mà cũng chẳng ai cấm đoán, bắt bớ gì. Những con chim con cò này còn thấy có lúc nó bay trên sông, có lúc nó lội dưới ruộng, chứ còn bao nhiêu thứ của rừng, trong rừng, giữa rừng mà người ta đã bὸn mót quanh năm đến hết sạch, mệt sạch.

Tôi đã từng viết bài về nạn tiêu diệt bướm ở Tam Đảo. Tôi đã mắt trông thấy những người châu Á, người Nhật chơi Tam Đảo vào rừng tay cầm vọt vọt bướm và đeo những cái lồng đựng bướm. Đã nhiêu năm rồi, người lớn và trẻ con các làng quanh núi đã hành nghề đi bắt bướm cho Tây. Không mấy ai để ý khi mùa xuân trở về, rừng Tam Đảo chỉ còn những đàn bướm trắng, bướm vàng, bướm ma chập chờn bay ra, chứ những bướm rồng, bướm chúa, bướm tiên quý hiếm chẳng thấy đâu nữa.

Mới đây, tôi lại biết thêm có nghề lấy phong lan ở Tam Đảo và Ba Vì. Tôi chỉ mới được biết, chứ nghề này đã sinh ra từ mười mấy năm nay, mà toàn người tính xa về hành nghề. Cũng như ít ai để ý việc mò ốc bươu, ốc vặt ở Hồ Tây phân nhiêu là người ở Thanh Hóa ra, ở Nam Định lên.

Nghề lấy phong lan cũng thế, nhưng công phu và bán được nhiều tiền hơn mò ốc. Người ta nói bây giờ người đi rừng kiếm phong lan mỗi ngày một nhiêu, những năm trước chỉ cái rìu với con dao, đi nửa buổi đã vác về hàng giờ, bây giờ phong lan còn mọc la liệt ở hẻm núi, ở gốc cây.

Bây giờ người kiếm phong lan phải đi thành bọn vào rừng sâu mang cả bạt, đeo cả gạo và xoong nồi đi vài ngày. Mà đồ lê lấy phong lan bây giờ không chỉ có chiếc rìu, con dao, mà phải đem cưa, có cả cưa máy chạy điện quay tay, còn nhiêu khê hơn thợ sơn tràng đi rừng. Bởi bây giờ chỉ còn phong lan trên lưng chừng cây, phải trèo lên cưa cây, hạ xuống mới lấy được một vũng phong lan. Có nghĩa là phải phá rừng mới được phong lan.

Ở bên Nhật có núi Phú Sĩ ngoại ô Tokyo, ngọn núi thiêng liêng, trong mỗi bức ảnh phong cảnh Tokyo nhất định phải có núi Phú Sĩ nên thơ. Ở Hà Nội, đứng bờ hồ Tây cũng trông thấy núi Tam Đảo, núi Ba Vì nổi lên bên kia ngần nước, đẹp lạ lùng.

Chẳng biết ở núi Phú Sĩ có nạn bắt bướm, nạn phá rừng lấy phong lan và săn chim, bẫy chim đến kiệt cùng như ở ta không? Ở thủ đô New Delhi bên Ấn Độ, đứng đợi xe buýt trên hè, trông lên cây thấy mấy con chim vàng anh đương nhảy lao xao. Ở ta, chúng mày đậu thế thì chết với ông rồi.

Và ở ta, chỉ nghe khẩu hiệu hò hét bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường chứ chẳng thấy người để mắt đến những tác hại cụ thể, tỉ mỉ ấy. Rồi một ngày kia, trên mặt đất, trên bầu trời sẽ hết chim, hết hoa thì người ở với ai?

(báo Người Hà Nội - theo ND ĐT 22.11)

nghệ thuật
viết truyện
của

STEPHEN KING



Văn Ngọc

Tôi đọc truyện của Stephen King, cũng như một thời đọc truyện chưởng của Kim Dung, trước hết là để “mua vui” (theo nghĩa giải trí). Thực ra, đọc Stephen King là để mua lấy cái sợ, và sự hồi hộp, thì đúng hơn !

Tôi nêu tên của Kim Dung tiên sinh lên ở đây, bên cạnh Stephen King, quả thật không có ý so sánh. Chỉ muốn nói lên rằng truyện của cả hai tác giả này đều có một sức hấp dẫn ghê gớm, đối với tôi, mỗi người một cách, và cả hai cùng là những tác giả “bán chạy” và được một tầng lớp xã hội nào đó, một lứa tuổi nào đó ưa đọc, thế thôi.

Theo tôi, *hấp dẫn* bao giờ cũng là một đức tính quan trọng của một cuốn truyện, bởi nếu không thì chả ai chịu đọc ! Tuy nhiên, chỉ một đức tính ấy thôi cũng đòi hỏi ở người viết văn không biết bao nhiêu là gian khổ rồi !

Số sách của Kim Dung, đã in ra, dịch ra các thứ tiếng, và lưu hành ở các nước Á châu, từ bốn thập kỷ nay, khó mà có thể ước đoán được là bao nhiêu, nhưng sách của Stephen King trên thị trường thế giới hiện nay đã lên tới trên 200 triệu cuốn, và đã có trên 30 bộ phim được dựng lên dựa trên các tác phẩm của ông, đấy là chưa kể một số kịch bản mà chính tay Stephen King đã viết cho các đài truyền hình ở Mỹ !

Điều vẫn luôn luôn gọi sự tò mò của tôi, là cái gì trong những tác phẩm của hai tác giả này đã có sức lôi cuốn người đọc một cách thần tình như thế ?

Kim Dung ít khi nào nói cho ai biết về cách viết, cách xây

dựng truyện của ông. Chỉ có những nhà phê bình và người đọc mới mở xé truyện của ông ra, để tìm hiểu và cảm thụ những cái hay, cái đẹp, mà thôi (xem bài của Văn Ngọc về Kim Dung, DĐ số 103, 1.2001).

Ngược lại, Stephen King là một trong số rất ít nhà văn đã luôn luôn thở lộ với độc giả về cách viết, cách dựng truyện, cách tìm nguồn cảm hứng của mình. Ông nói ra, không một chút mặc cảm, những gì mà ông có thể nói ra được, ngay trong các lời tựa và lời bạt của các cuốn sách.

Chẳng hạn như trong Lời Tựa của cuốn *La Tempête Du Siècle* - nxb Albin Michel, 1999 (The Storm Of The Century - Ralph Vicinanza Ltd, 1999) ; hay trong Lời Bạt của cuốn *Les Evadés / Différentes Saisons*-nxb Albin Michel (1986) – (Different Seasons – Ralp Vicinanza, 1986), v.v. ; và nhất là trong cuốn sách mà Stephen King vừa mới cho xuất bản, tựa là : *Ecriture, mémoire d'un métier* – nxb Albin Michel 2001 (On Writing, A Memoir Of The Craft – Ralph Vicinanza, Ltd, 2000), trong đó ông nói lên những suy nghĩ, nhận xét của mình về ngôn ngữ viết, nói chung, và đặc biệt là ông đã kể lại kinh nghiệm viết tiểu thuyết của mình. Chưa bao giờ tôi thấy một tác giả nào dám viết về mình, về tác phẩm, và cách viết của mình, với một môt giọng chân thành, và giản dị như thế !

Stephen King vẫn có ý định viết cuốn sách này từ lâu rồi, và ông đã bắt tay vào việc ngay từ năm 1992, nhưng vẫn băn khoăn tự hỏi không biết mình có cái gì hay để nói cho độc giả không, mà tự nhiên lại đi lao đầu vào viết một cuốn sách như thế ? Mãi đến cách đây hai năm, tình cờ ông bị một tai nạn xe hơi (tưởng chết), trong lúc nằm bệnh viện để phục dưỡng, ông mới lấy được quyết định thực hiện cho đến cùng ý định trên. Lời giải đáp cho sự băn khoăn ngày trước thực ra cũng đơn giản : ông tự nghĩ, một người như ông, đã viết được bằng ấy truyện và tiểu thuyết (trên 30 tác phẩm – chưa kể những kịch bản phim), không lẽ lại không có gì để nói về kỹ thuật viết truyện hay sao ?

Cuốn sách dày 380 trang. Gần một phần ba được dành để nói về thân thế tác giả, dưới hình thức kể chuyện. Đó là những kỷ niệm thời thơ ấu, thời học sinh, sinh viên, được kể lại một cách sinh động, với nhiều chi tiết bổ ích. Phần này, trên thực tế rất quan trọng, vì nó cho thấy rõ cái quá khứ, cái vốn sống, và những bước đầu “tự đào tạo” của tác giả. Cái vốn sống rất phong phú ấy – kể cả những hoạt động chính trị – xã hội, như chống chiến tranh Mỹ ở Việt Nam, và ngay cả chứng nghiệm rượu mãn tính của ông – sẽ cung cấp cho Stephen King một vốn hiểu biết về hiện thực rất sâu sắc, mà ông sẽ sử dụng trong các truyện của ông sau này.

Tôi rất tâm đắc với Stephen King khi ông viết : không có một trường lớp, một xưởng viết văn nào có thể chế tạo ra được một nhà văn có tài. Tài năng chỉ có thể là do chính mình tự rèn luyện lấy, xuất phát từ một nồng khiếu và một sự quyết tâm nào đó (mà không phải ai cũng có thể có được) (*Ecriture*, tr. 29, 300-303).

Nói thế, không phải là Stephen King phủ nhận tất cả những bài học có thể rút ra được từ kinh nghiệm của những người đi trước truyền lại. Chẳng hạn như về mặt kỹ thuật viết văn, ông rất khâm phục William Strunk và E.B. White, tác giả cuốn *The*

Elements Of Style, mà ông khuyên đọc giả nên đọc. Cũng như, nói về những nhà văn mà ông coi là mẫu mực, Stephen King thường hay nhắc đến : William Faulkner, John Steinbeck, Edgar Allan Poe, T.S. Eliot, Graham Greene, Raymond Chandler, Dashiell Hammett, Ross McDonald, v.v. Nói tóm lại, muốn viết giỏi, theo ông, phải đọc nhiều và viết nhiều. Có dành được thời giờ để đọc, thì mới có được những công cụ để viết (sđd, tr. 184).

Đối với Stephen King, yếu tố quan trọng nhất trong một cuốn tiểu thuyết, hay trong một truyện, nói chung, là cái *cốt truyện*. Khái niệm về cốt truyện của ông cũng hơi đặc biệt. Nó có thể là một cái gì đã có sẵn ở đâu đó, song không phải như cái áo mua mặc liền, mà như thể một thánh tích (relique), một di vật, nằm sâu dưới lòng đất, và phải được nhà văn *khai quật* lên, với tất cả sự cẩn trọng, và với những công cụ, kỹ thuật riêng của mình. Stephen King thường để cho cốt truyện *tự nó hình thành và phát triển* dần dần từ một *tình huống* mà ông tạo ra, đôi khi do sự tình cờ của một ý nghĩ vụt đến từ một hình ảnh bình thường của đời sống hàng ngày. Ông không tin vào những cốt truyện lấy từ trong đời thường ra (đối với loại truyện của Stephen King, thật ra cũng dễ hiểu !), bởi vì trong đời thường làm gì mà có những truyện *khác thường* ! Và nhất là vì, theo ông, chúng sẽ làm cản trở cho sự *sáng tạo*, cho những hành động *đột xuất*, những cách ứng xử *bất ngờ* !

Theo Stephen King, trong một truyện viết, dù là một cuốn tiểu thuyết (trên 30 000 từ), hay một truyện vừa (từ 20 000 đến 300 000 từ), nhà văn có ba việc phải bảo đảm : việc thứ nhất là *dẫn truyện*, từ A đến B, rồi dẫn dà từ B đến Z. Trong việc này, có một khái niệm rất quan trọng là sự thay đổi nhịp kể lúc nhanh, lúc chậm (khái niệm *nhip điệu*); việc thứ hai là *miêu tả* sao cho độc giả cảm nhận, sờ mó thấy được cái *thực tế* của sự vật trong truyện. Ở đây, nhịp điệu cũng cần được tôn trọng : tả một khung cảnh, một nhân vật, đến một lúc nào đó cũng phải ngừng, để không làm chậm đi nhịp điệu chung của truyện. Cuối cùng, là những đoạn *đối thoại* : lời đối thoại phải thể hiện được tính cách, bản chất của các nhân vật, chúng phải làm cho các nhân vật trở nên *thật và sinh động*. Một trong những bí quyết của văn đối thoại là sự chân thực, chính xác trong việc sử dụng từ ngữ ăn khớp với nhân vật (sđd, tr. 239).

Nói tóm lại, *tình huống* đến trước, các *nhân vật* đến sau, và *cốt truyện* tự nó hình thành và phát triển dần dần, do phản ứng của các nhân vật trước mỗi tình huống. Sự thay đổi *nhip điệu* trong cách dẫn truyện và cách miêu tả, cũng như sự *tương phản* giữa các trạng thái tâm lý của nhân vật, giữa các tình huống thực và hư, bình thường và khác thường, là những nhân tố làm cho câu chuyện sinh động, hấp dẫn ...

Nhiều truyện của Stephen King đã được viết theo kịch bản đó : *Carrie*, *Shining*, *Jessie*, *Misery*, v.v. Truyện *Misery* chẳng hạn, xuất phát từ *tình huống* một nhà văn nổi tiếng bị tai nạn máy bay, gãy chân, được một bà độc giả quá khích đem về nhà chăm sóc, rồi bị bà ta giữ kẹt lại, bắt phải viết lại cuốn sách, v.v. Truyện này từ đầu đến cuối chỉ đơn giản là truyện của hai nhân vật trong một ngôi nhà, và cái ý này ra ban đầu cũng chỉ đơn giản là tác giả một hôm ở trong máy bay nằm mơ thấy chiếc máy bay bị tai nạn và mình bị rơi vào nhà một bà độc

giả quá khích, chỉ có vậy thôi. Cũng như *Jessie*, là truyện một thiếu phụ bị ông chồng trói lại, rồi nhốt trong một căn buồng, v.v. Theo Stephen King, nếu có được một tình huống gay cấn, có tâm cõi, thì không cần cốt truyện nữa. Tình huống có thể nảy sinh từ một nghi vấn. Chẳng hạn như : *nếu trong tình huống đó... thì sự việc sẽ xảy ra như thế nào?*

Tuy nhiên, trong các tác phẩm của ông, cũng vẫn có một vài trường hợp ngoại lệ ! Một trong những trường hợp đó, là cuốn tiểu thuyết nổi tiếng, mà Stephen King xây dựng trên một cốt truyện hoàn chỉnh ngay từ đầu, và được ông cho là tác phẩm đạt nhất của ông : *Dead Zone* - nxb Viking Press, 1979. (Bản dịch sang tiếng Pháp của Richard Matas lấy tựa là *L'Accident*, nxb Lattès, 1983 ; *Dead Zone*, Livre de Poche, 1984). Xem như vậy, đủ thấy nguyên tắc là một chuyện, nhưng còn khi áp dụng, vẫn có thể linh động ! Trong trường hợp Stephen King, lại càng dễ hiểu hơn : ông vẫn thường tuyên bố rằng ông viết theo cảm tính, thậm chí còn nói đến cả khả năng “ *thần giao cách cảm* ” (télépathie)(sđd, tr.135) !

Dù sao, cuốn *Ecriture, mémoire d'un métier* của Stephen King cũng không thể nói hết lên được những điều mà một độc giả quan tâm đến văn chương cần biết. Như đã trình bày ở trên, đó có thể là những điều mà một nhà văn không bao giờ muốn nói ra, vì không tiện nói ra, hoặc vì một lý do nào khác nữa.

Song, người đọc có quyền tìm hiểu, để có thể cảm nhận được những cái hay, đôi khi được tạo nên bởi thủ pháp nghệ thuật của tác giả.. Vẫn biết rằng sự đánh giá của mỗi người trên các vấn đề văn chương và nghệ thuật đều có phần chủ quan, song cũng có phần khách quan tương đối, khi có một sự đồng thuận nào đó. Riêng tôi, vẫn tin rằng trong văn chương hay nghệ thuật, nói chung, đều có những qui luật khách quan, hay ít ra là có những yếu tố khách quan cho phép nhận biết ra “ *qui luật* ” của cái hay, cái đẹp.

Tôi lấy tác phẩm *Shining* của Stephen King (nxb Doubleday, 1977 – bản dịch tiếng Pháp của Joan Bernard và Williams Alta, nxb Lattès, 1989) làm thí dụ, vì nó khá điển hình. Đó là một trong những cuốn tiểu thuyết hay nhất của Stephen King, nói lên một cách khá đầy đủ tài năng của ông, đồng thời cũng nêu rõ cái cơ cấu của sự sáng tạo, chủ yếu trong kỹ thuật tạo ra sự hồi hộp và kinh dị ở nơi người đọc.

Shining là truyện một giáo sư trẻ, đồng thời là một nhà văn, tên là Jack Torrance, vì nhỡ tay đánh một cậu học trò, nên bị mất việc. Thất nghiệp, anh được giới thiệu làm một chân *gardien*, trông coi một khách sạn ở vùng núi Colorado hẻo lánh, vào những tháng mùa đông, trong thời gian khách sạn đóng cửa. Miễn cưỡng phải chấp nhận công việc này, anh đem vợ (Wendy) và con (Danny) lên theo. Quan hệ vợ chồng giữa Jack và Wendy, ngay từ trước khi lên đây, vốn đã không được tốt đẹp, Jack trước kia nghiện rượu nặng, có lúc đánh con gãy cả tay, nay vừa bỏ được rượu, thì lại bị thất nghiệp. Khách sạn Overlook là một khách sạn có ma, mặt khác lại chứa đựng nhiều sự bí ẩn, liên quan đến một vụ việc mờ ám. Jack lúc đầu tinh táo, đã định điều tra về những chuyện mờ ám này, để tố cáo. Và cũng vì thế mà *động long mạch*, đụng đến các thế lực siêu nhiên. Cậu con, Danny, nhòe dự cảm, biết trước được phần nào những điều sẽ xảy ra. Cuối cùng, bị sức ép của những thế



lực siêu nhiên, Jack trở thành một con người hoàn toàn mất trí, coi vợ con mình như những kẻ thù phải tiêu diệt...

Truyện được xây dựng theo đúng như quan niệm mà Stephen King vẫn chủ trương : tình huống + nhân vật (hai vợ chồng và đứa con, *bỗng dưng* phải đến ở một nơi hẻo lánh, bị cắt đứt với thế giới bên ngoài, trong *một khách sạn có ma*, và phải đối đầu với các thế lực siêu nhiên muôn ám hại mình) ; mặt khác người chồng vẫn chưa cai hẳn được rượu, và tình hình nội bộ giữa hai vợ chồng vẫn còn lùng cửng, cậu con nhóc dù cảm biết được sự bất hòa giữa bố mẹ, đồng thời cũng biết được những điều sẽ xảy ra, kết quả, là phản ứng của các nhân vật, tạo nên diễn biến, tình tiết, và kết thúc của câu chuyện.

Điều đáng chú ý trong truyện *Shining* là sự xen kẽ rất tự nhiên giữa những yếu tố hiện thực với những yếu tố siêu nhiên. Stephen King dẫn truyện, từ một tình huống hoàn toàn hiện thực, đi dần vào một tình huống siêu nhiên, khác thường. Kịch bản của Stephen King áp dụng cho toàn bộ câu chuyện, trên những nét chính, song đi vào chi tiết cũng vậy : tình huống này để ra tình huống khác, tạo nên những tình tiết, những hồi hộp, xúc động, liên tục cho người đọc.

Điều quái dị nhất, và tác động mạnh nhất vào trí tưởng tượng của người đọc, vẫn là sự tương phản bất chợt giữa một tình trạng bình thường, và một tình trạng khác thường, siêu nhiên. Cái *bar* của khách sạn lẽ ra vắng ngắt (vì khách sạn đã đóng cửa), bỗng chốc lại như vẫn mở, với chai cốc bóng loáng, với người đứng *bar* quen thuộc, nhưng chỉ chớp mắt, cái ảo ảnh đó đã biến mất, và cái *bar* lại trở lại vắng teo; hành lang và sảnh thỉnh thoảng cũng bỗng nhiên ôn ào, tấp nập ; những bụi cây hình thú vật ở ngoài vườn, lúc thường nằm im lìm lặng lẽ, đến lúc “lâm sự”, bỗng nhiên cựa mình, chuyển động và trở nên hung dữ khác thường...

Những truyện rùng rợn, quái đản, của Stephen King, nói chung, từ Carrie, Salem, Dead Zone, Misery, v.v. đến Shining, đều hấp dẫn được người đọc từ đầu đến cuối. Hình ảnh kết thúc thường là những đỉnh cao của sự kinh dị, khủng khiếp, tuy rằng, xét cho cùng, những kết cục đều “có hậu” cả, cũng như truyện của Kim Dung, song với một phong vị khác !

Văn Ngọc

Tìm đọc **hợp lưu**

tập san văn học nghệ thuật biên khảo

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842 USA
Tel (714) 265-1394 • Email : tchl@aol.com

- ♦ *nơi quy tụ những cây bút nổi tiếng
của trong nước và ngoài nước*
- ♦ *nơi gấp gối những tấm lòng tha thiết
với văn học Việt Nam*

đại diện tại Âu châu : M&Mme Lê Tất Luyện
15 place Souham, F-75013 PARIS
Tel : 33 (0)1 45 83 19 12

Đoàn Chuẩn Tình Nghệ Sĩ

Đặng Tiến

Trong cảnh phong trần của lịch sử dân tộc, mỗi con người đều mang chút thân phận éo le, không cứ gì các bậc tài danh. Nhưng tài danh thì nhiều người biết đến và trở thành tiêu biểu, như mấy nhạc sĩ vừa qua đời trong năm nay : Trịnh Công Sơn, Hoàng Thi Thơ, Ngọc Bích.

Và mới đây, Đoàn Chuẩn đã ra đi ngày 15 tháng 11, tại Hà Nội.

Từ nửa thế kỷ nay, bao nhiêu người đã hát *Gửi Gió Cho Mây Ngàn Bay* mà không biết tác giả là ai, ở đâu, làm gì.

Nhạc sĩ Đoàn Chuẩn sinh năm 1924 tại Cát Hải, Hải Phòng, trong một gia đình tư sản, chủ hãng nước mắm Vạn Vân lừng danh, đã đi vào tục ngữ :

*Dưa La, cà Láng, nem Báng, tương Bần,
Nước mắm Vạn Vân, cá rô Đầm Sét.*

Ông học tây ban cầm với Nguyễn Thịện Tơ, rồi hạ uy cầm với William Chấn. Tuổi trẻ hào hoa, chỉ thích ... xe hơi ! Ông có 6 “ô-tô”, trong đó có chiếc Ford Frégatte sang hơn Thủ Hiến. Kháng chiến bùng nổ, gia đình dời về Thanh Hoá, Đoàn Chuẩn gặp Tô Vũ, Tạ Phước, cùng đi hát với Ngọc Bích (xem Diễn đàn số trước) và sáng tác bài *Tình Nghệ Sĩ* (1948), *Sóng Chu* (chưa phổ biến). Sau đó, ông theo một đoàn cứu thương, lên Việt Bắc, làm bài *Đường về Việt Bắc*.

Bỏ kháng chiến về thành khoảng 1950, ông tung ra một loạt ca khúc đã sáng tác từ trước, làm thêm nhiều bài mới, được các đài phát thanh nồng nhiệt phát sóng và nhà Tinh Hoa xuất bản dưới tên : Nhạc Đoàn Chuẩn - Lời Từ Linh. Đến năm 1954, Đoàn Chuẩn chọn ở lại Hà Nội, Từ Linh di cư vào Nam, mất năm 1992. Dù có ký tên chung, Đoàn Chuẩn là tác giả duy nhất cả nhạc và lời : chính ông tuyên bố như vậy mà không ai cải chính ; ngay tại miền Nam, cũng không ai hay biết gì về Từ Linh.

Năm 1956, hảng nước mắm Vạn Vân bị tiếp quản và tài sản Đoàn Chuẩn bị tịch thu trong đợt cải tạo công thương nghiệp tư bản, nhưng gia đình còn mua được căn nhà số 9 đường Cao Bá Quát, Hà Nội. Thời gian này, ông có làm bài *Gửi Người Em Gái* đã di cư vào Nam. Ông sống âm thầm, ngưng sáng tác, chỉ dạy nhạc tại nhà, được gọi là Phân bộ 2 của Trường Âm Nhạc Dân Lập. Đầu năm 2000, ông bị tai biến mạch máu não, nhạc sĩ Phạm Duy về nước, ghé đến thăm lúc ông còn hôn mê. Sau đó thì mất tiếng nói, chỉ tỉnh trí để bút đàm cho đến lúc qua đời, 22 giờ, ngày 15.11.2001.

Đoàn Chuẩn sáng tác trong một thời gian ngắn 1948-1956, mà chủ yếu là 3 hay 4 năm chung quanh thời điểm 1950, được 10 bài nổi tiếng, còn 6 bài kh“ng phổ biến. Tại Miền Bắc, tác phẩm Đoàn Chuẩn không được hát, vì nội dung uỷ my của ca khúc và lý lịch tác giả ; khi đất nước thống nhất, sau 1975,

nhạc ông vẫn bị cấm hát cho đến khoảng 1990. Tại Miền Nam trước 1975, ca khúc Đoàn Chuẩn được phổ biến sâu rộng với lớp người di cư, vì đáp ứng với hoài niệm của giới văn nghệ sĩ gốc Bắc và nhu cầu của giới trí thức, thanh niên, sinh viên thành phố.

Nhạc Đoàn Chuẩn được xếp vào nhac tiền chiến một cách vỗ đoán. Một mặt, chữ “tiền chiến” áp dụng cho văn học nghệ thuật Việt Nam là một lối nói tuỳ tiện ; mặt khác bài hát đầu tiên của Đoàn Chuẩn là *Tình Nghệ Sĩ* làm năm 1948 thì kh“ng thể gọi là tiền chiến.

Người viết lịch sử tân nhạc cũng hờ hững với ông ; ngoài những thành kiến, họ còn cho rằng những bài thu ca của ông không mang lại gì mới, so với Đặng Thế Phong và Văn Cao ; dè tài mùa thu cũng đã muôn đời, từ thơ Đường thơ Tống. Nói vậy thì không lý giải được lòng yêu chuộng của thính giả, và của giới ca nhân, từ Anh Ngọc, Sĩ Phú trước kia, đến ánh Tuyết, Lê Dung gần đây.

So sánh bao giờ cũng giản lược, tôi đành giản lược cho dễ hiểu, trong một bài báo.

Ba bài hát mùa thu của Đặng Thế Phong là tiếng kêu thất thanh của niềm cô đơn tuyệt vọng, không cân hồi âm :

*Nhớ khi chiêu sương
Cùng ai trắc ẩn tấm lòng
Biết bao buồn thương
Thuyền mơ buông suối dòng
Bến mơ dù thiết tha
Thuyền ơi ! Đừng chờ mong.
(Con thuyền không bến)*
*Hồn thu tối nỗi đây gieo buồn lây
Lòng vắng muôn bể không liếp che gió về
(Giọt Mưa Thu)*

Nhạc thu của Văn Cao là tiếng khắc khoải của một nghệ sĩ đi tìm tâm hồn đồng điệu :

*Đêm mùa thu chép
Nghe mùa thu rót
Roi theo lá vàng
Em ngồi đan áo
Lòng buồn vương vấn
Em thương nhớ chàng
(Buồn Tân Thu)*

Như vậy, chủ thể phát ngôn và tinh thần phát ngôn đã có phần khác nhau. Phạm Duy thường phát ngôn với tư cách công dân nghệ sĩ, trong một hoàn cảnh lịch sử và xã hội nhất định :

*Chiều biên khu, vào mùa sang thu
Ai chính phu nghe mùa thu tối...
Thu ơi thu, ta vỗ súng ca
(Thu Chiến Trường) 1946
Người lạnh lùng nghe mưa thu trên từng ba-lô
(Đường Về Quê) 1947*

Đoàn Chuẩn có tiếng nói khác : ông phát ngôn trên tư cách nghệ sĩ, đưa tác phẩm nghệ thuật đến một quần chúng nghệ thuật, trên những tiêu chuẩn thẩm mỹ. Ca khúc đầu tiên, bài *Tình Nghệ Sĩ* làm giữa những ngày kháng chiến - hay tản cư - gian nan, nói lên điều đó, làm một thứ chìa khoá đi vào thế giới Đoàn Chuẩn.

*Tung phán hương yêu qua bao lời hát
Bay tới bên em, tới em thảm nhascade
Đây ý tư xưa đau duyên tình cũ
Bóng anh phai dần ái ân tàn theo
Mối tình nghệ sĩ như giấc mơ
Chóng tàn vì vương vấn muôn ý tho ...*

Ý này còn rõ hơn nữa trong bài *Chuyển Bến* :

*Thuyền cầm tay sào từ cuối thu
Ngoài kia sông nước như đón chờ
Còn đêm nay nữa, ta ngồi với nhau
Ngày mai anh đã xa rồi ...*

Hình ảnh chìa khoá trong ca khúc Đoàn Chuẩn kh“ng phải là những *Lá Thư, Tà áo Xanh, Lá đổ Muôn Chiều*, như người ta thường nói, mà là con thuyền : *thuyền rời xa bến vắng người ơi*. Con thuyền mu“n đời, của ca dao, của Đường Thi, từ bến Tân Hoài của Đỗ Mục, đến bến Phong Kiều của Trương Kế - hay gần hơn - trong Xuân Diệu : *tình du khách thuyền qua không buộc chặt...*

Ca khúc Đoàn Chuẩn là thế giới quy ước. Người phụ nữ tô quầng mắt, ngập ngừng trong chiếc áo nhung..., đôi mắt như hồ thu..., bên cầu ngồi xoả tóc thê... là người đẹp trong tranh Tô Nữ, tranh lụa, hay sơn dầu của Tô Ngọc Vân, Lương Xuân Nhị.

Trong thế giới quy ước và hư ảo đó, Đoàn Chuẩn đã vẽ vời nên vẻ đẹp của Trần Gian qua những mùa *Thu Quyến Rũ* :

*Anh mong chờ mùa thu
Trời đất kia ngả màu xanh lơ
Đàn bướm kia đùa vui trên muôn hoa
Bên những bông hồng đẹp xinh
Anh mong chờ mùa thu
Điều thế nhân dân vào chốn Thiên Thai
Vài cánh chim ngập ngừng không muốn bay
Mùa thu quyến rũ anh rồi...*

Cái sắc mạnh huy hoàng của Đoàn Chuẩn là ở chỗ đó. Ông đã đưa Thiên Thai về đây với thu trần gian , trong khi Văn Cao phải lên tận cõi Đào Nguyên. Trong tình khúc Đoàn Chuẩn, *Hoa xuân* (đã) gấp bướm trần gian, ánh trăng xanh (đã) tan thành suối trần gian...

Mùa thu ở nông thôn Việt Nam từ ngàn năm nay vẫn vậy, nhưng phải đợi đến Nguyễn Khuyến chúng ta mới có những bức tranh thu tuyệt sắc. Và phải đợi đến Đoàn Chuẩn chúng ta mới được chơi voi cùng *từng mây lơ lửng trời xanh ngắt*, trên âm giai dùi đặt của tân nhạc. Rồi thương cho những :

*Lá vàng từng cánh rơi từng cánh
Rơi xuống âm thầm trên đất xưa
(Gửi Gió cho Mây Ngày Bay)*

Trong thâm tâm, có người xa cách với Đoàn Chuẩn vì một lý do : ông là con nhà giàu, làm nhạc để mà *choi*. Nhưng đây chính là tự do của con người, của kẻ làm nhạc, kẻ hát và người nghe hát. Cuộc chơi, chính là tự do trong sáng tạo nghệ thuật

Biết đâu, cuộc đời cũng chẳng là một cuộc chơi, mà cuối cùng, khi nhận ra, con người thường thấy mình thua lỗ.

Tình Trần Ơi mong manh...

Trọng Thu 2001

Đặng Tiến

My Chau

LÊ MINH HÀ

Sâu trong vịnh là làng chài. Từ làng chài nhìn chéch về phía ấy chỉ thấy núi chồm ra biển. Ghềnh đá cheo leo lởm chởm hì dường như là bước nhảy cống cuối cùng của núi.

Ông lão ngồi trên ghềnh đá, tóc râu bay. Biển về chiều. Sóng hắt màu đồng chảy lên núi, nơi vắng mặt trời đổ lịm đang mệt mỏi lăn qua.

Từ trong sóng trôi lên một cái mu rùa vĩ đại. Rùa vươn cổ, oai nghiêm :

“ Vè đi ! Bệ hạ về đi ! Để mất cung điện chốn trân gian thì phải nương thân chốn thủy cung. Lại vẫn còn giữ được tấm hình hài là người. Há chẳng quý sao ! Bệ hạ còn mong gì hơn thế ? ”

Tiếng rùa thần âm âm theo sóng, dội vào bờ đá, động cả làng chài. Đàm ông đàm bà người già con trẻ túa ra từ những túp nhà trống huếch trống hoác, hoảng hốt nhín nhau, rồi cùng chạy thực mạng về phía vịnh, quỳ xuống vái láy vái để biển chiều. Tiếng rùa thần dội lại từ mỗi vách đá và tiếng vang ai oán của câu trả lời ai cũng nghe thấy. Bụng biển phồng lên, rạn thành muôn vàn sóng nhỏ. Không ai hiểu một điều gì. Tất cả là một sự kinh dị. Tất cả là một sự kỳ diệu.

Ông lão cúi mình :

“ Phải ! Rùa thần nói phải ! Giữ được hình hài, lại được thế nhân muôn đời tiếc nhớ, mấy kẻ làm vua để nước mất còn được thế. Nhưng cũng bởi tấm hình hài là người này chưa tiêu biến mà lòng ta động không yên. Hãy nhìn xem ! Rùa thần hãy thử nhìn xem ! Có phải nơi này là chốn cung đường của ta ngày đó không ? Rùa thần nhận ra không ? Vịnh biển kia là nơi rùa thần hiện lên đón ta vào biển tối.”

Bụng biển phồng phồng. Chỉ một đôi người bạo gan nhất mới dám ngược nhìn. Đây biển động âm âm tưởng muôn lở cản bờ vịnh lồi tuột dám dàn làng chài xuống. Đây là tiếng rùa thần đập nước. Rùa thần khoan thai cưỡi trên lưng sóng bơi vào, khoan thai trèo lên ghềnh đá, vươn cổ dõi nhìn biển lớn. Ông lão cũng nhìn biển lớn, thở dồn :

“ Quân giặc tiến như gió cuốn. Lá trên cây khô lại bởi bụi bốc dưới gốc giặc. Rùa thần nhớ không ? Không còn ai là bộ hạ bên ta. Rùa thần hiện lên, chính chốn này đây, quát bảo : ‘Giặc ngồi sau lưng nhà vua đó !’ Chính là nó ! Con ta ! Ta đã chém đầu nó ! Noi này !”

Mặt trời lùng khùng bò qua đỉnh núi. Ông lão khoả tay xuống nước, thở dài :

“ Máu nó chảy xuống nơi này. Nước biển nơi này đã tụ tụ tán tán thành mây thành mưa triệu triệu lần. Triệu triệu con trai đã ngâm nước biển này làm thành ngọc quý. Mà sao nước biển tự bấy đến nay còn đỏ ? ”

Rùa thần rụt cổ, chán nản trả lời, tiếng như vọng thảng từ mặt đất đau đớn bởi những mầm đá sắc cắm xuống :

“ Bệ hạ sai rồi ! Đây là hồi quang mặt trời. Đừng nhìn xuống ! Hãy nhìn lên ! Không phải là vắng ô vẫn còn ngự trên đỉnh núi kia ư ? ”

“ Ta đã từng tưởng vậy. Mà không phải ! – Ông lão mệt mỏi tiếp lời – Đúng là biển nơi này nước đỏ. Máu con ta không lẽ không tan được trong nước biển hay sao ? Ôi rùa thân ! Rùa thân thấu hiểu sự đời. Rùa thân tài giỏi hơn người. Nhưng rùa không phải là người. Làm sao rùa hiểu được... ”

Gió lồng trong khoảng lặng yên, đưa tiếng nói âm u của ông lão và rùa thân vào tận bờ vịnh, nơi đám người đang tê liệt vì kinh sợ. Rùa thân gục gặc đầu. Mặt đất rung rinh.

“ Sao ta không hiểu. Nhưng bệ hạ có còn đường nào khác hay không ? Phép nước không chữa thân thích. Bệ hạ còn được hậu thế lưu danh chính bởi bệ hạ dẫu mất nước vẫn không quên phép nước.”

“ Người ta tự cổ ai không chết. Ta đâu mong gì hậu thế lưu danh theo cái cách này. Kẻ hại nước là con ta. Ta đã chém chết. Việc của ta, ta phải làm, không ân hận. Nhưng ta thương con ta. Chao ơi... Lúc đó...”

Gió nâng tiếng ông lão lên cao, rải khắp bốn phương. Trong giọng uy nghi của bậc quân vương có lẵn tiếng thở dài vuốt mỏng như lưỡi gió.

“ Rùa thân không nhìn thấy. Nhưng ta, ta không thể nào quên. Nó vươn cổ chờ lưỡi gươm ta bổ xuống mà miệng cười tê tái. Trên vai nó là cái áo lông ngỗng. Không ! Người đời bịa đặt. Làm gì có vết lông ngỗng chờ đợi ⁽¹⁾. Làm gì có sự nó gõ áo rắc lông ngỗng bên đường làm dấu cho chồng đến giết cha. Làm gì có chuyện nó để trái tim lầm chỗ ⁽²⁾. Cơ đồ này đắm biển sâu từ đó. Tôi tại mình ta !”

Ông lão thở dốc. Bụng biển phồng, xẹp, phồng, xẹp, phồng, xẹp. Mặt trời vô ưu tuột xuống bên kia núi. Hoàng hôn rơi bàng hoàng.

“ Tôi tại mình ta ! Sao thế nhân lại chỉ thương ta mà đổ tội lên đầu nó. Ôi con ta...”

Ông lão nói như khóc cùng biển lớn. Thủy triều dâng dì thường...

“... Nó biết cả. Nó biết nó bị cha và đám quân thần biến thành một thứ chim mồi. Nhưng nó yên lặng. Bởi vì nó phải lòng kẻ đó. Bởi vì chúng nó phải lòng nhau. Ta hiểu vì sao họ Triệu gửi con sang xin làm rể. Hoà hiếu thực đâu cần con tin. Nhưng ta đã tự kiêu tự đại tin vào lòng trung của đám quân thần, vào sức mạnh kỳ diệu của nỗ thần rùa tặng, vào nhan sắc con ta. Người đời than hoạ phúc khôn lường. Đâu phải ! Phúc là mầm của họa. Khi người không còn giữ được sáng mắt sáng lồng.”

“ Nhưng cũng không hẳn vậy. Con ta có con mắt tinh đời. Kẻ ấy khôi ngô thế ! Kẻ ấy tài hoa thế ! Kẻ ấy tự tin mà khiêm nhường thế ! Cao Lỗ đã khuyên ta... Chính ta đã mù loà không muốn nhìn ra một điều rất đỗi hiển nhiên. Không bao giờ một chàng trai có cái nhìn thẳng và nghiêm trang rất mực như thế lại để mình thành đất sét trong tay kẻ khác. Không bao giờ một chàng trai như thế lại đem thân qua ải chỉ để toan tính chuyện kết nghĩa phu thê. Không bao giờ một chàng trai như thế lại quên tình cha con nghĩa quân thần chỉ vì nhan sắc đàn bà, dấu đó là nhan sắc của một công chúa. Ta không thể kết tội kẻ ấy là phản bội. Đất nước này không phải là của nó. Nó bội tình chứ không phản nước. Tôi nghiệp con tôi ! Ôi con ơi ! Cha có tội với đất nước này ! Cha có tội với con !”

Trăng đã lên, tròn vành vạnh, vãi bạc ròng vào sóng. Rùa thần nằm, lặng lẽ như đất, lắng nghe, lắng nghe. Tiếng ông lão giờ chỉ còn như một tiếng thì thầm lẩn vào trong tiếng rì rầm

của biển :

“ Khi ta gọi con ta ra hỏi ý trước mặt quần thần về chuyện họ Triệu cầu hôn xin thông hiếu, nó đã nhìn ta, tái mặt. Nó biết nó phải đương gánh nặng của nước non này. Nhưng nó dường như cũng biết rằng không thể giấu ta tấm tình nó dành cho kẻ ấy. Giữa nó và kẻ ấy lúc bấy giờ là gió, là lửa, là cái đã bùng lên giữa ta và nàng sơn nữ núi Tân năm nào, người đã sinh nó cho ta mà không bao giờ được là vợ ta. Phải ! Ta đã cưới nhiều người đàn bà về sau mà không cưới nàng. Những cuộc cưới hỏi cũng hệt như những cuộc cưới hỏi mà ta muốn thành với họ Triệu. Là chuyện thế và lực cưới nhau chứ không phải là chuyện cưới xin giữa đàn ông và đàn bà, không phải là chuyện tình nghĩa kết ước. Ta có nhiều con với những người đàn bà đó. Nhưng lòng ta trùm mến nhất nó, đưa con mà ta đã mang theo về đất Phong Khê để lại mẹ nó một mình với núi với rừng ngõ ngác. Chính bởi thế mà ta hiểu ngay cái nhìn bối rối của nó và kẻ ấy khi lần đầu chúng giáp mặt nhau. Rùa thần liệu biết chăng ? Ta đã âm thầm mừng vui. Dù sao thì con ta cũng sẽ được sống với duyên tình của nó khi đương trên vai gánh nặng sơn hà. Ta đã lâm. Bởi kẻ ấy cũng có một gánh nặng sơn hà. Nhưng đó là một sơn hà khác.”

Tiếng ông lão khản đi, dữ dội và đau đớn :

“ Người đời kể tội con ta làm lộ bí mật nô thần. Nó biết gì ! Phải ! Đầu chỉ Triệu Đà. Chính ta, ta cũng muốn mượn tay Trọng Thuỷ... Con ta phận gái, làm sao hiểu được hết mưu đồ của bọn đế vương. Mà có biết, liệu nó có thể làm gì ! Nó dại dango thế, thơ ngây thế ! Nó làm sao hoá giải được tình yêu của nó. Nó làm sao đối phó được với bản lĩnh của kẻ dám khuất thân qua ải vì mệnh nước. Mà ta, ta cũng ngỡ rằng bản lĩnh của Trọng Thuỷ sẽ bị bào mòn trong chiêu chuộng và mơn trớn. Rút lại tội chỉ mình ta. Ôi ! Sao trời cao đất dày không cho ta chết cùng đám quân thần giữa cuộc giao tranh ! Sao trời cao đất dày bắt ta phải tự tay chém bay đầu đứa con ta yêu nhất ! Phải ! Rùa thần nói phải ! Ta không còn con đường nào khác. Nhưng rùa làm sao thấu hết... Lưỡi gươm ta bổ xuống... Là lưỡi gươm của một bậc quân vương trị tội quân thần bất trung. Là lưỡi gươm của một người cha trùng phạt con bất hiếu. Nhưng ta giết con ta còn là để cứu nó. Con ta không thể sống để nhìn cảnh chồng nó chém đầu cha nó, hoặc giả đóng cùi giải cha nó về kinh thành vừa mất trong nỗi kinh hoàng của chúng dân. Con ta không thể sống để theo chồng trở lại đất Phong Khê, dấu là trở lại trong tự do. Tự do đó là thứ tự do nhục nhã. Nó không thể gặp lại Trọng Thuỷ. Nó làm sao kết tội được chồng nó chà đạp lên sơn hà này xã tắc này khi nó biết rõ ràng Trọng Thuỷ chưa bao giờ phản bội lại cơ đồ họ Triệu. Còn nỗi đau vì bị họ Triệu bội tình bội nghĩa ư ? Quá nhỏ ! Khi nước non này mất ! ”

Rùa thần chất vật xoay tấm thân vĩ đại về phía ông lão :

“ Bệ hạ tự dày vò cả ngàn năm nay. Ta biết cả. Nhưng có nghĩa gì điều ấy ? ”

“ Ra thế ! Vậy là rùa cũng đã biết ta không ngần ngừ lâu trước lúc chém đầu nó. Con ta không chết lúc đó thì có nghĩa là nó sẽ không chết được. Nó không chết thì Trọng Thuỷ sẽ không chết. Hai kẻ sống từng yêu nhau đó sẽ sống tiếp ra sao ? Lúc ta rút gươm, mọi nhẽ ta chưa cạn. Nhưng bây giờ, khi nỗi đau nỗi nhục đã hoá thạch trong lòng, ta mới hiểu ra rằng nếu ta không giết con ta thì sẽ không có cái kết đó trong câu chuyện người đời kể về nó. Ta không mong gì lưu danh hậu thế, nhưng ta biết rằng những kẻ như ta không thể tránh khỏi sự trở thành huyền sử của thế nhân. Thế nhân đã muốn ta bắt

diệt, nhưng lại muốn ta tự tay xử trảm con mình. Biết làm sao ! Thôi thì đã không cứu nổi nó khỏi miệng tiếng người đời, ta cũng cho con ta được chết để hoá thân thành ngọc.”

“ Vô ích thôi, bệ hạ.” Rùa thần thở dài mệt mỏi. “Những day dứt băn khoăn nên có chăng ở bậc anh hùng danh tướng ? Đã là bậc danh tướng anh hùng tất phải nghĩ trên tâm mà kẻ thường tình không thể hiểu nổi, không thể thông cảm nổi.”

“ Ai anh hùng ai danh tướng ? Cha ta vốn chỉ là một gã sơn tràng mà lập nên nước Thực. Khi theo người tim gõ quý chốn rừng sâu núi cả ta đâu biết cha ta đang nghiên ngẫm những gì, ta đâu biết ta sẽ là người mở mang đất Thực, dựng bờ cõi Văn Lang. Không có anh hùng hổ danh tướng báo. Anh hùng danh tướng có chăng là nhờ lời xưng tụng của thứ dân. Không biết tới những ý nghĩ của kẻ thường tình liệu thực là bậc anh hùng danh tướng không ? Chúng ta chỉ là bọn tội đồ của lịch sử, mới chỉ đi hết nửa phần đường từ kẻ thường tình trở thành bậc danh tướng anh hùng. Còn nửa phần đường trở lại... Biết đâu trong đâu đục ! Biết đâu nhục đâu vinh ! Kẻ phản trắc là Trọng Thuỷ. Kẻ anh hùng cũng gã... Giá mà có thể vớt hết trai ở biển này thả vào giếng kẻ ấy đã trầm mình ! Rùa thần thấy thế nào ? À phải... Ngọc quý chẳng bao giờ nén tụ hết vào một chỗ...”

... Khuya lăm. Rùa thần cựa mình trườn xuống nước. Đất và nước rùng rình làm chao cả vầng trăng to vành vạnh đang ngoắc chênh vênh trên ghềnh đá. Rùa ngoảnh nhìn ông lão, giọng âm âm :

“ Về đi ! Bệ hạ về đi ! Thế nhân kết tội, mà cũng chiêu hôn cho kẻ đã chết rồi. Bệ hạ cứ ngồi đây than vãn thì phỏng có ích gì ? Bất quá lại đi vào một huyền sử mới. Thế nhân ao ước vậy, bệ hạ cũng từng khát khao... Nhưng đấy chính là điều thực chẳng ai cần.”



Dân làng chài tiếp tục phủ phục đến tận lúc bình minh lấp lánh nơi chân sóng. Chẳng ai hiểu một chút gì về điều dị thường vừa được chứng kiến. Nhưng họ kể rằng điều dị thường sau đó thỉnh thoảng lại xảy ra. Không ai倜通 mặt ông lão. Chỉ thấy tóc râu bay. Còn rùa thần thì có thể nhìn thấy cả vết rạn trên mu.

Dân làng chài còn bảo rằng có thể biết trước những lúc rùa thần và ông lão xuất hiện. Thường mấy hôm đó trời rất nắng. Và triều dâng bất thường.

Dân làng chài cũng kể rằng năm nào ông lão và rùa thần hiện, năm đó mưa thuận gió hoà, được mùa biển, không có người mất xác ngoài khơi.

Điêm trời rõ ràng đến nỗi làng chài lập miếu thờ ông lão và rùa thần. Ra khơi vào lồng không ai dám không bái vọng vào ghềnh đá, nơi có ngôi miếu đơn sơ.

Nhưng không kẻ nào ở làng chài biết rằng ông lão hiện lên từ biển lớn và con rùa vĩ đại kia là ai. Họ cũng không tìm biết. Với họ, thần linh là thần linh, càng mơ hồ càng thiêng. Với họ, chỉ có biển là giản dị, động và tĩnh, được và mất, tất cả đều giản dị. Và chỉ tên các loài cá đang lang thang trong biển lớn mới thực sự có ý nghĩa.

9. 2000

Lê Minh Hà

(1) *Vết lồng ngỗng chờ đợi* : Tên một bài thơ của Lê Giang.

(2) *Tôi kể ngày xưa chuyện Mỵ Châu - Trái tim lâm chổ đặt lên đầu - Nỗi thần vô ý trao tay giặc - Nên nỗi cơ đồ đắm biển sâu...* (Tố Hữu)

Bất hạnh của tài hoa

đặng thư cưu

Anh kéo ghế ngồi lùi ra phía xa, nhồi thuốc vào chiếc tẩu bong mượt, bật lửa và thở từng ngọn khói khoan khoái. Anh nhìn tác phẩm vừa hoàn thành với nhiều góc độ khác nhau và cảm thấy hài lòng. Niềm vui sướng vỡ trong anh thành những chấm động chạy suốt chiều dọc thân thể rồi rụng ra trên các lỗ chân lông gotten. ánh sáng trào qua khung cửa sổ, hắt lên trên khuôn mặt người đàn ông mịn màng mà mấy phút trước nó chỉ là cái đầu người mẫu bằng thạch cao, trắng nhòn nhợt mâu chết. Làn da hồng hào là một màng mỏng bằng hợp chất dẻo, qua bàn tay khéo léo của anh đã biến thành chiếc mặt nạ tinh xảo. Nó có thể thể hiện những cảm xúc những biến động trong tâm hồn.

Từ lâu anh đã nổi tiếng trong giới nghệ nhân về tài làm mặt nạ. Anh thích nó từ hồi còn nhỏ khi được người ông dẫn đi coi cung đình. Những chiếc mặt nạ tượng trưng trung, nịnh đỡ theo suốt quãng đời thơ ấu của anh, qua giai đoạn trưởng thành và bây giờ ở khoảng tuổi bốn mươi anh lại càng mê đắm hơn. Từ chiếc mặt nạ thô kệch bằng giấy bồi, bằng gỗ anh chuyển sang chế tạo bằng chất dẻo. Anh đã thành công. Khi khoác nó lên cái đầu mẫu anh có cảm giác đang đối diện với một đầu người sinh động, có hơi thở và đang chăm chú nhìn anh. Anh nghe thấy những âm thanh khẽ kháng phát ra từ cái mũi thanh mảnh. Đôi lúc dường như anh nghe chiếc đầu người cười một cách vụng về trong căn phòng yên tĩnh.

Anh nhồi thêm tẩu thuốc thứ hai. Chất khói nồng, gắt không làm cho anh say sưa, ngây ngất bằng sự thành công hiển hiện trước mặt. Anh tự hào về tài năng và những ngày tháng miệt mài làm việc. Đây không phải là tác phẩm có được từ một may mắn tình cờ mà do sức lực anh đã bỏ ra, trí tuệ và lòng kiên trì. Bao nhiêu chiếc mặt nạ thất bại. Bao nhiêu lời chế diễu của bạn bè. Bây giờ anh có quyền ngẩng mặt cao, hanch diện với thành quả của mình. Có một điều duy nhất làm anh lo lắng là anh sẽ được gì với chiếc mặt nạ giả tạo này? Hợp đồng với một xưởng phim, một đoàn hát chăng? Hay đơn giản hơn, nó chỉ là một công trình nghệ thuật? Tự giải thích với chính mình nhưng nỗi ám ảnh về sự giả tạo vẫn nhoi nhoi trong tận cùng ý nghĩ của anh.

H. xô cửa bước vào phòng như một đợt gió lốc. Anh giật mình. Nỗi mê đắm lìm lịm trong tác phẩm đầu tiên vụt tan biến. H. mở miệng cười với anh. Chợt cô nhìn thấy cái đầu người trọc lốc đặt cho vơ giữa phòng. Cô ôm mặt hép lên:

- Trời ơi ! Cái đầu lâu... anh ơi !...

Anh hoảng hốt khi thấy mầu da mặt H. tái xanh và cô suýt ngất đi. Anh liệng tấm vải trùm lên cái đầu người và xua tay :

- Không phải đầu người đâu. Giả đấy.

H. mở tay ra, mắt vẫn không dám nhìn về nơi đặt tác phẩm của anh :

- Thật mà. Em sợ quá.

Anh đứng lên ôm lấy vai vợ :

- Em bình tĩnh lại đi. Xem nè.

H. len lén liếc nhìn. Anh vén tấm vải, lột nhẹ chiếc mặt nạ. Cái đầu thạch cao xám mốc, trơ tráo hiện ra. Anh đưa lên cao mảnh cao su hồng hông nhăn nhúm :

- Chỉ là chiếc mặt nạ thôi.

H. ngồi xuống ghế, tay đặt lên ngực :

- Mặt nạ thôi à ? Vậy mà tưởng anh đang nghiên cứu đầu người thật. Sao mà giống dữ vậy anh ?

Anh ngồi dưới chân vợ :

- Anh báo cho em tin vui là anh đã thành công trong việc chế tạo những chiếc mặt nạ bằng chất dẻo. Nó là đồ giả nhưng người khác không bao giờ biết. Người mang nó sẽ biểu hiện được mọi tình cảm của mình lên nét mặt.

H. sờ vào chiếc mặt nạ hỏi thật ngây thơ :

- Vậy hả anh ? Thí dụ anh mang mặt nạ thì em sẽ không nhận ra anh ?

- Đúng.

- Và ngược lại. Em mang thì anh không nhận ra ?

- Đúng.

H. cau mày :

- Nhưng để làm gì ? Dành cho con nít chơi à ?

Anh nhún vai :

- Đây chỉ là những tác phẩm nghệ thuật. Anh sẽ làm nhiều cái đầu người. Anh sẽ chế những chiếc mặt nạ có đủ giận hờn, thương yêu.

H. nhìn anh :

- Để treo chơi thôi sao ?

- Vậy chớ em muốn anh phải làm gì ?

H. suy nghĩ một lúc :

- Em thấy anh làm rất khéo. Anh nên sản xuất nhiều, biết đâu sẽ có người mua. Chúng ta sẽ giải quyết được một số chi phí thiếu hụt trong gia đình.

- Để anh tính kỹ coi. Nó sẽ rất nguy hiểm nếu người ta dùng nó vào mục đích xấu xa. Người ta sẽ hóa trang bằng chính những tác phẩm của anh. Lúc ấy không còn nhận ra đâu là thật, đâu là giả. Mọi cái sẽ rối tung lên.

H. cười :

- Theo em người ta không cần đến những chiếc mặt nạ của anh đâu. Cuộc đời vốn là những lớp giả tạo nối tiếp nhau. Có thêm những chiếc mặt nạ mọi việc sẽ đơn giản hơn. Anh không có tội lỗi gì khi đưa thêm cái giả vào một dòng đời, vốn là giả tạo. Anh rùng mình. Nhận xét của vợ anh không sai nhưng nó toát ra một sự lạnh lùng, tàn nhẫn. Bất giác anh nhìn chăm chú vào mắt H. Những tia sáng trong mắt đến ngây thơ vẫn lấp lánh. Anh không tìm ra một chút u ám, gợn đặc nào trong mắt cô.

- Sao anh ngó em đăm đăm vậy ?

Gióng anh mềm nhũn :

- Có thật là em nghĩ về cuộc đời một cách buông trôi đến thế sao ?

H. ôm chầm lấy anh. Đôi môi cô mềm mại, nóng rực. Cô hôn anh thật lâu đến ngạt thở.

- Anh hãy nghe lời em. Không có sự thật nào mạnh hơn cuộc sống của từng cá nhân. Mọi cái đều giả dối. Chính em, mặc dù yêu anh từ ngày còn học chung trường nhưng đôi lúc em không còn tin ở em, có thể em cũng giả dối luôn. Anh đừng ngạc nhiên khi em thô lộ điều đó.

Anh bàng hoàng ngơ ngác. Vị ngọt của cái hôn còn đọng trên đầu lưỡi. Anh không có cảm giác vợ anh phản bội, nhưng cô đang lột trần các lớp vỏ một cách thản nhiên, ác độc. Thân thờ anh liệng chiếc mặt nạ lên mặt bàn. Anh nghe một cơn đau lạ lùng nhói lên làm trái tim anh thắt lại.

Sau cùng anh chiều ý H. sản xuất mặt nạ. Nó không còn là những tác phẩm nghệ thuật mà trở thành thứ sản phẩm thương mại. Nhiều người thích mua về cho trẻ con chơi. Nhiều người mua trang hoàng phòng khách. Ý nghĩ thực tiễn của H. đã cho gia đình anh một số thu nhập khá, nhờ vào những cái mặt nạ xinh xắn.

Một thời gian qua không có một tội ác, một cuộc phạm pháp nào xảy ra vì những cái mặt nạ nên anh yên lòng. Anh miệt mài làm việc để sản xuất nhiều hơn. Mọi lo lắng ban đầu tan nhanh. Anh nghĩ đây chỉ là một thứ đồ chơi lạt mắt, thế thôi.

H. thường nói với anh :

- Anh thấy em nói đúng không ? Anh cứ quan trọng hóa vấn đề. Khi người ta gây nên một tội lỗi nào đó, người ta có nhiều cách. Họ có vô số những cái mặt nạ vô hình.

Đột nhiên anh thấy mình sắp đánh mất một cái gì đó to tát và hết sức quý báu trong đời sống vợ chồng. H. đã chọn một cách sống trọn tru, thực dụng đến sống sượng. Tình yêu mà hai người cố vun vén cho nhau trong những ngày đầu đã thật sự rã vụn. Hạnh phúc bây giờ được H. cân đo một cách cụ thể bằng vật giá, thu nhập, tiện nghi. Hạnh phúc không còn là những nụ hôn tan lẩn vào nhau, không còn là những lời thầm thì ngọt ngào đến tê dại. Anh thấy hình như chính anh là người có lỗi trong sự mất mát này. Anh đã đưa sự giả dối từ một bóng tối che đậy hiện hình trần trụi ra ánh sáng.

H. thúc giục anh sản xuất và chính cô là người tìm thị trường tiêu thụ. Bao nhiêu cái mặt nạ hết vèo. Tài chính trong gia đình đã được nâng lên. H. thỏa mãn những nhu cầu mà từ lâu cô kêm chế vì thiếu hụt, vì nghèo túng, H. không cho anh làm chuyện gì khác hơn là ngồi nghiên cứu và sản xuất mặt nạ. Không gian và thời gian của anh là căn phòng và hàng ngày đối diện với những khuôn mặt người nhân nhúm, méo mó đến ghê rợn.

Cái gì rồi cũng đến lúc bão hòa. Mặt nạ không còn bán chạy như trước. Người ta không cần thú giả đó nữa. Mới đầu vì lạ mắt người ta ham mua. Bây giờ họ đã quen thuộc và họ hiểu nó không thể sử dụng để che giấu những điều bí mật của họ. H. chán những cái mặt nạ người ể ám tràn đầy căn phòng làm việc của anh, than thở :

- Thôi đừng làm nữa anh. Người ta đã thô mua. Họ cho là không bằng cái giả của họ. Mặt nạ của anh không giúp được gì trong đời sống. Họ diễn xuất giỏi hơn.

Bất ngờ anh thở ra một hơi dài nhẹ nhõm. Anh thấy mình vừa trút được một gánh nặng. Từ khi nghe H. lòng anh cứ nơm nớp lo âu. Họ hoàn một tội ác nào đó xảy ra mà thủ phạm sử dụng các mặt nạ của anh thì sao ? Anh sẽ thành một kẻ đồng lõa nhiệt tình.

- Anh sẽ hủy bỏ hết những cái mặt nạ này. Anh bị ám ảnh về nó mãi.

H. xua tay :

- Anh cứ để đó làm kỷ niệm một giai đoạn kiêm sống. Böyle giờ anh quên nó đi. Ngày mai chờ mình với những điều mới mẻ hơn.

Những chiếc mặt nạ rơi vào quên lãng và cuộc sống gia đình anh cũng rơi vào hoàn cảnh túng hụt như trước. Vốn liếng nằm im trong đống mặt nạ vô tình, nhau nát, đóng bụi. Anh vật vã xoay qua chuyện khác nhưng tiếp tục thất bại. H. bắt đầu có những giờ phút im lặng, xa cách. Tính tình cô cũng xuất hiện những dấu hiệu bất thường. Anh thông cảm cho vợ vì anh hiểu cô là người không bao giờ che giấu được những biến động nặng nề trong tâm hồn. Giận, ghét, vui, buồn gì cô cũng để lộ ra ngoài một cách rõ rệt. H. là mẫu người dễ xao xuyến và bị lôi cuốn theo hoàn cảnh.

Gia đình mỗi lúc một thêm suy sụp. Anh cố gắng chạy đầu này, đầu nọ nhưng càng tệ hại hơn khi anh không có một nghề nghiệp nào chắc chắn. Anh nguyên rủa sự khéo tay vô ích của mình. Nó làm người ta chép miệng thán phục nhưng không mang lại cho gia đình một sự dễ thở hơn. Xã hội anh đang sống không cần lầm những nghệ nhân.

Sau một trận cãi vã khá gay go, H. quyết định tự mình xoay xở. Sự bất lực trước cuộc sống làm cho anh thua buồn. Anh mang rượu về phòng uống và lao đầu vào những tác phẩm thể hiện cơn quẫn trí, những nỗi mệt mỏi về tâm thần của anh.

Giữa phòng anh đặt hai cái đầu gỗ và khoác cho chúng hai cái mặt nạ đẹp nhất, khéo léo nhất. Đó là hai đầu người đàn ông và đàn bà tươi tắn vào nhau, hạnh phúc và vui sướng.

Ngắm nghĩa mãi và anh nói một mình :

- Ước chi tình yêu bất động như hai đầu người này thì không bao giờ có tan vỡ, phản bội. Cái đẹp mong manh bị tổn thương khi va vào cuộc sống đa dạng và gai góc. Tôi nghiệp cho những ước muôn và hy vọng. Cái thực dụng trần trụi đã tàn phá tất cả.

Để minh chứng cho sự thất vọng của mình, anh đặt chung quanh hai đầu người yêu nhau những cái mặt nạ hề. Đủ mọi cách nhìn. Chế giễu, khinh khi, cau có.... Gian phòng nhỏ biến thành một tác phẩm hoành tráng về mặt nạ. Nó biểu hiện một sự chán nản đến cay đắng.

Anh nhìn những chiếc mặt nạ treo chung quanh, nhìn hai đầu người hạnh phúc rồi gục xuống khóc trong cơn say. Những giọt nước mắt tủi thân của người đàn ông bốn mươi không chu toàn được gia đình. Hai bàn tay tì mỉ, mọi cái đầu nhiều sáng tạo nghệ thuật không mang đến một giá trị thực tiễn nào cả. Người ta cần cái khác, dung tục, tầm thường nhưng vô cùng quan trọng. Vật chất. Nó là một nghệ thuật cao hơn hết mọi nghệ thuật. Thiếu nó, những nét đẹp của tình yêu nghệ thuật chân chính sẽ gãy vụn, tan nát. Anh chỉ làm được những cái giả tạo, phù phiếm, H. đã nói với anh. Anh làm ra

những cái giả thì anh sẽ nhận được cái giả mà thôi. Anh linh cảm H. bắt đầu xa anh. Tình yêu đang cần những cái thật hơn trong cuộc sống.

Anh tìm đến nhà T. một người bạn thân của gia đình. Anh muối mặt nhờ sự giúp đỡ của bạn bè trong giai đoạn khó khăn này. Anh cảm thấy tủi nhục khi phải nói những lời gần như van xin. T. là người bạn từ thuở nhỏ, đã từng ăn dặm, nằm dê ở nhà anh. Anh tin rằng T. thông cảm và không giấu cợt sự thất bại của anh.

T. tiếp anh niềm nở nhưng thấp thoáng bóng dáng kẻ cả của một người đang ăn nên làm ra. T. rót bia cho anh :

- Sao nghe nói mày làm ăn khá lắm ?

Anh buôn bã lác đâu :

- Đó là tin đồn. Tao đang ở giai đoạn tồi tệ nhất của sự thất nghiệp. T. mỉm cười :

- Những chiếc mặt nạ không giúp gì được cho mày sao ?

Người ta khen mày khéo tay lắm mà.

Anh trả lời thành thật :

- Đúng là ban đầu vợ tao có bán được như những thứ đồ chơi. Bây giờ không ai mua nữa.

T. ngả người ra sau thả khói :

- Tao đã nói với mày nhiều lần. Đừng đeo đuổi những cái giả tạo được đặt tên là nghệ thuật hay gì gì đó đi. Nó không đem lại cho mày sự no ấm. Nó không làm cho mày sung sướng được đâu. Mày làm hại cả vợ và những đứa con tương lai của mày. Gia đình mày không thể sống trên những cái mặt nạ dù mày có làm đẹp đến mức độ y như thật.

Anh im lặng và nghe ngụm bia đang ở trong miệng đắng như ngải cứu. T. nói chuyện với anh có khác gì một bậc trưởng thượng khuyên bảo một lối lầm của bọn trẻ đại.

- Mày bỏ hết chuyện mặt nạ, về làm ở xí nghiệp của tao. Bạn bè, tao nói thiệt. Làm kế toán cho tao, thu nhập cũng gấp mấy lần noi khác. Tuy nhiên có cái phiền là trong xí nghiệp, mày phải tôn trọng tao là thủ trưởng của mày để nhân viên tao không bàn tán.

Anh tò tháy độ nhũn nhặn :

- Dù không làm với mày tao cũng vẫn tôn trọng, không ăn nói tự nhiên, suông sǎ. Thằng nào cũng đã lớn, đã có vợ con. Đâu phải như thời còn đi học.

T. ngân ngừ một lúc : ..

- Vô xí nghiệp mày phải đóng kịch một chút. Đừng xung hô "mày, tao". Tao có sai bảo hay rầy la chút đỉnh cũng là chuyện tự nhiên. Mày đừng tự ái nghen.

Anh lại nghe đau thắt ngang ngực :

- Được. Tao sẵn sàng làm mọi chuyện để kiếm sống.

T. bật cười vỗ vai anh :

- Tao tin không khó lầm đối với mày. Mày là người nói tiếng làm mặt nạ khéo thì vô xí nghiệp mày cứ mang một cái mặt nạ nhún nhường nào đó trước mặt tao cho dễ dàng việc làm ăn, thế thôi. Về nhà cởi mặt nạ ra.

Anh từ giã ra về. Lon bia uống không hết đứng chờ vo trên bàn, lấp lánh những giọt nước ướp lạnh. Anh không hiểu anh

sẽ mang mặt nạ hay chính T. đã mang mặt nạ ? Mặt nạ của T. khéo gấp trăm lần thứ giả mà anh làm ra. Anh không hề nhận biết cho tới câu cuối cùng của người bạn thân trước đây. Anh có ý nghĩ nhầm mắt bịt tai lại để tìm cái sống trong lúc thất ngặt nhưng lời nói của T. như những mũi nhọn châm vào vết thương của anh. Phải, anh là người làm mặt nạ thì tại sao không tự mang lên mặt mình để kiếm sống ?

Anh ngạc nhiên khi thấy H. có vẻ bận rộn và lo lắng chuyện gì đó. Cô đi chợ sớm và mua sắm một số thức ăn khá cầu kỳ. Hình như H. đang tổ chức một bữa tiệc quan trọng vì nhìn nét căng thẳng trên gương mặt, ánh mắt thay đổi màu sắc của người vợ, anh nhận biết, mặc dù H. không mở miệng nói một tiếng nào với anh. Anh im lặng thừa nhận là người ngoài cuộc.

Sau cùng, trong khi phủ chiếc khăn trắng lên bàn ăn, sửa sang cái bình bông với những cánh marguerite trắng nõn H. mới gọi anh.

- Anh oi, em nói cái này cho nghe nè.

Anh chậm chạp tới bên vợ. Anh có cảm giác anh vừa trôi xuống từ một đỉnh cao nào đó.

- Chuyện gì vậy em ?

- Anh biết em làm tiệc đai ai không ?

Những câu hỏi gợi lên. Sinh nhật của H. ? Kỷ niệm ngày cưới ? Trí nhớ anh bắt đầu phản bội. Anh không nghĩ ra một lý do nào cho bữa tiệc. Thấy anh có vẻ lượng sượng, H. cười ngất :

- Em hỏi chơi chứ anh hổng biết đâu. Nè, em kể cho nghe. Em đang được một người giúp đỡ công chuyện làm ăn. Thành công thì gia đình mình sẽ khá ngay. Hôm nay em chiêu đãi ông khách. Không phải em giấu anh nhưng muốn anh bị bất ngờ chơi nên giờ này em mới nói. Anh giận em không ?

Anh cười ngượng ngáp :

- Không. Chuyện làm ăn thì em có quyền sắp xếp theo ý em.

- Nhưng có điều này em cần anh tiếp một tay. Em nói, được hổng được thì thôi, không có quan à ngen ?

Anh gật đầu. H. choàng tay qua vai anh nói nhỏ :

- Ông khách này tánh bay bướm và không thích thu nhận người làm có gia đình. Vậy khi em tiếp khách, anh tạm lánh mặt trong phòng làm việc của anh. Nếu kẹt phải ra thì em giới thiệu là anh trai em dưới quê lên chơi. Anh bằng lòng hông ?

Vừa nói, H. vừa hôn lên má anh. Hơi thở thơm tho trên mùi phấn son trang điểm làm cho anh rùng mình.

- Được thôi. Đâu có gì quan trọng. Chỉ sơ là...

H. bit miệng anh :

- Em hứa với anh là em hoàn toàn trong sạch. Vì gia đình quá túng quẫn nên em phải nhờ vả người ta. Mà anh biết đời này không tiên bạc, không thân thế thì chỉ còn nhan sắc. Anh hiểu cho em. Em chỉ yêu có mình anh.

Cơn đau lại trỗi lên. Đầu óc anh choáng váng. Anh nhớ lại những lời nói của T. Người bạn thân. Tiếng H. tiếp tục như vọng tối từ một cõi xa xôi :

- Em tin rằng anh giúp em. Bất quá sẽ mang một chiếc mặt nạ nào đó. Đố ai mà nhận ra nét mặt thật của anh. Hoàn cảnh bắt buộc chớ em cũng không muốn làm anh buồn.

Lại những cái mặt nạ. Mặt nạ nhún nhường đối với người bạn làm thủ trưởng, mặt nạ lạnh lùng không quen đối với người vợ đang giao tế làm ăn. Còn con người thật của anh ở đâu ? Trong căn phòng tối tăm chật hẹp với những cái đầu người cười, khóc nhăn nhở chăng ? Có lẽ như vậy. Anh không có quyền sống với con người thật của anh khi anh không có sẵn những cái mặt nạ vô hình mà T. đang mang và hình như chính H. cũng đang mang ?

Một tuần lễ sau gia đình anh thay đổi rõ rệt. Vợ anh đi làm cho một công ty liên kết với người nước ngoài, lương cao và tiền thưởng hàng tuần cũng khá. Anh cũng được một nhân viên của T. tới hẹn ngày đi làm. Ngày mai của gia đình được nhìn thấy trong ánh nắng rực rỡ. Giai đoạn thất nghiệp cùng quẩn đà qua. Những cái giả tạo mà anh đeo đuổi chìm dần vào lồng quên. Thực tế là đời sống và những sự biết điều của nó.

Tuy nhiên anh không còn có quyền sống với con người thật của mình được nữa. Anh là một nhân viên khiêm tốn, lễ độ với người bạn nối khố mà anh từng dùm bọc ngày trước. Anh là người anh trai ít nói, hiền hậu đối với người vợ thân yêu. Anh phải mang những chiếc mặt nạ.

Tiếng Việt

Tiếng Việt gọi trong hoàng hôn khói sẩm

Cánh đồng xa cò trắng rủ nhau về

Có con nghé trên lưng bùn ướt đầm

Nghe xác xao gió thổi giữa cau tre.

Tiếng kéo gỗ nhọc nhằn trên bãi nắng

Tiếng gọi đò sông vắng bến lau khuya

Tiếng lụa xé đau lòng thoi sợi trắng

Tiếng dập dồn nước lũ xoáy chân đê.

Tiếng cha dặn khi vun cành nhóm lửa

Khi hun thuyền, gieo mạ, lúc đưa nôi

Tiếng mưa dội ào ào trên mái cọ

Nón ai xa thăm thảm ở bên trời.

"Đá cheo leo trâu trèo trâu trượt"

Đi mòn đàng dứt cổ đợi người thương

Đây muối mặn giăng cay lòng khé xót

Ta như chim trong tiếng Việt như rừng.

Chưa chữ viết đã vụn tròn tiếng nói

Vâng trắng cao đêm cá lặn sao mờ

Ôi tiếng Việt như đất cày, như lụa

Óng tre ngà và mềm mại như tơ.

Tiếng tha thiết nói thường nghe như hát

Kể mọi điều bằng ríu rít âm thanh

Như gió nước không thể nào nắm bắt

Dấu huyền trâm, dấu ngã chênh vênh.

Dấu hỏi dựng suốt ngàn đời lửa cháy

Một tiếng vường rợp bóng lá cành vươn

Nghe mát lịm ở đâu mới tiếng suối

Tiếng heo may gợi nhớ những con đường.

Câu chuyện về anh rẽ qua một khúc ngoặt vào buổi sáng thứ hai tháng sau. Anh không đến xí nghiệp làm việc. Buổi chiều H. trở về nhà cũng không thấy anh xuống ăn cơm. Điện thoại của T. gọi đến trách móc anh vì công việc đang cần anh. H. giận dỗi vì bữa cơm không chuẩn bị. Cô lên phòng làm việc riêng của anh trên gác xếp dù H. không tin anh ở trên ấy. Cô nghĩ anh đã bỏ nhà đi tiệc tùng đâu đó với bạn bè.

Cảnh tượng trước mắt làm H. hốt hoảng nhưng cô không la được một tiếng nào. Giữa phòng, đối diện với hai cái đầu người hạnh phúc là một hình người bất động. H. không biết đó có phải là người mẫu mới của anh không ? Khuôn mặt của hình người là một làn datron phẳng, không mắt, mũi, miệng. Nó là một sự trân trọng đau đớn và chua xót.

Sự thật được phơi bày. Anh đã âm thầm làm một chiếc mặt nạ cho riêng mình. Ở giữa những khuôn mặt thương yêu, giận dữ, chế giễu, hạnh phúc, khuôn mặt anh rất người. Ở chỗ thiếu những giác quan, chìm vào lặng lẽ.

Có những người không cần đến những chiếc mặt nạ tinh xảo của anh khi họ đã sống với anh bằng những chiếc mặt nạ vô hình, trong suốt.

Tháng 7-1990

Đặng Thu Cuc

Một đảo nhỏ xa xôi ngoài biển rộng

Vẫn tiếng làng tiếng nước của riêng ta

Tiếng chảng mắt khi Loa thành đã mất

Nàng Mỹ Châu quỳ xuống lạy cha già

Tiếng thao thức lòng trai ôm ngọc sáng

Dưới cát vùi sóng dập chảng hể người

Tiếng túi cực kẻ ăn cầu ngủ quán

Thành Nguyễn Du vắng vắc nỗi thương đời.

... Buồm lộng sóng xô, mai về trúc nhớ

Phá cùi lồng vời voi cánh chim bay

Tiếng nghẹn ngào như đời mẹ đắng cay

Tiếng trong trẻo như hồn dân tộc Việt.

Mỗi sớm dậy nghe bốn bề thân thiết

Người qua đường chung tiếng Việt cùng tôi

Như vị muối chung lòng biển mặn

Như dòng sông thương mến chảy muôn đời.

Ai thuở trước nói những lời thứ nhất

Còn thô sơ như mảnh đá thay rìu

Điều anh nói hôm nay, chiều sẽ tắt

Ai người sau nói tiếp những lời yêu ?

Ai phiêu bạt nơi chân trời góc biển

Có gọi thầm tiếng Việt mỗi đêm khuya

Ai ở phía bên kia cảm súng khác

Cùng tôi trong tiếng Việt quay về.

Ôi tiếng Việt suốt đời tôi mắc nợ

Quên nỗi mình quên áo mặc cơm ăn

Trời xanh quá, môi tôi hồi hộp quá

Tiếng Việt ơi, tiếng Việt ân tình.

Lưu Quang Vũ

Ké đạo văn

Tôi lại thấy mặt mình hồng lên trong gương nhỏ. Đây là lần thứ hai. Hai bài tập làm văn của một trò nhỏ lớp tôi : Hùng Vũ. Lần trước, ôi, lần trước... Đề bài là : " Hãy tả lại hình ảnh cô giáo em đến trường trong cơn mưa rào ". Vũ vốn kém văn, chử nghĩa ngô nghê, bỗng vọt lên, tôi cho điểm cao nhất, bởi vì, tôi biết rằng nếu chính tôi phải viết một bài mẫu cho các em, tả chính mình dưới mưa, thì cũng không thể hơn bài của Vũ, văn và hồn của Vũ.

... " Trời bỗng nháng lên ánh chớp và trong đâu tôi cũng thế. Tôi chợt nhớ ra chỗ vòng lèn cầu thang trên chưa có lan can, lại hay đọng nước và đôi giày da màu hồng mới mua của cô góp cao lắm. " Nhờ cô giáo ngã ! ? ". Tôi lao xuống. Kịp. Tôi sẽ buồn biết bao nhiêu nếu cô không đưa tay ra vịn lấy mấy đâu ngón tay bé nhỏ của tôi, lụa bước trên gờ tường chênh vênh. Tôi đã không phải buồn. Vào lớp rồi, về nhà rồi, tôi vẫn thấy ngón tay mình ấm. Những ngón tay cô giáo tôi đã vịn vào yêu thương và tin cậy... " .

Tôi đưa bài của Vũ khoe chị hiệu trưởng. Chị gọi cả tổ xã hội đến đọc, ai cũng vui mừng. Chị lại gửi đăng báo. Sau một tuần báo đăng luân.

Vậy mà bây giờ, lần này, đề bài " Tả một buổi mít tinh ở trường em ". Vũ trả lại ngô nghê, lồng chổng, rối bời. Lạ một điều, có một đoạn ngắn tả tôi cô giáo chủ nhiệm trên khán dài, thì văn chương lại đẹp. Tôi hạ điểm hai vào bài của Vũ, rồi thay quần áo, tìm đến nhà em.

Một phản thịt ôi chênh ênh giữa cửa vào. Tường nhà cóc cáy, sàn nhôp nháp. Góc tường trong lò lửa mẩy mặt người bì nhầy. Và tôi, một cô giáo hai mươi ba tuổi, hoa khôi trường, tóc ngang vai bồng bênh như mây, áo dài trắng, quần trắng, giày hồng, đến, lúng búng hỏi thăm. Một ngón tay nhòn nhụa chỉ lên một cái lỗ vuông đục trên trần, mé trên cái phản thịt ôi. Tôi nín thở, khẽ kháng bám vào một cái thang tre, kẽo kẹt leo lên. Mặt tôi vừa nhô lên thoát ngắn sàn gác thì một mặt người quay ra trong ánh sáng như trăng suông se lạnh :

- Ai đấy ? À, cô giáo Kim Cúc phải không ạ ?
- Thưa bác, vâng. Nhưng sao bác...
- Thưa cô giáo, tôi là anh ruột Vũ, mới hai mươi tám tuổi. Nhờ cô lấy hộ cái ghế chỗ góc đó. Mời cô ngồi.

Tôi đến gần hơn để thấy khuôn mặt anh đẹp và buồn, đôi tay anh đang ngưng lại việc đục những hòn đá thành những cái đầu người. Những ngón tay anh ánh lấm tấm bụi sa thạch đỏ. Và đôi chân anh không có. Khoảng không gian

lẽ ra là chân anh đầy ắp những đầu người đá, mắt lim dim, nửa thức nửa ngủ. Tôi nhìn những khuôn mặt đá và nghe :

... " Tôi thấy thằng Vũ có cái gì khang khác từ ngày nhận cái đề văn " Cô đến trong mưa " về chuẩn bị trước một tuần đó. Ba ngày đâu, nó ngồi lui cui suốt chiều, suốt tối, viết lại xé, viết lại xé. Đêm ấy, nó thức tôi dậy, khóc tức tưởi một lúc mới nói được : " Em kém, em không biết làm văn, em có thể nhận điểm một bất kì bài tập làm văn nào. Nhưng, nhưng không thể là bài văn này. Anh ơi em yêu cô giáo em lắm ". Tôi hiểu em tôi, nó tôi dại nhưng lại có cái không tôi. Tôi nhận giúp nó và dỗ nó ngủ yên. Tinh khôi sáng hôm sau, tôi hỏi nó từng tí một để có thể hình dung ra cô. Và đây, cô thấy không bức tượng đá nhỏ cả người kia là cô đấy (tôi nhìn theo tay anh, thấy mình y như lúc nãy dưới nhà, khi chưa biết anh, thoát nhô xíu lại và hoá đá trước những mặt người lơ lửng và một ngón tay nhòn nhụa). Bài văn ấy là của tôi và thằng Vũ đã học thuộc rất nhanh, đến từng dấu phẩy (tôi bất giác nhìn xuống những ngón tay anh : " Thì ra những ngón tay nhỏ bé đã để mình vịn vào trong mưa và đã ấm áp mãi đến tận tối... là những ngón tay này đây ". Tôi nhìn những ngón tay tôi, thấy nó hồng lên, như đã anh ánh lấm tấm bụi sa thạch đỏ tự lúc nào). Tôi nhận lỗi, thưa cô Cúc. Bây giờ cô về đi. Cả bức tượng kia cũng sẽ theo về với cô. Tôi xin cô một điều : cô đừng bao giờ... đừng bao giờ... đến đây. Cô về đi, lò mổ dưới nhà sắp đến giờ nhập lợn. Nhiều lợn lắm, nêm kín cửa luôn đó, cô không ra được đâu. Mà có ra được cũng bẩn hết quần áo. Mà quần áo cô lại trắng đến thế kia.



Mé ô cửa lên gác, thằng Vũ hiện ra từ những tường đá, lăng lẽ xé nhỏ, từng tí một, bài văn mẫu của anh nó, thả như những bụi mưa xuống nhà dưới.



Cô giáo bước xuống thang, thấy một toàn cảnh lạ : những bụi giấy bay như sóng mây. Phản thịt hồng thơm. Tường nhà sáng bóng. Và những mặt người, những ngón tay người rõ nét, thật thịt da bình dị, trong có máu hồng.

HOÀ VANG

Diễn Đàn forum

Directeur de publication : Nguyễn Quang Đỗ * Imprimé par nos soins
Dépot Légal : 178/ 91 * Commission Paritaire : AS 73 324 *

Prix : 4 Euros

Địa chỉ bưu điện :

BP 50, 92340 Bourg-La-Reine (Pháp)

Fax: từ Pháp : 01 45 86 65 93 ; quốc tế : 33 1 45 86 65 93

Địa chỉ điện tử (E-Mail) :

diendan@wanadoo.fr.

<http://perso.wanadoo.fr/diendan>

Đại diện ở các nước :

Đức : Tran, Am Stadtpark 6, 92237 Sulzbach-Rosenberg

Thể lệ mua báo : xin coi trang 2.

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa Mac (font PDT) hay PC (font VNI, TCVN, VPS, PDT..) ; hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet VIQR)